



**CÔNG TY CỔ PHẦN THUỐC SÁT TRÙNG CẦN THƠ**  
**CANTHO PESTICIDES JOINT-STOCK COMPANY (CPC)**

51, Trương Văn Diễn, P. Phước Thới,  
Q. Ô Môn, TP. Cần Thơ  
Tel: (84-292) 3861770 Fax: (84-292) 3861798  
Email: admin@tstcantho.com  
Website: www.tstcantho.com.vn

Số: 14 /TB.CPC.2025

Cần Thơ, ngày 03 tháng 04 năm 2025

## THÔNG BÁO

(V/v Tổ chức Đại Hội Đồng Cổ Đông thường niên 2025)

**KÍNH GỎI: QUÝ CỔ ĐÔNG CÔNG TY CP THUỐC SÁT TRÙNG CẦN THƠ (CPC)**

Hội Đồng Quản Trị (HĐQT) Công ty CP Thuốc sát trùng Cần Thơ (CPC) trân trọng thông báo đến toàn thể Quý Cổ đông về việc tổ chức họp ĐHĐCĐ thường niên năm 2025 như sau:

- 1- **Thời gian** : 9 giờ 00 Thứ Năm, ngày 24/04/2025.
- 2- **Địa điểm**: Hội trường của Khách sạn HƯƠNG GIANG, số 51 Lê Lợi, phường Phú Hội, quận Thuận Hóa, TP. Huế.
- 3- **Thành phần tham dự**: Tất cả cổ đông hiện hữu theo danh sách chốt ngày 28/03/2025. Trường hợp quý cổ đông không thể tham dự có thể ủy quyền cho người khác tham dự theo mẫu "Phiếu đăng ký / Ủy quyền tham dự" đính kèm hoặc tìm trên Website của Công ty tại địa chỉ: [www.tstcantho.com.vn](http://www.tstcantho.com.vn) (người nhận ủy quyền không được ủy quyền lại cho người thứ ba).
- 4- **Nội dung Đại hội**:
  - a- Thông qua đề nghị của HĐQT về quyết toán năm tài chính, phương án phân phối lợi nhuận, mức chia cổ tức và trích lập các quỹ năm 2024
  - b- Báo cáo kết quả kiểm toán báo cáo tài chính năm 2024
  - c- Tờ trình về lựa chọn đơn vị kiểm toán cho năm tài chính 2025
  - d- Phương hướng sản xuất kinh doanh và kế hoạch năm 2025
  - e- Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát năm 2024
  - f- Biểu quyết thông qua các vấn đề khác thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông
- 5- **Thời gian đăng ký và xác nhận tham dự đại hội**:

Để Công ty chuẩn bị Đại hội đạt kết quả tốt, đề nghị quý Cổ đông xác nhận qua Phiếu đăng ký / Ủy quyền tham dự (đính kèm) và gửi về cho Ban tổ chức đại hội theo địa chỉ: Công ty CP Thuốc sát trùng Cần Thơ, 51 Trương Văn Diễn, Phước Thới, Ô Môn, Tp. Cần Thơ hoặc Fax số: 0292-3861798 hay email theo địa chỉ: [camtu.tstcantho@gmail.com](mailto:camtu.tstcantho@gmail.com) trước 15 giờ 30 ngày 18/04/2025

Mọi chi tiết xin vui lòng liên hệ văn phòng Công ty, ĐT: 0292-3861770, Fax : 0292-3861798 hay Cô Trần Thị Cẩm Tú (di động (Zalo) : 0939.688.369)

Khi tham dự Đại hội, Quý Cổ đông vui lòng mang theo giấy CCCD hoặc hộ chiếu để Ban Tổ chức đại hội xác nhận tư cách Cổ đông.

Mọi chi tiết xin tham khảo thêm website Công ty tại địa chỉ: [www.tstcantho.com.vn](http://www.tstcantho.com.vn)

Thông báo này thay cho thư mời.

Trân trọng thông báo.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**  
**TỔNG GIÁM ĐỐC**  
**NGUYỄN VĂN TRUNG**



**PHIẾU ĐĂNG KÝ / ỦY QUYỀN THAM DỰ  
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2025  
CÔNG TY CỔ PHẦN THUỐC SÁT TRÙNG CẦN THƠ**  
❧❧❧

Kính gửi: **HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ CTY CP THUỐC SÁT TRÙNG CẦN THƠ**

☐ **Đăng ký tham dự đại hội**

☐ **Ủy quyền tham dự đại hội**

**1. THÔNG TIN CỔ ĐÔNG:**

Họ và tên cổ đông: ..... Quốc tịch: .....  
Số CCCD / Hộ chiếu/ ĐKKD: ..... Ngày cấp: ..... Nơi cấp: .....  
Người đại diện theo pháp luật (đối với tổ chức): .....  
Số CCCD/ Hộ chiếu: ..... Ngày cấp: ..... Nơi cấp: .....  
Địa chỉ liên lạc: .....  
Điện thoại liên lạc: ..... Fax: ..... Email: .....

**2. THÔNG TIN ỦY QUYỀN:**

Quý cổ đông không có điều kiện trực tiếp tham dự đại hội có thể ủy quyền cho người khác tham dự.  
Họ và tên người được ủy quyền: ..... Quốc tịch: .....  
Số CCCD / Hộ chiếu: ..... Ngày cấp: ..... Nơi cấp: .....  
Địa chỉ liên lạc: .....  
Điện thoại liên lạc: ..... Fax: ..... Email: .....

Trong trường hợp chưa tìm được người ủy quyền, Quý cổ đông có thể xem xét ủy quyền tham dự đại hội cho một trong những thành viên được đề cử như sau:

- ☐ Ông Võ Viết Thanh – Chủ tịch Hội đồng quản trị /
- ☐ Ông Nguyễn Văn Trung – Thành viên Hội đồng quản trị/ Tổng Giám đốc
- ☐ Ông Nguyễn Ngọc Minh – Thành viên Hội đồng quản trị / Phó Tổng Giám đốc
- ☐ Ông Phạm Thế Hùng – Thành viên Hội đồng quản trị
- ☐ Ông Hồ Quang Thái – Thành viên Hội đồng quản trị

Thay mặt tôi tham dự và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025, với tư cách là đại diện cho tất cả số cổ phần mà tôi đang sở hữu. Ông (Bà): ..... có nghĩa vụ thực hiện đúng nội dung quy chế làm việc của Đại hội, không được ủy quyền lại cho người khác và có trách nhiệm thông báo lại kết quả Đại hội cho người ủy quyền.

Giấy ủy quyền này chỉ có hiệu lực tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 Công ty Cổ phần Thuốc sát trùng Cần Thơ.

Giấy này được lập thành 2 bản, mỗi bên giữ 1 bản và có giá trị pháp lý như nhau.

**NGƯỜI ĐƯỢC ỦY QUYỀN**  
(Ký và ghi rõ họ tên)

....., ngày ..... tháng ..... năm 2025  
**NGƯỜI ĐĂNG KÝ**  
(Ký và ghi rõ họ tên)

**Lưu ý:** Giấy này gửi trực tiếp qua đường bưu điện theo địa chỉ: Cty CP Thuốc sát trùng Cần Thơ, 51 Trương Văn Diễn, Phước Thới, Ô Môn, TP Cần Thơ; hoặc fax số: 0292.3861.798, email: [camtu.tstcantho@gmail.com](mailto:camtu.tstcantho@gmail.com), Zalo: 0939.688.369. Thời hạn cuối đăng ký: 15g30 ngày 18/04/2025. Mỗi cổ đông chỉ được ủy quyền cho một người. Khi đến dự người được ủy quyền vui lòng mang theo CCCD/ Hộ chiếu, (trường hợp đã đăng ký qua điện thoại, email hay zalo phải mang bản gốc) để đăng ký tư cách cổ đông tham dự cuộc họp.





**CÔNG TY CỔ PHẦN THUỐC SÁT TRÙNG CẦN THƠ**  
**CANTHO PESTICIDES JOINT-STOCK COMPANY (CPC)**

51, Trương Văn Diễn, P. Phước Thới,  
Q. Ô Môn, TP. Cần Thơ  
Tel: (84-292) 3861770 Fax: (84-292) 3861798  
Email: admin@tstcantho.com  
Website: www.tstcantho.com.vn

## **CHƯƠNG TRÌNH NGHỊ SỰ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2025**

❧ o0o ❧

**Địa điểm:** Hội trường của Khách sạn HƯƠNG GIANG, số 51 Lê Lợi, phường Phú Hội, quận Thuận Hóa, thành phố Huế

**Thời gian : 9h00 Thứ năm , ngày 24/04/2025.**

Chương trình:

- 7h00–9h00: Đón tiếp cổ đông và đăng ký đại biểu được quyền biểu quyết
- 9h00 Khai mạc đại hội
- 1. Tuyên bố lý do và giới thiệu đại biểu: MC
- 2. Báo cáo cơ cấu cổ đông và đại diện cổ đông được quyền biểu quyết hiện diện: Ông Nguyễn Văn Thái – Trưởng Ban kiểm soát thông qua quy chế làm việc tại đại hội - Biểu quyết.
- 3. Đề cử Chủ tọa đoàn, Ban thư ký: Ông Nguyễn Văn Thái – Trưởng Ban kiểm soát. Biểu quyết;
- 4. Báo cáo của HĐQT về kết quả hoạt động và quyết toán tài chính năm 2024. Đề nghị của HĐQT về phương án phân phối, sử dụng lợi nhuận của CPC; Báo cáo phương hướng sản xuất kinh doanh và kế hoạch năm 2025 : Ông Nguyễn Văn Trung– Tổng giám đốc kiêm ủy viên HĐQT CPC. Thảo luận và biểu quyết
- 5. Báo cáo kết quả kiểm toán báo cáo tài chính 2024 và một số hoạt động của BKS năm qua. Thông qua Điều lệ sửa đổi cho phù hợp với quy định mới của UBCKNN, Quy chế nội bộ về quản trị công ty, Quy chế hoạt động của HĐQT và Quy chế hoạt động của BKS: Ông Nguyễn Văn Thái – Trưởng Ban kiểm soát.
- 6. Thư ký thông qua biên bản và nghị quyết đại hội.
- 7. Chủ tịch HĐQT tuyên bố bế mạc và mời đại biểu dùng bữa cơm thân mật.



## KẾ HOẠCH KINH DOANH NĂM 2025

Kính gửi:

1. Tên đơn vị: **CÔNG TY CP THUỐC SẮT TRÙNG CẦN THƠ**

Địa chỉ: 51 Trương Văn Diễn, P. Phước Thới, Q. Ô Môn, TP. Cần Thơ

Người đại diện: Ông Nguyễn Văn Trung, Chức vụ: Tổng giám đốc

2. Ngành nghề kinh doanh chính: Nhập khẩu, sản xuất, gia công, kinh doanh thuốc bảo vệ thực vật, các chế phẩm sinh học và hóa chất các loại, nhập khẩu, kinh doanh phân bón, máy móc thiết bị, dụng cụ phục vụ sản xuất nông nghiệp...

Vốn điều lệ: **43.030.500.000 đồng**

**Kế hoạch kinh doanh dự kiến thực hiện năm 2025:**

	Đvt: Đồng
Doanh thu thuần từ HĐSX, KD TBVTV	190.000.000.000
Lợi nhuận trước thuế	11.000.000.000
Lợi nhuận sau thuế	8.800.000.000

TM.HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



TỔNG GIÁM ĐỐC

*Nguyễn Văn Trung*



## (DỰ THẢO)

### THUYẾT MINH THỜI HẠN THANH TOÁN CỔ TỨC BẰNG TIỀN

1. Ngày 24/4/2025 họp đại hội đồng cổ đông quyết định mức chia cổ tức là \_ % bằng tiền. CPC lập nghị quyết của ĐHĐCĐ để làm cơ sở nộp cho Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán VN và UBCKNN.
2. Ngày 09/5/2025 CPC gửi hồ sơ đến Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán VN để đăng ký chốt danh sách cổ đông chia cổ tức (thực hiện CBTT trên Cổng giao tiếp điện tử của VSDC và gửi bản cứng cho VSDC).
3. Ngày 13/5/2025 Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán VN, HNX và UBCKNN nhận được hồ sơ do CPC gửi
4. Từ 15 đến 22/5/2025 CPC bổ sung các hồ sơ cần thiết cho VSDC và UBCKNN (nếu có). HNX kiểm tra nguồn chi trả cổ tức của CPC.
5. Ngày 23/5/2025 VSDC thông báo cho các công ty chứng khoán thành viên (tính thêm 10 ngày làm việc trước ngày đăng ký cuối cùng theo quy định của quy chế thực hiện quyền từ VSDC).
6. **Ngày 17/06/2025 là ngày đăng ký cuối cùng chốt danh sách để chia cổ tức \_ % bằng tiền.**
7. Ngày 24/6/2025 CPC sẽ nhận được danh sách chốt cổ đông từ VSDC.
8. Ngày 26/6/2025 CPC trả lời VSD chấp nhận danh sách
9. Ngày 08/7/2025 CPC chuyển tiền đến tài khoản của VSDC
10. Ngày 09/7/2025 VSD nhận được tiền chuyển khoản từ CPC
11. Ngày 11/7/2025 VSD chuyển tiền đến các công ty chứng khoán thành viên.
12. Ngày 11/07/2025 các công ty chứng khoán thành viên nhận được tiền và chuyển vào tài khoản của từng cá nhân cổ đông.

Như vậy, ngày thanh toán cổ tức phải là **11/07/2025**



TP.Huế, ngày 24 tháng 04 năm 2025

**QUY CHẾ LÀM VIỆC CỦA ĐẠI HỘI ĐỒNG  
CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2024  
CÔNG TY CỔ PHẦN TST CẦN THƠ**

- Căn cứ vào Luật Doanh Nghiệp năm 2020
- Căn cứ vào điều lệ hoạt động của Công Ty Cổ Phần Thuốc Sắt Trùng Cần Thơ .

**Điều 1. Mục tiêu**

1. Đạt được sự đồng thuận cao nhất của cổ đông để hoàn thành nhiệm vụ của Đại hội đề ra.
2. Đảm bảo nguyên tắc làm việc công khai, công bằng, dân chủ và đoàn kết.
3. Vì quyền lợi của cổ đông và đáp ứng nhu cầu phát triển bền vững của Công ty.

**Điều 2. Văn hoá & tác phong của Đại hội**

1. Tất cả các Cổ đông đến tham dự Đại hội mặc trang phục chỉnh tề, lịch sự, thư mời họp và các giấy tờ liên quan đến việc xác minh tư cách đại biểu tại bàn tiếp đón.
2. Giữ trật tự và tư cách nghiêm túc trong giờ họp. Không hút thuốc lá, khi sử dụng điện thoại di động trong Hội trường ( nếu có xin vui lòng để chế độ rung), giao tiếp hòa nhã, thân thiện; không được bỏ về giữa giờ khi chưa có sự đồng ý của chủ tọa Đại hội.

**Điều 3. Biểu quyết thông qua các vấn đề tại Đại hội**

1. **Nguyên tắc:** Theo yêu cầu của Chủ tọa Đại hội cần lấy biểu quyết các vấn đề quan trọng, Đại hội sẽ tiến hành biểu quyết công khai bằng hình thức đánh dấu vào thẻ biểu quyết do Ban tổ chức Đại hội phát ra. Thẻ biểu quyết có in số cổ phần được quyền biểu quyết tại Đại hội.
2. **Cách biểu quyết:** Với nội dung được yêu cầu biểu quyết, cổ đông thống nhất ý kiến hoặc không thống nhất ý kiến bằng cách đánh dấu vào thẻ biểu quyết.

**Điều 4. Thảo luận nội dung phiên họp và giải đáp thắc mắc.**

Sau khi tiến hành xong các báo cáo được trình tại Đại hội, Chủ tọa Đại hội tiếp tục chủ trì phiên thảo luận, tiếp nhận ý kiến của các cổ đông và giải đáp thắc mắc theo nguyên tắc và cách thức sau :

1. Cổ đông tham dự Đại hội có quyền đóng góp ý kiến theo nội dung Đại hội bằng cách giơ tay tại chỗ.
2. Chủ tọa Đại hội chỉ trả lời trực tiếp các câu hỏi trọng tâm và liên quan đến các nội dung trong chương trình Đại hội và mang tính đại diện cho nhiều cổ đông, không trả lời trực tiếp



và giải thích chi tiết các nội dung đã được công bố thông tin, đã được quy định trong pháp luật, hoặc các nội dung có tính chất giải thích chuyên môn, chi tiết mang tính chất phục vụ yêu cầu riêng biệt của cá nhân cổ đông.

3. Các câu hỏi về thông tin riêng lẻ hoặc không liên quan trực tiếp đến nội dung đại hội, sẽ được ban thư ký tập hợp và trả lời bằng văn bản hoặc thông tin trên website của công ty. (Nếu có)

4. Do thời gian có hạn, Đại hội qui định thời gian dành cho thảo luận từ 30-40 phút, quá thời gian này nếu còn câu hỏi chưa trả lời kịp thì sẽ được trả lời bằng văn bản hoặc thông tin trên website của Công ty.

#### **Điều 5. Trách nhiệm của Chủ tọa Đại hội:**

1. Điều khiển đại hội theo đúng nội dung chương trình nghị sự, các qui chế, thể lệ đã được Đại hội thông qua. Chủ tọa Đại hội làm việc theo nguyên tắc tập trung dân chủ và quyết định theo đa số.

2. Hướng dẫn Đại hội thảo luận, lấy ý kiến biểu quyết các vấn đề nằm trong nội dung chương trình nghị sự của Đại hội và các vấn đề có liên quan trong suốt quá trình Đại hội.

3. Giải quyết các vấn đề phát sinh (nếu có) trong quá trình diễn ra Đại hội.

#### **Điều 6. Trách nhiệm của Ban thư ký .**

1. Ban thư ký & kiểm phiếu gồm.....người do Trưởng Ban kiểm soát giới thiệu, chịu trách nhiệm trước Chủ tọa Đại hội và Đại hội đồng cổ đông về nhiệm vụ của mình; ghi chép đầy đủ, trung thực toàn bộ nội dung diễn biến tại Đại hội và những vấn đề đã được các cổ đông thông qua kể cả các vấn đề còn bảo lưu tại Đại hội; soạn thảo biên bản cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và Nghị quyết về các vấn đề đã được thông qua tại Đại hội.

2. Thẩm tra tư cách cổ đông do Trưởng ban kiểm soát phụ trách, giúp Chủ tọa Đại hội kiểm tra các điều kiện để tiến hành Đại hội và tư cách của cổ đông dự họp; báo cáo kết quả thẩm tra tư cách cổ đông tham dự Đại hội. Trên đây là toàn bộ nội dung Qui chế làm việc của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 Công ty .

Kính trình Đại hội thông qua./.

**Trưởng Ban Kiểm Soát**

**Nguyễn Văn Thái**



# BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM 2024

Kính thưa quý vị đại biểu,

Thay mặt HĐQT tôi xin báo cáo các hoạt động của HĐQT trong năm vừa qua như sau:

1. Với sự nỗ lực của Ban lãnh đạo cùng toàn thể cán bộ công nhân viên công ty trong việc định hướng, điều hành và thực hiện nhất quán phương hướng sản xuất, hoạt động kinh doanh của CPC. Công ty chúng ta đã vượt qua được những bất lợi chung để đạt được kết quả khả quan. Mặc dù doanh thu bán hàng 2024 chỉ vượt **0,02%** so với kế hoạch nhưng lợi nhuận trước thuế đã đạt hơn **14,97** tỷ đồng, vượt **36,16%** so với kế hoạch đề ra.
2. Trong năm, Công ty đã tiến hành chi trả xong cổ tức bằng tiền với tỷ lệ 18% của năm tài chính 2023. Việc chi trả cổ tức đúng kế hoạch đã mang lại sự hài lòng và tăng cường sự tin tưởng của cổ đông đối với Công ty.
3. Hội đồng quản trị đánh giá cao tinh thần trách nhiệm xã hội của CPC trong năm 2024. Là doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực nông nghiệp, Công ty luôn ý thức được những ảnh hưởng đến môi trường và cam kết thực hiện các giải pháp giảm thiểu tác động tiêu cực. Trong năm, CPC đã đẩy mạnh ứng dụng công nghệ sinh học vào sản xuất, mở rộng danh mục sản phẩm hữu cơ thân thiện với môi trường. Bên cạnh đó, Công ty tích cực tham gia các hoạt động cộng đồng tại địa phương, như hỗ trợ nông dân trong việc chuyển đổi sang mô hình canh tác bền vững, tài trợ các chương trình giáo dục về nông nghiệp xanh và chung tay trong các chương trình bảo vệ tài nguyên nước. Những nỗ lực này không chỉ thể hiện trách nhiệm xã hội mà còn giúp CPC xây dựng hình ảnh một doanh nghiệp phát triển bền vững, gắn kết chặt chẽ với cộng đồng và ngành nông nghiệp Việt Nam.
4. Ban Tổng Giám đốc đã hoàn thành nhiệm vụ điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh đi theo đúng kế hoạch, hoàn thành các mục tiêu đề ra trong bối cảnh kinh tế còn nhiều thách thức. Ban Tổng Giám đốc đã thực hiện nghiêm túc các Nghị quyết, Quyết định của Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, đồng thời linh hoạt triển khai các giải pháp điều hành phù hợp với định hướng phát triển của Công ty. Nhờ đó, hoạt động sản xuất kinh doanh có nhiều chuyển biến tích cực, củng cố vị thế của Công ty trên thị trường. Bên cạnh đó, Ban Tổng Giám đốc cũng tuân thủ nghiêm túc các quy định về công bố thông tin và giao dịch chứng khoán, tạo nền tảng vững chắc cho sự phát triển bền vững của Công ty trong tương lai.
5. Chỉ tiêu thu nhập trên mỗi cổ phiếu (EPS) của CPC đạt **2.111** đồng/ cổ phiếu. Kết quả kinh doanh với lợi nhuận ổn định tạo điều kiện để công ty có thêm nguồn để thực hiện việc chi trả cổ tức theo đúng kế hoạch, mang lại sự hài lòng và tăng cường sự tin tưởng của cổ đông đối với công ty.
6. Bên cạnh hoạt động kinh doanh cốt lõi, công ty còn tích cực tham gia nhiều phong trào thi đua, đóng góp xây dựng cộng đồng địa phương vững mạnh và được các cấp chính quyền ghi nhận. Trong năm 2024, Công ty kết hợp với Công đoàn CPC đã xây 02 nhà đại đoàn kết cho công nhân nghèo tại CPC 170 triệu đồng (mỗi căn trị giá 85 triệu đồng). Hỗ trợ ban ngành đoàn



thể 132 triệu đồng, chi hỗ trợ sự thăm bệnh CBCNV và chăm lo cho chị em phụ nữ công ty 374 triệu đồng.

7. Về công tác quảng bá thương hiệu, CPC tự hào là doanh nghiệp 20 năm liền giữ vững danh hiệu Hàng Việt Nam chất lượng cao (từ 2005 đến 2024). Thương hiệu “Thuốc sát trùng Cần Thơ” luôn đi liền với đảm bảo chất lượng theo tiêu chuẩn chất lượng quốc tế ISO 9001:2015 và ISO 14001:2015. Mọi nỗ lực của toàn công ty đều hướng theo slogan **“CPC Cùng nông gia được mùa”**
8. Trong quá trình hoạt động, CPC đã nỗ lực vận hành doanh nghiệp theo các nguyên tắc, quy định của pháp luật và quy định nội bộ về quản trị Công ty. Ngoài ra, CPC đang tích cực xây dựng, phát triển Quy chế nội bộ về quản trị công ty theo Luật doanh nghiệp 2020 và Nghị định 155/2020/NĐ-CP.
9. Mọi hoạt động của HĐQT, BKS, Ban Tổng Giám đốc và các cấp quản lý khác đều được thực hiện đầy đủ và báo cáo minh bạch rõ ràng, tuân thủ Điều lệ Công ty, Luật Doanh nghiệp cũng như Pháp luật hiện. Hoạt động quản trị đảm bảo tính công bằng, tôn trọng quyền và lợi ích hợp pháp của cổ đông và các nhà đầu tư.
10. HĐQT đã phối hợp chặt chẽ với Ban Tổng Giám đốc và Ban Kiểm soát, tổ chức họp định kỳ theo quy định nhằm xem xét, quyết định các vấn đề quan trọng, đồng thời đảm bảo công bố thông tin minh bạch, giúp cổ đông và nhà đầu tư theo dõi sát sao tình hình hoạt động của Công ty. Những nỗ lực này không chỉ đảm bảo quyền lợi của cổ đông mà còn góp phần vào sự phát triển bền vững của Công ty trong khuôn khổ pháp luật hiện hành.

- Nêu cụ thể số lượng các cuộc họp Hội đồng quản trị.

STT	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Số buổi họp HĐQT tham dự	Tỷ lệ tham dự họp
1	Võ Viết Thanh	Chủ tịch HĐQT độc lập	08/08	100%
2	Nguyễn Văn Trung	Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc	08/08	100%
3	Hồ Quang Thái	Thành viên HĐQT độc lập	08/08	100%
4	Nguyễn Ngọc Minh	Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc	08/08	100%
5	Phạm Thế Hùng	Thành viên HĐQT kiêm Giám đốc Kinh doanh	08/08	100%

- Nêu nội dung và kết quả của các cuộc họp.



STT	Số Nghị quyết	Ngày	Nội dung	Tỉ lệ thông qua
1	08/2024.NQ.HĐQT.CPC	28/02/2024	Tổ chức ĐHĐCĐ thường niên 2024	100%
2	02/HĐQT.2024	22/04/2024	Bổ nhiệm Người quản trị công ty	100%
3	04/2024.NQ.HĐQT.CPC	04/05/2024	Quy định mức thưởng vượt kế hoạch cho HĐQT & BKS năm 2023	100%
4	05/2024.NQ.HĐQT.CPC	04/05/2024	Quy định mức thưởng vượt kế hoạch cho HĐQT & BKS năm 2023	100%
5	06/2024.NQ.HĐQT.CPC	04/05/2023	Quy định mức thưởng vượt kế hoạch cho Ban Tổng giám đốc và cán bộ cấp cao năm 2023	100%
6	07/2024.NQ.HĐQT.CPC	04/05/2023	Quy định mức chi cổ tức năm 2023	100%
7	08/2024.NQ.HĐQT.CPC	27/08/2024	Giao dịch với tổ chức có liên quan	100%
8		30/12/2024	HĐQT hợp thống nhất giao cho Tổng Giám đốc được quyền mở tài khoản và thực hiện vay vốn cũng như các giao dịch có liên quan tại ngân hàng, đồng thời HĐQT ủy nhiệm cho Tổng Giám đốc sử dụng, điều hành tài khoản và các dịch vụ ngân hàng	100%

11. Thu nhập của các thành viên HĐQT

	Tiền lương	Thưởng	Thù lao	Cộng thu nhập
Ông Võ Viết Thanh – Chủ tịch Hội đồng quản trị	147.600.000	308.797.916	30.707.813	487.105.729
Ông Nguyễn Văn Trung – Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Tổng Giám đốc	619.800.000	1.194.355.000	29.268.750	1.843.423.750
Ông Nguyễn Ngọc Minh - Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Phó Tổng Giám đốc	519.600.000	993.432.000	29.268.750	1.542.300.750
Ông Phạm Thế Hùng – Thành viên Hội đồng quản trị	374.100.000	745.532.000	29.268.750	1.148.900.750

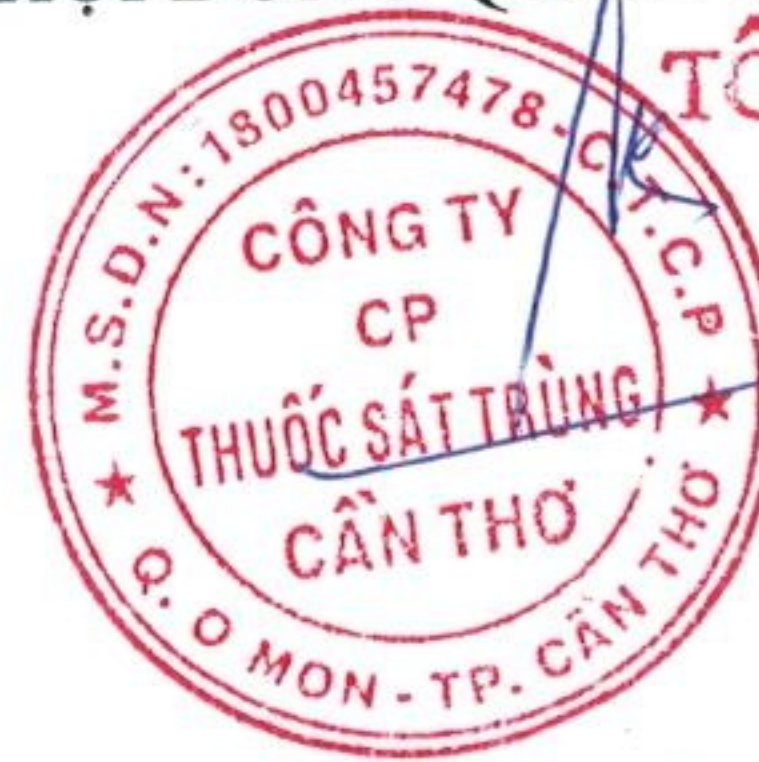


	<u>Tiền lương</u>	<u>Thưởng</u>	<u>Thù lao</u>	<u>Cộng thu nhập</u>
Ông Hồ Quang Thái – Thành viên Hội đồng quản trị	-	47.075.000	29.268.750	76.343.750

12. Với thành tích tốt đẹp nói trên, thay mặt hội đồng quản trị tôi xin kính chúc đại hội thành công tốt đẹp và HĐQT sẽ tích cực đổi mới công ty hơn nữa để giúp cho CPC ngày càng phát triển bền vững trên thương trường.

Kính chúc quý đại biểu dồi dào sức khỏe, may mắn, hạnh phúc và một lần nữa kính chúc đại hội thành công tốt đẹp.

TM.HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



**TỔNG GIÁM ĐỐC**

*Nguyễn Văn Trung*



# **BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT CPC**

## **BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG NĂM 2024 CỦA BAN KIỂM SOÁT CÔNG TY CỔ PHẦN THUỐC SẮT TRÙNG CẦN THƠ**

**Kính thưa : Đại Hội Đồng cổ đông.**

- Căn cứ vào điều 170 (Quyền và nghĩa vụ của BKS), 171 (Quyền được cung cấp thông tin) của Luật Doanh nghiệp năm 2020, và điều 35, 36 của Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty CP TST Cần Thơ;

- Căn cứ vào Báo cáo kết quả kiểm toán của Công ty TNHH kiểm toán và tư vấn A&C CN Cần Thơ;

- Căn cứ vào Báo cáo tài chính và hồ sơ của CPC trong năm tài chính 2024;

Ban Kiểm soát Công ty xin báo cáo với Đại Hội đồng Cổ đông thường niên kết quả hoạt động năm 2024 và phương hướng hoạt động năm 2025 như sau:

### **I. Báo cáo hoạt động của Ban Kiểm soát năm 2024.**

Trong năm 2024 số lượng BKS của CPC vẫn là 03 thành viên, và có một số hoạt động tiêu biểu như sau:

- Trong năm 2024 có tham gia tất cả các cuộc họp của HĐQT CPC, và cũng có một số ý kiến nhất định kiến nghị đến HĐQT .

- Giám sát việc thực hiện kiểm toán nội bộ tại CPC nhằm giúp Tổng giám đốc quản lý tốt tài sản của CPC một cách đáng tin cậy, từ đó có giải pháp kịp thời điều hành CPC, thực hiện tốt nghị quyết của HĐQT và ĐHĐCĐ năm 2024 đề ra ...

- Thực hiện kiểm tra, giám sát tính phù hợp về thẩm quyền trong công việc ra quyết định của Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc công ty; trình tự ban hành các văn bản của Công ty, đảm bảo phù hợp với qui định của Pháp luật và Điều lệ Công ty.

- Trong năm 2024, Ban Kiểm soát đã thực hiện kiểm tra, giám sát việc kiểm kê hàng hoá, tài sản, công nợ và một số vấn đề khác thuộc nhiệm vụ của mình.

- Kiểm tra, thẩm định báo cáo đánh giá công tác quản lý, điều hành Công ty năm 2024. Xem xét báo cáo kiểm toán do Công ty kiểm toán độc lập phát hành.

- Kiểm tra, giám sát các thủ tục, trình tự trong công tác tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên, đảm bảo tuân thủ theo đúng qui định của pháp luật và điều lệ Công ty.

### **II. Báo cáo thẩm định của Ban Kiểm soát năm 2024.**

Hội đồng Quản trị đã gửi báo cáo đánh giá công tác quản lý điều hành, báo cáo về tình hình kinh doanh và báo cáo tài chính của Công ty năm 2024 về Ban Kiểm soát theo đúng qui định Điều lệ Công ty.



Ngay khi nhận được các báo cáo, Ban kiểm soát đã triển khai thẩm định từng nội dung, từng chỉ tiêu trong các báo cáo, kiểm tra hồ sơ tài sản, tiền vốn, hồ sơ công nợ phải thu, phải trả, tình hình thực hiện các hợp đồng kinh doanh và các hồ sơ liên quan khác. Xem xét báo cáo kiểm toán do Công ty kiểm toán độc lập phát hành, kết hợp với kết quả kiểm tra, giám sát trong năm 2024, Ban kiểm soát xin báo cáo trình Đại hội đồng cổ đông kết quả như sau:

### **1. Thẩm định công tác quản lý, điều hành Công ty năm 2024.**

Ban Kiểm soát nhất trí với các chỉ tiêu kinh doanh trong báo cáo của Hội đồng quản trị, qua đó nhận thấy:

- Các thành viên trong Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và những người quản lý khác đã thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao theo đúng qui định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông năm 2024, đảm bảo lợi ích hợp pháp của Công ty và các cổ đông;

- Hội đồng Quản trị đã tổ chức **08 cuộc họp** để xây dựng chương trình hoạt động công tác quý, phân công nhiệm vụ cụ thể cho từng thành viên và kiểm tra việc thực hiện kết quả kinh doanh của Công ty và một số vấn đề khác, trong đó HĐQT đã ra **07 NQ quản trị cty**. (Đã được công bố thông tin trên trang web của CPC cũng như UBCKNN);

- Xây dựng hoàn thành XN phân bón Cần Thơ trên diện tích 1.000m<sup>2</sup> được các cơ quan hữu quan phê duyệt, hiện tại hoàn thiện hồ sơ xin đủ tiêu chuẩn sản xuất dạng viên;

- Đang xây dựng một số hạng mục cơ sở hạ tầng tại khu CN Trà Nóc II, để từ đó có thể liên kết hoặc chuyển dự án cho đối tác mà CPC đang mời gọi;

- CPC đang chờ đợi các cơ quan hữu quan ký hợp đồng thuê lại đất của CPC hiện hữu (Vì đã hết thời gian thuê đất).

Tuy nhiên, công tác quản lý và điều hành Công ty còn có một số hạn chế như sau:

- Thị phần ở thị trường Việt Nam còn thấp, phát triển ngành hàng khác ngoài thuốc BVTV đã có nhưng chưa phát huy hiệu quả cao cũng như chưa phát triển những sản phẩm dạng sinh học;

- Công tác Marketing còn thấp so với các Cty có cùng ngành nghề.

- Chậm đưa ra những sản phẩm thay thế khi chính sách Nhà Nước có thay đổi (Cấm và hạn chế một số thuốc BVTV ở thị trường VN).

- Ban Kiểm soát đề nghị Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc tiếp tục có biện pháp giải quyết những hạn chế nêu trên.

### **2. Thẩm định báo cáo kết quả kinh doanh Công ty năm 2024.**

Về cơ bản, Ban Kiểm soát nhất trí với các nội dung trong báo cáo kết quả kinh doanh năm 2024. Về Doanh số, Lợi nhuận thực hiện năm 2024 so với chỉ tiêu được nêu trong Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông năm 2024, cụ thể như sau:

- DS thực hiện năm 2024 tăng **0,15 %** so với KH năm 2024 (190,029tỉ / 190,00 tỉ).



- Lợi nhuận thực hiện trước thuế năm 2024 vượt **36,15 %** so với KH năm 2024 (14,977 tỉ / 11,00 tỉ).
- Qua số liệu trên, theo BKS nhận thấy lãi cơ bản trên cổ phiếu TH năm 2024 đạt **2.111đ/CPPT**.

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**  
**Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024**

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	2024	2023
<b>Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>01</b>	<b>VI.1</b>	<b>190.029.517.976</b>	<b>189.364.226.621</b>
Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
Doanh thu thuần	10		190.029.517.976	189.364.226.621
<b>Giá vốn hàng bán</b>	<b>11</b>	<b>VI.2</b>	<b>148.494.335.367</b>	<b>147.011.961.057</b>
<b>Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp DV</b>	<b>20</b>		<b>41.535.182.609</b>	<b>42.352.265.564</b>
Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	4.243.784.728	5.627.735.418
Chi phí tài chính	22	VI.4	4.548.677.775	4.931.798.461
<i>Trong đó: chi phí lãi vay</i>	23		595.142.977	1.145.442.124
Chi phí bán hàng	25	VI.5	15.052.381.762	17.961.953.877
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.6	12.078.210.924	12.456.021.861
<b>Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>30</b>		<b>14.099.696.876</b>	<b>12.630.226.783</b>
Thu nhập khác	31	VI.7	1.335.840.402	310.995.000
Chi phí khác	32	VI.8	457.856.904	130.873.015
Lợi nhuận khác	40		877.983.498	180.121.985
<b>Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>50</b>		<b>14.97.680.374</b>	<b>12.810.348.768</b>
<b>Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành</b>	<b>51</b>	<b>V.14</b>	<b>4.976.199.367</b>	<b>2.602.887.788</b>
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	VI.9	-	-
<b>Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp</b>	<b>60</b>		<b>10.001.481.007</b>	<b>10.207.460.980</b>



Qua đó, Ban Kiểm soát nhận thấy hoạt động kinh doanh năm 2024 của Công ty lãi vượt **36,15 % / KH năm 2024**, đảm bảo tích lũy và phát triển, thực hiện đầy đủ nghĩa vụ với Nhà nước và với cổ đông, đảm bảo đủ việc làm ổn định cho người lao động...

**3. Thẩm định báo cáo tài chính Công ty năm 2024.**

Ngay sau khi nhận được báo cáo tài chính của Công ty, báo cáo kiểm toán do Công ty kiểm toán độc lập phát hành, Ban Kiểm soát có những nhận xét:

- Năm 2024, Công ty vẫn áp dụng chế độ Kế toán theo **Thông tư số 200/2014/TT-BTC**, sử dụng phần mềm kế toán trên máy vi tính, đã cập nhật được các chuẩn mực, chế độ kế toán mới ban hành, thực hiện đúng các qui định của Luật Kế toán và các văn bản dưới luật. Việc lập và luân chuyển, sử dụng và bảo quản chứng từ kế toán đảm bảo tính hợp pháp, hợp lệ; việc lập, ghi chép, sử dụng và bảo quản sổ sách kế toán đầy đủ, kịp thời và đúng mẫu biểu qui định của chế độ kế toán hiện hành theo **Thông tư số 200/2014/TT-BTC** và các văn bản hiện hành khác.

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**  
**Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024**

**Đơn vị tính: VND**

<b>TÀI SẢN</b>	<b>Mã số</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>31/12/2024</b>	<b>01/01/2024</b>
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>103.827.205.904</b>	<b>115.971.893.387</b>
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	14.439.625.166	47.606.426.968
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		48.000.000.000	24.000.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		25.730.575.648	27.451.898.657
IV. Hàng tồn kho	140	V.7	15.446.508.249	16.718.312.278
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		210.496.841	195.255.484
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>19.398.923.716</b>	<b>17.717.400.553</b>
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
II. Tài sản cố định	220		16.287.687.123	14.684.670.621
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-



IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		1.024.645.455	1.024.645.455
V. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		2.086.591.138	2.008.084.477
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>123.226.129.620</b>	<b>133.689.293.940</b>

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2024	01/01/2024
<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>36.929.168.418</b>	<b>48.186.352.765</b>
I. Nợ ngắn hạn	310		36.929.168.418	48.186.352.765
II. Nợ dài hạn	330		-	-
<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>86.296.961.202</b>	<b>85.502.941.175</b>
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.21	86.296.961.202	85.502.941.175
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>123.226.129.620</b>	<b>133.689.293.940</b>

STT	Chỉ tiêu tài chính	2024	2023
<b>I</b>	<b>Chỉ tiêu về khả năng thanh toán</b>		
1	Hệ số thanh toán ngắn hạn = TS ngắn hạn/Nợ ngắn hạn	2,81	2,41
2	Hệ số thanh toán nhanh = (Tiền + Đầu tư ngắn hạn) / Nợ ngắn hạn	1,69	1,49



II Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
1	Hệ số Nợ/Tổng tài sản = $100\% \times \text{Tổng nợ} / \text{Tổng tài sản}$	29,96%	36,04%
2	Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu = $100\% \times \text{Tổng nợ} / \text{Vốn chủ sở hữu}$	42,79%	56,36%
III Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
1	Vòng quay Hàng tồn kho = $\text{DT hoặc giá vốn hàng bán} / \text{Bình quân giá trị hàng tồn kho}$	9,23	5,61
2	Tổng tài sản (bình quân)/ Doanh thu thuần	0,67	0,68
IV Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
1	Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	5,26%	5,39%
2	Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu (bình quân)	11,64%	12,09%
3	Hệ số Lợi nhuận thuế/Doanh thu thuần	5,26%	5,39%
4	Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản (bình quân)	7,78%	7,93%

Theo đánh giá của Ban Kiểm soát thì Báo cáo Tài chính năm 2024 của Công ty đã phản ánh trung thực, hợp lý các chỉ tiêu tài chính quan trọng của Công ty tại thời điểm 31/12/2024 cũng như kết quả kinh doanh, các luồng lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024 phù hợp với các Chuẩn mực, Chế độ Kế toán Việt Nam hiện hành và các qui định pháp lý liên quan và theo chúng tôi CPC cũng chưa bị sai sót trọng yếu nào trong năm báo cáo tài chính.

### III. BÁO CÁO VỀ NHÂN SỰ CỦA BKS:

**Ban kiểm soát nhiệm kỳ V (2022-2026) như sau:**

1. Ông Nguyễn Văn Thái – Trưởng ban KS nhiệm kỳ V.
2. Ông Hồ Văn Hỷ – Thành viên BKS nhiệm kỳ V
3. Cô Phạm Thị Hồng Liễu – Thành viên BKS nhiệm kỳ V



## **VI. KẾ HOẠCH CÔNG TÁC BKS NĂM 2025.**

Với chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và trách nhiệm được nêu trong Luật doanh nghiệp 2020 và điều lệ Cty, Ban Kiểm soát sẽ thay mặt các cổ đông để theo dõi, thẩm định các hoạt động kinh doanh, quản trị và điều hành của Công ty.

Trong năm 2025, Ban Kiểm soát sẽ tiếp tục tham gia trong tất cả các cuộc họp của HĐQT nhằm giám sát việc HĐQT và Tổng giám đốc thực hiện các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025, cụ thể:

1. Giám sát hoạt động HĐQT, ban Tổng giám đốc thực hiện chỉ tiêu kế hoạch kinh doanh theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông năm 2025.
2. Giám sát việc thực hiện ngân sách năm 2025 đã được phê duyệt.
3. Giám sát công tác tài chính, kế toán, công tác thống kê kế hoạch và một số vấn đề khác do Đại hội giao phó.

### **Kính thưa Quý vị cổ đông!**

Trên đây, Ban Kiểm soát vừa trình bày Báo cáo hoạt động và thẩm định kết quả kinh doanh năm 2024 của Công ty CP TST Cần Thơ.

Tuy nhiên, trong quá trình thực hiện việc kiểm soát tại Công ty do các thành viên đều kiêm nhiệm nên công tác kiểm soát không tránh khỏi những sơ suất. Ban Kiểm soát xin đề nghị Đại hội đồng cổ đông xem xét, đóng góp ý kiến để hoạt động của Ban Kiểm soát trong năm 2025 hiệu quả hơn, phục vụ Đại Hội, cổ đông tốt hơn.

Xin trân trọng cảm ơn!



**Trưởng Ban Kiểm Soát**

**Nguyễn Văn Thái**



Số: \_\_\_\_/2025.NQ.ĐHĐCĐ.CPC

(DỰ THẢO)  
NGHỊ QUYẾT  
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN 2024  
CÔNG TY CỔ PHẦN THUỐC SẮT TRÙNG CẦN THƠ

Đại hội đồng Cổ đông thường niên 2025 Công ty CP Thuốc Sắt Trùng Cần Thơ bắt đầu lúc 9h ngày 24 tháng 04 năm 2025 tại Hội trường của Khách sạn HƯƠNG GIANG, số 51 Lê Lợi, phường Phú Hội, quận Thuận Hóa, thành phố Huế. với sự có mặt của \_\_\_\_ cổ đông, trong số \_\_\_\_ cổ đông và nhóm đại diện cổ đông có quyền biểu quyết, đại diện cho \_\_\_\_ cổ phần trên tổng số 4.081.450 cổ phần có quyền biểu quyết đạt \_\_\_\_%.

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG QUYẾT NGHỊ

ĐIỀU 1. Xem xét và phê duyệt báo cáo tổng kết hoạt động SXKD, doanh thu, lợi nhuận thực hiện năm 2024 với các nội dung sau:

1. Thông qua báo cáo của Hội đồng quản trị về kết quả hoạt động kinh doanh năm 2024 như sau:

TT	MỤC LỤC	CHỈ TIÊU KẾ HOẠCH 2024	KẾT QUẢ THỰC HIỆN 2024	TỶ LỆ (%)
I	Tổng doanh thu	190.000.000.000	190.029.517.976	100,02
II	Lợi nhuận trước thuế:	11.000.000.000	14.977.680.374	136,16
III	Lợi nhuận sau thuế	8.800.000.000	10.001.481.007	113,65
VI	Tỷ lệ chia cổ tức bằng tiền	15-18%	7.346.610.000	18%

2. Xem xét và phê duyệt báo cáo tài chính đã kiểm toán năm 2024.

ĐIỀU 2: Phê duyệt kế hoạch phân phối lợi nhuận (theo bảng đính kèm), mức thù lao của HĐQT và BKS là 200.029.000 đồng, trích thưởng cho HĐQT và BKS 360.118.000 đồng, trích thưởng cho Ban lãnh đạo và cán bộ chủ chốt của Công ty 360.118.000 đồng từ lợi nhuận sau thuế năm 2024.

TT	Mục lục	Số tiền (VNĐ)
1	Lợi nhuận trước thuế	14.977.680.374
2	Lợi nhuận sau thuế	10.001.481.007



2.1	Thưởng cho Ban TGD và cán bộ chủ chốt do hoàn thành vượt mức kế hoạch chỉ tiêu lợi nhuận năm	360.118.000
2.2	Thù lao cho HĐQT & BKS	200,029,000
2.3	Thưởng cho HĐQT & BKS	360.118.000
2.4	Trích lập quỹ đầu tư phát triển	1.000.000.000
2.5	Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi	903.500.980
3	Phần trả cổ tức ( 18% )	7.346.610.000
3.1	Thời gian chia cổ tức bằng tiền dự kiến	11/07/2025

**ĐIỀU 3.** Đại hội đồng cổ đông phê duyệt mức chia cổ tức bằng tiền là 18% cùng với thời gian thanh toán cổ tức dự kiến là 11/07/2025

**ĐIỀU 4:** Thông qua kế hoạch sản xuất kinh doanh và kế hoạch đầu tư 2025, với các chỉ tiêu sau:

a. Các chỉ tiêu chính về kế hoạch doanh thu, lợi nhuận năm 2025

TT	CHỈ TIÊU	ĐVT	KẾ HOẠCH
1	Tổng doanh thu kế hoạch	Tỷ đồng	190,00
2	Lợi nhuận trước thuế kế hoạch	Tỷ đồng	11,00
3	Lợi nhuận sau thuế kế hoạch	Tỷ đồng	8,80
8	Dự kiến tỷ lệ chia cổ tức bằng tiền	%	Từ 15% đến 18%

b. Thông qua chỉ tiêu kế hoạch đầu tư mua sắm trang thiết bị, máy móc phục vụ cho sản xuất, gia công năm 2025: tỷ đồng.

**ĐIỀU 5** Thông qua Đại hội đồng cổ đông phê duyệt

- Mức thù lao của HĐQT & BKS năm 2025 là 2% lợi nhuận sau thuế.
- Tiền thưởng cho HĐQT & BKS năm 2025 là 3% lợi nhuận sau thuế nếu đạt chỉ tiêu lợi nhuận và trích thêm 5% phần chênh lệch lợi nhuận vượt hơn so với kế hoạch

**ĐIỀU 6.** Phê duyệt danh sách các công ty kiểm toán giao cho HĐQT lựa chọn để kiểm toán cho CPC năm 2025 gồm:

- A&C Công ty TNHH kiểm toán và tư vấn A&C
- AFC Công ty TNHH Kiểm toán AFC Việt Nam.
- Sao Việt Công ty TNHH kiểm toán Sao Việt CN Cần Thơ



**ĐIỀU 7.** Thông qua Đại hội đồng cổ đông về chủ trương trích lập quỹ khen thưởng cho Ban Tổng Giám Đốc và cán bộ chủ chốt trong năm 2025 theo 2 mức:

- Trích 5% lợi nhuận sau thuế nếu hoàn thành kế hoạch về lợi nhuận.
- Trích bổ sung 5% phần lợi nhuận vượt hơn so với kế hoạch lợi nhuận sau thuế.

**ĐIỀU 8.** Xin ĐHĐCĐ 2025 thông qua phương án: Trong 7.520.376.464 đồng của lợi nhuận sau thuế tích lũy sẽ trích 3.684.413.462 đồng để mua lại 204.072 cổ phiếu quỹ chi thưởng cho HĐQT, BKS, cán bộ chủ chốt và người lao động có công đóng góp với công ty. Phần còn lại là 3.835.963.002 đồng sẽ chi thưởng cho HĐQT, BKS và người lao động.

**ĐIỀU 9.** ĐHĐCĐ biểu quyết thông qua phương án phân phối thưởng cổ phiếu quỹ của CPC cho HĐQT, BKS, TGD, cán bộ chủ chốt và người lao động có công đóng góp với công ty.

**ĐIỀU 10.** ĐHĐCĐ biểu quyết phê duyệt việc ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định mọi vấn đề có liên quan trong việc tổ chức thực hiện kế hoạch 2025 cũng như mở rộng quy mô và lĩnh vực kinh doanh theo chiến lược phát triển của công ty. Đại hội đồng cổ đông giao cho Hội đồng quản trị sử dụng quỹ đầu tư và phát triển để mở rộng quy mô sản xuất kinh doanh và các nguồn vốn từ lợi nhuận để lại sử dụng vào mục đích phục vụ CPC.

**ĐIỀU 11.** Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Thuốc sát trùng Cần Thơ đã biểu quyết phê duyệt Điều lệ công ty sửa đổi, quy chế quản trị nội bộ công ty, quy chế hoạt động của HĐQT và quy chế hoạt động của BKS phù hợp với quy định hiện hành của UBCKNN

**ĐIỀU 12.** Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Thuốc sát trùng Cần Thơ giao nhiệm vụ cho Hội đồng quản trị chỉ đạo, tổ chức thực hiện các nội dung đã được các cổ đông nhất trí thông qua tại Đại hội này theo đúng pháp luật và điều lệ của Công ty.

Nghị quyết này đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 thông qua và có hiệu lực kể từ ngày 24/04/2025

**TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG**  
**CHỦ TỌA**



TỜ TRÌNH

Kính gửi :  
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG CTY CP THUỐC SÁT TRÙNG CẦN THƠ

- Căn cứ điều lệ hoạt động của CPC.
- Căn cứ kết quả sản xuất kinh doanh năm 2024 đã được Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C tại Cần Thơ kiểm toán.
- Căn cứ phương hướng kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2025.

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Thuốc Sát trùng Cần Thơ kính trình ĐHĐCĐ xem xét và phê duyệt một số nội dung sau:

**ĐIỀU 1.** Xem xét và phê duyệt báo cáo tổng kết hoạt động SXKD, doanh thu, lợi nhuận thực hiện năm 2024 với các nội dung sau:

1. Thông qua báo cáo của Hội đồng quản trị về kết quả hoạt động kinh doanh năm 2024 như sau:

TT	MỤC LỤC	CHỈ TIÊU KẾ HOẠCH 2024	KẾT QUẢ THỰC HIỆN 2024	TỶ LỆ (%)
I	Tổng doanh thu	190.000.000.000	190.029.517.976	100,02
II	Lợi nhuận trước thuế:	11.000.000.000	14.977.680.374	136,16
III	Lợi nhuận sau thuế	8.800.000.000	10.001.481.007	113,65
VI	Tỷ lệ chia cổ tức bằng tiền	15-18%	7.346.610.000	18%

2. Xem xét và phê duyệt báo cáo tài chính đã kiểm toán năm 2024.

**ĐIỀU 2:** Phê duyệt kế hoạch phân phối lợi nhuận (theo bảng đính kèm), mức thù lao của HĐQT và BKS là 200,029,000 đồng, trích thưởng cho HĐQT và BKS 360.118.000 đồng, trích thưởng cho Ban lãnh đạo và cán bộ chủ chốt của Công ty 360.118.000 đồng từ lợi nhuận sau thuế năm 2024.

TT	Mục lục	Số tiền (VNĐ)
1	Lợi nhuận trước thuế	14.977.680.374
2	Lợi nhuận sau thuế	10.001.481.007
2.1	Thưởng cho Ban TGD và cán bộ chủ chốt do hoàn thành vượt mức kế hoạch chỉ tiêu lợi nhuận năm	360.118.000
2.2	Thù lao cho HĐQT & BKS	200.029.000



2.3	Thưởng cho HĐQT & BKS	360.118.000
2.4	Trích lập quỹ đầu tư phát triển	1.000.000.000
2.5	Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi	903.500.980
3	Phân trả cổ tức ( 18% )	7.346.610.000
3.1	Thời gian chia cổ tức bằng tiền dự kiến	11/07/2025

**ĐIỀU 3.** Đại hội đồng cổ đông phê duyệt mức chia cổ tức bằng tiền là 18% cùng với thời gian thanh toán cổ tức dự kiến là 11/07/2025

**ĐIỀU 4:** Thông qua kế hoạch sản xuất kinh doanh và kế hoạch đầu tư 2025, với các chỉ tiêu sau:

a. Các chỉ tiêu chính về kế hoạch doanh thu, lợi nhuận năm 2025

TT	CHỈ TIÊU	ĐVT	KẾ HOẠCH
1	Tổng doanh thu kế hoạch	Tỷ đồng	190,00
2	Lợi nhuận trước thuế kế hoạch	Tỷ đồng	11,00
3	Lợi nhuận sau thuế kế hoạch	Tỷ đồng	8,80
8	Dự kiến tỷ lệ chia cổ tức bằng tiền	%	Từ 15% đến 18%

b. Thông qua chỉ tiêu kế hoạch đầu tư mua sắm trang thiết bị, máy móc phục vụ cho sản xuất, gia công năm 2025: tỷ đồng.

**ĐIỀU 5** Thông qua Đại hội đồng cổ đông phê duyệt

- Mức thù lao của HĐQT & BKS năm 2025 là 2% lợi nhuận sau thuế.
- Tiền thưởng cho HĐQT & BKS năm 2025 là 3% lợi nhuận sau thuế nếu đạt chỉ tiêu lợi nhuận và trích thêm 5% phần chênh lệch lợi nhuận vượt hơn so với kế hoạch

**ĐIỀU 6.** Phê duyệt danh sách các công ty kiểm toán giao cho HĐQT lựa chọn để kiểm toán cho CPC năm 2025 gồm:

- A&C Công ty TNHH kiểm toán và tư vấn A&C
- AFC Công ty TNHH Kiểm toán AFC Việt Nam.
- Sao Việt Công ty TNHH kiểm toán Sao Việt CN Cần Thơ

**ĐIỀU 7.** Thông qua Đại hội đồng cổ đông về chủ trương trích lập quỹ khen thưởng cho Ban Tổng Giám Đốc và cán bộ chủ chốt trong năm 2025 theo 2 mức:

- Trích 5% lợi nhuận sau thuế nếu hoàn thành kế hoạch về lợi nhuận.
- Trích bổ sung 5% phần lợi nhuận vượt hơn so với kế hoạch lợi nhuận sau thuế.



**ĐIỀU 8.** Xin ĐHCĐ 2025 thông qua phương án: Trong 7.520.376.464 đồng của lợi nhuận sau thuế tích lũy sẽ trích 3.684.413.462 đồng để mua lại 204.072 cổ phiếu quỹ chi thưởng cho HĐQT, BKS, cán bộ chủ chốt và người lao động có công đóng góp với công ty. Phần còn lại là 3.835.963.002 đồng sẽ chi thưởng cho HĐQT, BKS và người lao động.

**ĐIỀU 9.** ĐHCĐ biểu quyết thông qua phương án phân phối thưởng cổ phiếu quỹ của CPC cho HĐQT, BKS, TGD, cán bộ chủ chốt và người lao động có công đóng góp với công ty.

**ĐIỀU 10.** ĐHCĐ biểu quyết phê duyệt việc ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định mọi vấn đề có liên quan trong việc tổ chức thực hiện kế hoạch 2025 cũng như mở rộng quy mô và lĩnh vực kinh doanh theo chiến lược phát triển của công ty. Đại hội đồng cổ đông giao cho Hội đồng quản trị sử dụng quỹ đầu tư và phát triển để mở rộng quy mô sản xuất kinh doanh và các nguồn vốn từ lợi nhuận để lại sử dụng vào mục đích phục vụ CPC.

**ĐIỀU 11.** Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Thuộc sát trùng Cần Thơ đã biểu quyết phê duyệt Điều lệ công ty sửa đổi, quy chế quản trị nội bộ công ty, quy chế hoạt động của HĐQT và quy chế hoạt động của BKS phù hợp với quy định hiện hành của UBCKNN

**ĐIỀU 12.** Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Thuộc sát trùng Cần Thơ giao nhiệm vụ cho Hội đồng quản trị chỉ đạo, tổ chức thực hiện các nội dung đã được các cổ đông nhất trí thông qua tại Đại hội này theo đúng pháp luật và điều lệ của Công ty.

Đề nghị đại hội đồng cổ đông xem xét và chấp thuận.

**TM.HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**



Số: 4.0111/25/TC-AC

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: CÁC CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC  
CÔNG TY CỔ PHẦN THUỐC SÁT TRÙNG CẦN THƠ**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Thuốc sát trùng Cần Thơ (sau đây gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 19 tháng 3 năm 2025, từ trang 05 đến trang 33, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính.

### Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

### Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Thuốc sát trùng Cần Thơ tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

**Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C**

**Chi nhánh Cần Thơ**



**Nguyễn Hữu Danh**

**Thành viên Ban Giám đốc**

**Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 1242-2023-008-1**

**Người được ủy quyền**

**TP. Cần Thơ, ngày 19 tháng 3 năm 2025**



**Thiệu Thị Bảo Nhi**

**Kiểm toán viên**

**Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 4695-2024-008-1**



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

## DỰ THẢO

# QUY CHẾ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT

# CÔNG TY CỔ PHẦN THUỐC SÁT TRÙNG CẦN THƠ

*((Ban hành theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024*

*Công ty Cổ phần Thuốc sát trùng Cần Thơ)*

*Cần Thơ, ngày ... tháng 04 năm 2025*



## MỤC LỤC

<b>CHƯƠNG I - QUY ĐỊNH CHUNG .....</b>	<b>3</b>
Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng .....	3
Điều 2. Nguyên tắc hoạt động của Ban kiểm soát.....	3
Điều 3. Định nghĩa và các thuật ngữ .....	3
<b>CHƯƠNG II - THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT .....</b>	<b>3</b>
Điều 4. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của thành viên Ban Kiểm soát.....	4
Điều 5. Nhiệm kỳ và số lượng thành viên Ban kiểm soát .....	4
Điều 6. Tiêu chuẩn và điều kiện thành viên Ban kiểm soát .....	4
Điều 7. Trưởng Ban kiểm soát .....	5
Điều 8. Ứng cử, đề cử thành viên Ban kiểm soát .....	5
Điều 9. Cách thức bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát.....	5
Điều 10. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát.....	6
Điều 11. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát.....	6
<b>CHƯƠNG III - BAN KIỂM SOÁT .....</b>	<b>7</b>
Điều 12. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Ban kiểm soát .....	7
Điều 13. Quyền được cung cấp thông tin của Ban kiểm soát .....	9
Điều 14. Trách nhiệm của Ban kiểm soát trong việc triệu tập họp bất thường Đại hội đồng cổ đông .....	9
<b>CHƯƠNG IV - CUỘC HỌP BAN KIỂM SOÁT .....</b>	<b>10</b>
Điều 15. Cuộc họp của Ban kiểm soát .....	10
Điều 16. Biên bản họp Ban kiểm soát .....	10
<b>CHƯƠNG V - BÁO CÁO VÀ CÔNG KHAI LỢI ÍCH .....</b>	<b>10</b>
Điều 17. Trình báo cáo hàng năm.....	10
Điều 18. Tiền lương và quyền lợi khác .....	11
Điều 19. Công khai các lợi ích liên quan .....	11
<b>CHƯƠNG VI - MỐI QUAN HỆ CỦA BAN KIỂM SOÁT.....</b>	<b>12</b>
Điều 20. Mối quan hệ giữa các thành viên Ban kiểm soát .....	12
Điều 21. Mối quan hệ với ban điều hành .....	12
Điều 22. Mối quan hệ với Hội đồng quản trị.....	12
<b>CHƯƠNG VII - ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH.....</b>	<b>12</b>
Điều 23. Hiệu lực thi hành.....	12



## **Chương I : QUY ĐỊNH CHUNG**

### **Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng**

1. Phạm vi điều chỉnh: Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát quy định cơ cấu tổ chức nhân sự, tiêu chuẩn, điều kiện, quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát và các thành viên Ban kiểm soát theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, Điều lệ công ty và các quy định khác có liên quan.

2. Đối tượng áp dụng: Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát được áp dụng cho Ban kiểm soát và các thành viên Ban Kiểm soát.

### **Điều 2. Nguyên tắc hoạt động của Ban kiểm soát**

Ban kiểm soát làm việc theo nguyên tắc tập thể. Các thành viên của Ban kiểm soát chịu trách nhiệm cá nhân về phần việc của mình và cùng chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông, trước pháp luật về các công việc, quyết định của Ban Kiểm soát.

### **Điều 3. Định nghĩa và các thuật ngữ**

1. Trong Quy chế này, những thuật ngữ dưới đây được hiểu như sau:

a) *Vốn điều lệ* là tổng mệnh giá cổ phần đã bán hoặc được đăng ký mua khi thành lập Công ty và theo quy định tại Điều 6 Điều lệ Công ty Cổ phần Thuốc sát trùng Cần Thơ;

b) *Luật Doanh nghiệp* là Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17 tháng 6 năm 2020 và các văn bản sửa đổi, bổ sung;

c) *Luật Chứng khoán* là Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2019 và các văn bản sửa đổi, bổ sung;

d) *Người điều hành doanh nghiệp* là Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng do Hội đồng quản trị bổ nhiệm;

e) *Người quản lý Công ty* bao gồm Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc do Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị bổ nhiệm;

f) *Người có liên quan* là cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 23 Điều 4 Luật Doanh nghiệp 2020 và khoản 46 Điều 4 Luật Chứng khoán;

g) *Cổ đông* là cá nhân, tổ chức sở hữu ít nhất một cổ phần của Công ty;

h) *Thành viên Ban kiểm soát* là Kiểm soát viên

i) *Bí mật thương mại và bí mật thương mại* là các thông tin thu được từ hoạt động đầu tư tài chính, trí tuệ, chưa được bộc lộ và có khả năng sử dụng trong kinh doanh

2. Trong Quy chế này, các tham chiếu tới một hoặc một số quy định hoặc văn bản khác bao gồm cả những sửa đổi, bổ sung hoặc văn bản thay thế.

3. Các tiêu đề (Mục, Điều của Quy chế này) được sử dụng nhằm thuận tiện cho việc hiểu nội dung và không ảnh hưởng tới nội dung của Quy chế này.

## **Chương II : THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT**



#### **Điều 4. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của thành viên Ban Kiểm soát**

1. Tuân thủ đúng pháp luật, Điều lệ công ty, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và đạo đức nghề nghiệp trong thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao.
2. Thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất nhằm bảo đảm lợi ích hợp pháp tối đa của Công ty.
3. Trung thành với lợi ích của Công ty và cổ đông; không lạm dụng địa vị, chức vụ và sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh, tài sản khác của Công ty để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác.
4. Nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty; trong đó có quyền tiếp cận các thông tin và tài liệu liên quan đến tình hình hoạt động của công ty. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và người điều hành khác của doanh nghiệp có trách nhiệm cung cấp các thông tin kịp thời và đầy đủ theo yêu cầu của thành viên Ban kiểm soát.
5. Trường hợp vi phạm quy định tại các khoản 1, 2, 3 và 4 Điều này mà gây thiệt hại cho Công ty hoặc người khác thì thành viên Ban kiểm soát phải chịu trách nhiệm cá nhân hoặc liên đới bồi thường thiệt hại đó. Thu nhập và lợi ích khác mà thành viên Ban Kiểm soát có được do vi phạm phải hoàn trả cho Công ty.
6. Trường hợp phát hiện có thành viên Ban kiểm soát vi phạm trong thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao thì phải thông báo bằng văn bản đến Ban kiểm soát, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và khắc phục hậu quả.

#### **Điều 5. Nhiệm kỳ và số lượng thành viên Ban kiểm soát**

1. Số lượng thành viên Ban kiểm soát của Công ty là ba (03) người. Nhiệm kỳ của thành viên Ban kiểm soát không quá năm (05) năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Trường hợp Kiểm soát viên có cùng thời điểm kết thúc nhiệm kỳ mà Kiểm soát viên nhiệm kỳ mới chưa được bầu thì Kiểm soát viên đã hết nhiệm kỳ vẫn tiếp tục thực hiện quyền và nghĩa vụ cho đến khi Kiểm soát viên nhiệm kỳ mới được bầu và nhận nhiệm vụ.
2. Thành viên Ban kiểm soát không nhất thiết phải là cổ đông của Công ty.
3. Ban kiểm soát phải có hơn một nửa số thành viên thường trú ở Việt Nam.
4. Trường hợp thành viên Ban Kiểm soát có cùng thời điểm kết thúc nhiệm kỳ mà thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ mới chưa được bầu thì thành viên Ban kiểm soát đã hết nhiệm kỳ vẫn tiếp tục thực hiện quyền và nghĩa vụ cho đến khi thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ mới được bầu và nhận nhiệm vụ.

#### **Điều 6. Tiêu chuẩn và điều kiện thành viên Ban kiểm soát**

1. Thành viên Ban kiểm soát phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:
  - a) Không thuộc đối tượng theo quy định tại khoản 2 Điều 17 của Luật doanh nghiệp;
  - b) Được đào tạo một trong các chuyên ngành về kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành phù hợp với hoạt động kinh doanh của Công ty;



c) Không phải là người có quan hệ gia đình của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và người quản lý khác;

d) Không phải là người quản lý Công ty, không nhất thiết phải là cổ đông hoặc người lao động của Công ty;

đ) Không được làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của Công ty;

e) Không được là thành viên hay nhân viên của Công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty trong ba (03) năm liền trước đó.

2. Ngoài các tiêu chuẩn, điều kiện quy định tại khoản 1 Điều này, thành viên Ban kiểm soát công ty đảm bảo đủ các điều kiện theo quy định tại Khoản 2 Điều 169 của Luật doanh nghiệp.

### **Điều 7. Trưởng Ban kiểm soát**

1. Trưởng Ban kiểm soát phải có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành có liên quan đến hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.

2. Trưởng Ban kiểm soát do Ban kiểm soát bầu trong số các thành viên Ban kiểm soát; việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm theo nguyên tắc đa số. Ban kiểm soát phải có hơn một nửa số thành viên thường trú ở Việt Nam.

3. Quyền và nghĩa vụ của Trưởng Ban kiểm soát do Điều lệ công ty quy định.

### **Điều 8. Ứng cử, đề cử thành viên Ban kiểm soát**

1. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử người vào Ban kiểm soát. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% đến dưới 30% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa một (01) ứng viên; từ 30% đến dưới 50% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 50% trở lên được đề cử tối đa ba (03) ứng viên. Việc đề cử, ứng cử thành viên Ban kiểm soát được quy định chi tiết tại khoản 1 Điều 70 Quy chế nội bộ về Quản trị công ty.

2. Trường hợp số lượng các ứng cử viên Ban kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử không đủ số lượng cần thiết theo khoản 5 Điều 115 Luật Doanh nghiệp, Ban kiểm soát đương nhiệm phải đề cử thêm ứng cử viên đảm bảo đủ số lượng cần thiết theo quy định tại Điều lệ Công ty, Quy chế nội bộ về quản trị Công ty. Việc Ban kiểm soát đương nhiệm đề cử thêm ứng viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Ban kiểm soát theo quy định của pháp luật.

### **Điều 9. Cách thức bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát**

1. Việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

2. Việc biểu quyết bầu thành viên Ban kiểm soát phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu



nhân với số thành viên được bầu của Ban kiểm soát và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử Kiểm soát viên được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp có từ hai (02) ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Ban kiểm soát thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau theo nguyên tắc bầu dồn phiếu..

#### **Điều 10. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát**

1. Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm thành viên Ban Kiểm soát trong trường hợp sau đây:

a) Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Ban Kiểm soát theo quy định tại Điều 169 của Luật Doanh nghiệp. Trong trường hợp này, thành viên Ban kiểm soát phải thông báo với Hội đồng quản trị về việc không còn đáp ứng đủ điều kiện theo quy định tại khoản điểm a Khoản 3 Điều này và đương nhiên không còn là thành viên Ban kiểm soát kể từ ngày không đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều kiện;

b) Có đơn từ chức và được chấp thuận;

c) Trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty quy định.

3. Đại hội đồng cổ đông bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát trong trường hợp sau đây:

a) Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;

b) Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;

c) Vi phạm nhiều lần, vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của thành viên Ban kiểm soát theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty;

d) Trường hợp khác theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.

#### **Điều 11. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát**

1. Trường hợp đã xác định được ứng cử viên Ban kiểm soát, Công ty phải công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên tối thiểu mười (10) ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu, ứng cử viên Ban kiểm soát phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của công ty nếu được bầu làm thành viên Ban kiểm soát. Thông tin liên quan đến ứng cử viên Ban Kiểm soát được công bố bao gồm:

a) Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;

b) Trình độ chuyên môn;

c) Quá trình công tác;

d) Các chức danh quản lý khác;

đ) Lợi ích có liên quan tới Công ty và các bên có liên quan của Công ty;



e) Các thông tin khác (nếu có) theo quy định tại Điều lệ công ty;

g) Công ty phải có trách nhiệm công bố thông tin về các công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ các chức danh quản lý và các lợi ích có liên quan tới Công ty của ứng cử viên Ban kiểm soát (nếu có).

2. Việc thông báo về kết quả bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát thực hiện theo các quy định hướng dẫn về công bố thông tin.

### **Chương III : BAN KIỂM SOÁT**

#### **Điều 12. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Ban kiểm soát**

1. Ban Kiểm soát thực hiện giám sát Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc trong việc quản lý và điều hành Công ty.

2. Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cẩn trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh; tính hệ thống, nhất quán và phù hợp của công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính.

3. Thẩm định tính đầy đủ, hợp pháp và trung thực của báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính hằng năm của Công ty, báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng quản trị và trình báo cáo thẩm định tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên. Rà soát hợp đồng, giao dịch với người có liên quan thuộc thẩm quyền phê duyệt của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông và đưa ra khuyến nghị về hợp đồng, giao dịch cần có phê duyệt của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông.

4. Rà soát, kiểm tra và đánh giá hiệu lực và hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro và cảnh báo sớm của Công ty.

5. Xem xét sổ kế toán, ghi chép kế toán và các tài liệu khác của Công ty, công việc quản lý, điều hành hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết hoặc theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông hoặc theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 Luật Doanh nghiệp.

6. Khi có yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 Luật Doanh nghiệp, Ban kiểm soát thực hiện kiểm tra trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trong thời hạn mười lăm (15) ngày kể từ ngày kết thúc kiểm tra, Ban kiểm soát phải báo cáo về những vấn đề được yêu cầu kiểm tra đến Hội đồng quản trị và cổ đông hoặc nhóm cổ đông có yêu cầu. Việc kiểm tra của Ban kiểm soát quy định tại khoản này không được cản trở hoạt động bình thường của Hội đồng quản trị, không gây gián đoạn điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty.

7. Ban kiểm soát có trách nhiệm tiếp nhận các yêu cầu tra cứu sổ sách và hồ sơ của cổ đông phổ thông quy định tại khoản 1, Điều 45 Điều lệ Công ty và thực hiện việc các đề nghị cung cấp thông tin theo yêu cầu này đối với Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc hoặc các người quản lý khác. Quy trình yêu cầu cung cấp thông tin quy định tại Quy chế nội bộ về Quản trị Công ty. Người được cung cấp thông tin có trách nhiệm bảo mật thông tin được cung cấp, sử dụng đúng



**mục đích cho công việc được giao.**

8. Kiến nghị Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông biện pháp sửa đổi, bổ sung, cải tiến cơ cấu tổ chức quản lý, giám sát và điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty.

9. Khi phát hiện có thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc vi phạm quy định tại Điều 165 Luật doanh nghiệp phải thông báo ngay bằng văn bản cho Hội đồng quản trị, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.

10. Tham dự và tham gia thảo luận tại các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị và các cuộc họp khác của Công ty.

**11. Sử dụng tư vấn độc lập, bộ phận kiểm toán nội bộ của Công ty để thực hiện nhiệm vụ được giao.**

12. Ban kiểm soát **có thể** tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị trước khi trình báo cáo, kết luận và kiến nghị lên Đại hội đồng cổ đông.

13. Kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Công ty theo đề nghị của cổ đông.

14. Yêu cầu Hội đồng quản trị phải triệu tập họp bất thường Đại hội đồng cổ đông.

15. Thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 30 ngày trong trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 3 Điều 140 Luật Doanh nghiệp.

16. Đề nghị Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị.

**17. Xem xét, trích lục, sao chép một phần hoặc toàn bộ nội dung kê khai Danh sách người có liên quan và lợi ích có liên quan được kê khai quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 164 Luật Doanh nghiệp. Quy trình yêu cầu cung cấp thông tin quy định tại Quy chế nội bộ về Quản trị Công ty.**

18. Đề xuất và kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê duyệt danh sách tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty; tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra các hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết.

19. Chịu trách nhiệm trước cổ đông về hoạt động giám sát của mình.

20. Giám sát tình hình tài chính Công ty, việc tuân thủ pháp luật của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, người quản lý khác trong các hoạt động.

21. Đảm bảo phối hợp hoạt động với Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và cổ đông.

22. Trường hợp phát hiện hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ công ty của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và người điều hành doanh nghiệp khác, Ban kiểm soát phải thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị trong vòng 48 giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.

23. Xây dựng Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát và trình Đại hội đồng cổ đông thông qua.



24. Chứng kiến Hội đồng quản trị tổ chức kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu nếu được Hội đồng quản trị yêu cầu trong trường hợp lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

25. Trưởng Ban kiểm soát điều hành để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp đối với trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc mà các thành viên Hội đồng quản trị còn lại không bầu được người làm chủ tọa. Trường hợp này, người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp.

26. Thực hiện các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

### **Điều 13. Quyền được cung cấp thông tin của Ban kiểm soát**

1. Tài liệu và thông tin phải được gửi đến thành viên Ban kiểm soát cùng thời điểm và theo phương thức như đối với thành viên Hội đồng quản trị, bao gồm:

- a) Thông báo mời họp, phiếu lấy ý kiến thành viên Hội đồng quản trị và tài liệu kèm theo;
- b) Nghị quyết, quyết định và biên bản họp của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị;
- c) Báo cáo của Tổng Giám đốc trình Hội đồng quản trị **hoặc tài liệu khác do Công ty phát hành.**

2. Ban kiểm soát có quyền tiếp cận hồ sơ, tài liệu của Công ty lưu giữ tại trụ sở chính, chi nhánh và địa điểm khác; có quyền đến địa điểm làm việc của người quản lý và nhân viên của Công ty trong giờ làm việc.

3. Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, người quản lý, điều hành khác phải cung cấp đầy đủ, chính xác, kịp thời thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của Công ty theo yêu cầu của thành viên Ban kiểm soát hoặc Ban kiểm soát.

### **Điều 14. Trách nhiệm của Ban kiểm soát trong việc triệu tập họp bất thường Đại hội đồng cổ đông**

1. Ban kiểm soát có trách nhiệm thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 30 ngày trong trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:

- a) Số thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát còn lại ít hơn số thành viên theo quy định của pháp luật;
- b) Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 Luật Doanh nghiệp;
- c) Khi có yêu cầu triệu tập họp bất thường Đại hội đồng cổ đông của Ban kiểm soát nhưng Hội đồng quản trị không thực hiện, trừ trường hợp Điều lệ công ty có quy định khác.

2. Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định thì



Ban kiểm soát phải bồi thường thiệt hại phát sinh cho Công ty.

3. Chi phí triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 1 Điều này sẽ được Công ty hoàn lại.

#### **Chương IV: CUỘC HỌP BAN KIỂM SOÁT**

##### **Điều 15. Cuộc họp của Ban kiểm soát**

1. Ban kiểm soát phải họp ít nhất hai (02) lần trong một năm, số lượng thành viên tham dự họp ít nhất là hai phần ba (2/3) số thành viên Ban kiểm soát.

2. Ban kiểm soát có quyền yêu cầu thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận tham dự và trả lời các vấn đề cần được làm rõ.

##### **Điều 16. Biên bản họp Ban kiểm soát**

Biên bản họp Ban kiểm soát được lập chi tiết và rõ ràng. Người ghi biên bản và các thành viên Ban kiểm soát tham dự họp phải ký tên vào biên bản cuộc họp. Các biên bản họp của Ban kiểm soát phải được lưu giữ nhằm xác định trách nhiệm của từng thành viên Ban kiểm soát.

#### **Chương V : BÁO CÁO VÀ CÔNG KHAI LỢI ÍCH**

##### **Điều 17. Trình báo cáo hàng năm**

Các Báo cáo của Ban kiểm soát tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên bao gồm các nội dung sau đây:

1. Báo cáo về kết quả kinh doanh của Công ty, về kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc để trình Đại hội đồng cổ đông thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên.

2. Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban kiểm soát và thành viên Ban kiểm soát.

3. Thù lao, chi phí hoạt động và các lợi ích khác của Ban Kiểm soát **và từng thành viên Ban kiểm soát.**

4. Tổng kết các cuộc họp của Ban kiểm soát và các kết luận, kiến nghị của Ban Kiểm soát; kết quả giám sát tình hình hoạt động và tài chính của Công ty.

5. Báo cáo đánh giá về giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty khác do Công ty nắm quyền kiểm soát trên năm mươi phần trăm (50%) trở lên vốn điều lệ với thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và những người có liên quan của thành viên đó; giao dịch giữa Công ty với công ty trong đó thành viên Hội đồng quản trị là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian ba (03) năm gần nhất trước thời điểm giao dịch.

6. Kết quả giám sát đối với Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và những người điều hành doanh nghiệp khác.

7. Kết quả đánh giá sự phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát với Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và các cổ đông.

8. Đề xuất và kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê duyệt danh sách tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty; tổ chức kiểm toán được chấp



thuận thực hiện kiểm tra các hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết.

### **Điều 18. Tiền lương và quyền lợi khác**

Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Ban kiểm soát được thực hiện theo quy định sau đây:

1. Thành viên Ban kiểm soát được trả tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Đại hội đồng cổ đông quyết định tổng mức tiền lương, thù lao, thưởng, lợi ích khác và ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát.

2. Thành viên Ban kiểm soát được thanh toán chi phí ăn, ở, đi lại, chi phí sử dụng dịch vụ tư vấn độc lập với mức hợp lý. Tổng mức thù lao và chi phí này không vượt quá tổng ngân sách hoạt động hằng năm của Ban Kiểm soát đã được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác.

3. Tiền lương và chi phí hoạt động của Ban kiểm soát được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, quy định khác của pháp luật có liên quan và phải được lập thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty.

### **Điều 19. Công khai các lợi ích liên quan**

1. Thành viên Ban kiểm soát của Công ty phải kê khai cho Công ty về các lợi ích liên quan của mình, bao gồm:

a) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà họ làm chủ hoặc sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần; tỷ lệ và thời điểm làm chủ, sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần đó;

b) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà những người có liên quan của họ làm chủ, cùng sở hữu hoặc sở hữu riêng phần vốn góp hoặc cổ phần trên 10% vốn điều lệ.

2. Việc kê khai theo quy định tại khoản 1 Điều này phải được thực hiện trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc kể từ ngày phát sinh lợi ích liên quan; việc sửa đổi, bổ sung phải được thông báo với Công ty trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc kể từ ngày có sửa đổi, bổ sung tương ứng.

3. Thành viên Ban kiểm soát và những người có liên quan của các thành viên Ban kiểm soát chỉ được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để phục vụ lợi ích của Công ty.

4. Thành viên Ban kiểm soát có nghĩa vụ thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát về các giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty khác do Công ty nắm quyền kiểm soát trên năm mươi phần trăm (50%) trở lên vốn điều lệ với thành viên Ban kiểm soát hoặc với những người có liên quan của thành viên Ban kiểm soát theo quy định của pháp luật. Đối với các giao dịch nêu trên do Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận, Công ty phải thực hiện công bố thông tin về các nghị quyết này theo quy định của pháp luật chứng khoán



về công bố thông tin.

5. Thành viên Ban kiểm soát và những người có liên quan của các thành viên này không được sử dụng hoặc tiết lộ cho người khác các thông tin nội bộ để thực hiện các giao dịch có liên quan.

## **Chương VI**

### **MỐI QUAN HỆ CỦA BAN KIỂM SOÁT**

#### **Điều 20. Mối quan hệ giữa các thành viên Ban kiểm soát**

Các thành viên Ban kiểm soát có mối quan hệ độc lập, không phụ thuộc lẫn nhau nhưng có sự phối hợp, cộng tác trong công việc chung để đảm bảo thực hiện tốt trách nhiệm, quyền và nhiệm vụ của Ban kiểm soát theo quy định pháp luật và Điều lệ công ty. Trưởng Ban Kiểm soát là người điều phối công việc chung của Ban kiểm soát nhưng không có quyền chi phối các thành viên Ban kiểm soát.

#### **Điều 21. Mối quan hệ với ban điều hành**

Ban kiểm soát có mối quan hệ độc lập với ban điều hành Công ty, là đơn vị thực hiện chức năng giám sát hoạt động của ban điều hành.

#### **Điều 22. Mối quan hệ với Hội đồng quản trị**

Ban kiểm soát có mối quan hệ độc lập với Hội đồng quản trị Công ty, là đơn vị thực hiện chức năng giám sát hoạt động của Hội đồng quản trị.

## **Chương VII: ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH**

#### **Điều 23. Hiệu lực thi hành**

Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Thuốc sát trùng Cần Thơ bao gồm 7 chương, 23 điều và có hiệu lực thi hành kể từ **ngày ..... tháng ..... năm 2025**.

**TM. BAN KIỂM SOÁT**

**TRƯỞNG BAN**

*(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)*



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**DỰ THẢO**  
**QUY CHẾ HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**  
**CÔNG TY CỔ PHẦN THUỐC SÁT TRÙNG CẦN THƠ**

*(Ban hành theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025  
Công ty Cổ phần Thuốc sát trùng Cần Thơ)*

*Cần Thơ, ngày ... tháng 04 năm 2025*



## MỤC LỤC

<b>CHƯƠNG I. QUY ĐỊNH CHUNG.....</b>	<b>4</b>
Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng.....	4
Điều 2. Nguyên tắc hoạt động của Hội đồng quản trị.....	4
Điều 3. Định nghĩa và các thuật ngữ.....	4
<b>CHƯƠNG II. THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ.....</b>	<b>5</b>
Điều 4. Quyền và nghĩa vụ của thành viên Hội đồng quản trị.....	5
Điều 5. Quyền được cung cấp thông tin của thành viên Hội đồng quản trị.....	6
Điều 6. Số lượng, nhiệm kỳ, và cơ cấu thành viên Hội đồng quản trị.....	6
Điều 7. Tiêu chuẩn và điều kiện thành viên Hội đồng quản trị.....	6
Điều 8. Chủ tịch Hội đồng quản trị.....	7
Điều 9. Miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế và bổ sung thành viên Hội đồng quản trị.....	9
Điều 10. Cách thức bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị.....	10
Điều 11. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị.....	11
<b>CHƯƠNG III. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ.....</b>	<b>12</b>
Điều 12. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị.....	12
Điều 13. Nhiệm vụ và quyền hạn của Hội đồng quản trị trong việc phê duyệt, ký kết hợp đồng giao dịch.....	14
Điều 14. Trách nhiệm của Hội đồng quản trị trong việc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường.....	15
Điều 15. Các tiểu ban giúp việc Hội đồng quản trị.....	16
<b>CHƯƠNG IV. CUỘC HỌP HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ.....</b>	<b>16</b>
Điều 16. Cuộc họp Hội đồng quản trị.....	16
Điều 17. Biên bản họp Hội đồng quản trị.....	18
<b>CHƯƠNG V. BÁO CÁO, CÔNG KHAI CÁC LỢI ÍCH.....</b>	<b>20</b>
Điều 18. Trình báo cáo hằng năm.....	20



Điều 19. Thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị .....	21
Điều 20. Công khai các lợi ích liên quan.....	21
<b>CHƯƠNG VI. MỐI QUAN HỆ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ.....</b>	<b>22</b>
Điều 21. Mối quan hệ giữa các thành viên Hội đồng quản trị .....	22
Điều 22. Mối quan hệ với ban điều hành.....	22
Điều 23. Mối quan hệ với Ban Kiểm soát.....	22
<b>CHƯƠNG VII. ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH .....</b>	<b>23</b>
Điều 24. Hiệu lực thi hành .....	23



## **Chương I: QUY ĐỊNH CHUNG**

### **Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng**

1. Phạm vi điều chỉnh: Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị quy định cơ cấu tổ chức nhân sự, nguyên tắc hoạt động, quyền hạn, nghĩa vụ của Hội đồng quản trị và các thành viên Hội đồng quản trị nhằm hoạt động theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty, Quy chế nội bộ về Quản trị Công ty và các quy định khác của pháp luật có liên quan.

2. Đối tượng áp dụng: Quy chế này được áp dụng cho Hội đồng quản trị, các thành viên Hội đồng quản trị và những đối tượng liên quan có đề cập trong quy chế này.

### **Điều 2. Nguyên tắc hoạt động của Hội đồng quản trị**

1. Hội đồng quản trị làm việc theo nguyên tắc tập thể. Các thành viên của Hội đồng quản trị chịu trách nhiệm cá nhân về phần việc của mình và cùng chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông, trước pháp luật về các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị đối với sự phát triển của Công ty.

2. Hội đồng quản trị giao trách nhiệm cho Tổng Giám đốc tổ chức điều hành thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị.

### **Điều 3. Định nghĩa và các thuật ngữ**

1. Trong Quy chế này, những thuật ngữ dưới đây được hiểu như sau:

a) *Vốn điều lệ* là tổng mệnh giá cổ phần đã bán hoặc được đăng ký mua khi thành lập Công ty và theo quy định tại Điều 6 Điều lệ Công ty Cổ phần Thuốc sát trùng Cần Thơ;

b) *Luật Doanh nghiệp* là Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17 tháng 6 năm 2020 và các văn bản sửa đổi, bổ sung;

c) *Luật Chứng khoán* là Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2019 và các văn bản sửa đổi, bổ sung;

d) *Người quản lý Công ty*, bao gồm Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc do Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị bổ nhiệm;


e) *Người có liên quan* là cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 23 Điều 4 Luật Doanh nghiệp 2020 và khoản 46 Điều 4 Luật Chứng khoán;

f) *Cổ đông* là cá nhân, tổ chức sở hữu ít nhất một cổ phần của Công ty;

g) *Thành viên Ban kiểm soát* là Kiểm soát viên;



h) Thành viên HĐQT không điều hành là thành viên HĐQT không phải là Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng Công ty.

**Bí mật kinh doanh, Bí mật thương mại là các thông tin thu được từ hoạt động đầu tư tài chính, trí tuệ, chưa được bộc lộ và có khả năng sử dụng trong kinh doanh.** 

2. Trong Quy chế này, các tham chiếu tới một hoặc một số quy định hoặc văn bản khác bao gồm cả những sửa đổi, bổ sung hoặc văn bản thay thế.

3. Các tiêu đề (Mục, Điều của Quy chế này) được sử dụng nhằm thuận tiện cho việc hiểu nội dung và không ảnh hưởng tới nội dung của Quy chế này.

## **Chương II: THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

### **Điều 4. Quyền và nghĩa vụ của thành viên Hội đồng quản trị**

1. Thành viên Hội đồng quản trị có đầy đủ các quyền và trách nhiệm theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, pháp luật liên quan và Điều lệ Công ty, trong đó có quyền được cung cấp các thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của Công ty và của các đơn vị trong Công ty.

2. Thành viên Hội đồng quản trị có nghĩa vụ theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các nghĩa vụ sau:

a) Thực hiện các nhiệm vụ của mình một cách trung thực, cẩn trọng vì lợi ích cao nhất của cổ đông và của Công ty;

b) Tham dự đầy đủ các cuộc họp của Hội đồng quản trị và có ý kiến về các vấn đề được đưa ra thảo luận;

c) Báo cáo kịp thời, đầy đủ với Hội đồng quản trị các khoản thù lao nhận được từ các Công ty con, Công ty liên kết và các tổ chức khác;

d) Báo cáo Hội đồng quản trị tại cuộc họp gần nhất các giao dịch giữa Công ty, Công ty con, Công ty khác do Công ty nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với thành viên Hội đồng quản trị và những người có liên quan của thành viên đó; giao dịch giữa Công ty với Công ty trong đó thành viên Hội đồng quản trị là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian ba (03) năm gần nhất trước thời điểm giao dịch;

đ) Thực hiện công bố thông tin khi thực hiện giao dịch cổ phiếu của Công ty theo quy định của pháp luật.



**Điều 5. Quyền được cung cấp thông tin của thành viên Hội đồng quản trị**

1. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền yêu cầu Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, người điều hành khác trong Công ty cung cấp thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của Công ty và của đơn vị trong Công ty có liên quan đến việc thực thi nhiệm vụ được phân công của thành viên Hội đồng quản trị nếu được Hội đồng quản trị thông qua, và những thông tin này không thuộc phạm vi bí mật kinh doanh của công ty. Người được cung cấp thông tin có trách nhiệm bảo mật thông tin được cung cấp, sử dụng đúng mục đích cho công việc được giao.

2. Người quản lý Công ty được yêu cầu phải cung cấp kịp thời, đầy đủ và chính xác thông tin, tài liệu theo yêu cầu của thành viên Hội đồng quản trị. Trình tự, thủ tục yêu cầu và cung cấp thông tin được quy định chi tiết tại Quy chế nội bộ về Quản trị Công ty.

**Điều 6. Số lượng, nhiệm kỳ, và cơ cấu thành viên Hội đồng quản trị**

1. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị từ ba (03) đến năm (05) người.

2. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá năm (05) năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Một cá nhân chỉ được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị độc lập của một công ty không quá 02 nhiệm kỳ liên tục.

3. Trường hợp tất cả thành viên Hội đồng quản trị cùng kết thúc nhiệm kỳ thì các thành viên đó tiếp tục là thành viên Hội đồng quản trị cho đến khi có thành viên mới được bầu thay thế và tiếp quản công việc.

4. Cơ cấu thành viên Hội đồng quản trị:

Cơ cấu Hội đồng quản trị của công ty phải đảm bảo tối thiểu 1/3 tổng số thành viên Hội đồng quản trị là thành viên không điều hành. Công ty hạn chế tối đa thành viên Hội đồng quản trị kiêm nhiệm chức danh điều hành của Công ty để đảm bảo tính độc lập của Hội đồng quản trị.

Số thành viên độc lập Hội đồng quản trị phải đảm bảo có tối thiểu 01 thành viên độc lập.

**Điều 7. Tiêu chuẩn và điều kiện thành viên Hội đồng quản trị**

1. Thành viên Hội đồng quản trị phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

a) Không thuộc đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 17 Luật Doanh nghiệp;

b) Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản trị kinh doanh hoặc trong lĩnh vực, ngành, nghề kinh doanh của Công ty và không nhất thiết phải là cổ đông của Công ty;



c) Thành viên Hội đồng quản trị Công ty có thể đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị của công ty khác và chỉ được đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị tại tối đa năm (05) công ty khác;

d) Thành viên Hội đồng quản trị không được là người có quan hệ gia đình của Tổng giám đốc và người quản lý khác của công ty; của người quản lý, người có thẩm quyền bổ nhiệm người quản lý của công ty mẹ.

2. Thành viên độc lập Hội đồng quản trị phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

a) Không phải là người đang làm việc cho Công ty, công ty mẹ hoặc công ty con của Công ty; không phải là người đã từng làm việc cho Công ty, công ty mẹ hoặc công ty con của Công ty ít nhất trong 03 năm liền trước đó;

b) Không phải là người đang hưởng lương, thù lao từ công ty, trừ các khoản phụ cấp mà thành viên Hội đồng quản trị được hưởng theo quy định;

c) Không phải là người có vợ hoặc chồng, bố đẻ, bố nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột là cổ đông lớn của Công ty; là người quản lý của Công ty hoặc công ty con của Công ty;

d) Không phải là người trực tiếp hoặc gián tiếp sở hữu ít nhất 01% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty;

e) Không phải là người đã từng làm thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát của Công ty ít nhất trong 05 năm liền trước đó, trừ trường hợp được bổ nhiệm liên tục 02 nhiệm kỳ.

3. Thành viên độc lập Hội đồng quản trị phải thông báo với Hội đồng quản trị về việc không còn đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều kiện quy định tại khoản 2 Điều này và đương nhiên không còn là thành viên độc lập Hội đồng quản trị kể từ ngày không đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều kiện. Hội đồng quản trị phải thông báo trường hợp thành viên độc lập Hội đồng quản trị không còn đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều kiện tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông gần nhất hoặc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông để bầu bổ sung hoặc thay thế thành viên độc lập Hội đồng quản trị trong thời hạn 06 tháng kể từ ngày nhận được thông báo của thành viên độc lập Hội đồng quản trị có liên quan.

#### **Điều 8. Chủ tịch Hội đồng quản trị**

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị do Hội đồng quản trị bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm trong số các thành viên Hội đồng quản trị.

2. Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty không được kiêm Tổng Giám đốc.

3. Chủ tịch Hội đồng quản trị có quyền và nghĩa vụ sau đây:



- a) Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị;
  - b) Chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ cuộc họp; triệu tập, chủ trì và làm chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị;
  - c) Tổ chức việc thông qua nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;
  - d) Giám sát quá trình tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;
  - e) Chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;
  - f) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.
4. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị có đơn từ chức hoặc bị bãi nhiệm, miễn nhiệm, Hội đồng quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn mười (10) ngày kể từ ngày nhận đơn từ chức hoặc bị bãi nhiệm, miễn nhiệm.
5. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt hoặc không thể thực hiện được nhiệm vụ của mình thì phải ủy quyền bằng văn bản cho một thành viên khác của Hội đồng quản trị thực hiện quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc quy định tại Điều lệ Công ty. Trường hợp không có người được ủy quyền hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị chết, mất tích, bị tạm giam, đang chấp hành hình phạt tù, đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc, trốn khỏi nơi cư trú, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự, có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi, bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định thì các thành viên còn lại bầu một người trong số các thành viên giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số thành viên còn lại tán thành cho đến khi có quyết định mới của Hội đồng quản trị.
6. Khi xét thấy cần thiết, Hội đồng quản trị quyết định bổ nhiệm một (01) hoặc nhiều người làm Thư ký Công ty với nhiệm kỳ theo quyết định của Hội đồng quản trị. Hội đồng quản trị có thể bãi nhiệm Thư ký Công ty khi cần nhưng không trái với các quy định pháp luật hiện hành về lao động. Thư ký Công ty có quyền và nghĩa vụ sau đây:
- a) Hỗ trợ tổ chức triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị; ghi chép các biên bản họp;
  - b) Hỗ trợ thành viên Hội đồng quản trị trong việc thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao;
  - c) Hỗ trợ Hội đồng quản trị trong áp dụng và thực hiện nguyên tắc quản trị Công ty;
  - d) Hỗ trợ Công ty trong xây dựng quan hệ cổ đông và bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của cổ đông; việc tuân thủ nghĩa vụ cung cấp thông tin, công khai hóa thông tin và thủ tục hành chính;



đ) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định tại Điều lệ Công ty, Quy chế nội bộ về quản trị Công ty.

## **Điều 9. Miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế và bổ sung thành viên Hội đồng quản trị**

1. Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

a) Không có đủ tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 155 Luật Doanh nghiệp. **Trong trường hợp này**, thành viên Hội đồng quản trị phải thông báo với Hội đồng quản trị về việc không còn đáp ứng đủ điều kiện theo quy định tại khoản điểm a khoản 3 Điều này và đương nhiên không còn là thành viên Hội đồng quản trị kể từ ngày không đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều kiện;

c) Có đơn từ chức và được chấp thuận;

d) Trường hợp khác quy định tại Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.

**2. Trường hợp Thành viên Hội đồng quản trị có đơn từ chức, trình tự và thủ tục tiếp nhận cụ thể như sau:**

**a) Để thông báo từ chức, thành viên Hội đồng quản trị từ chức phải gửi Đơn từ chức đến Hội đồng quản trị bao gồm các nội dung chủ yếu sau đây:**

- Chức vụ từ chức;
- Lý do từ chức;
- Thời điểm có hiệu lực (ghi rõ ngày bắt đầu có hiệu lực);
- Chữ ký và ghi rõ họ tên (viết tay) của thành viên Hội đồng quản trị.

**b) Quy trình xử lý đơn từ chức của thành viên Hội đồng quản trị quy định tại điểm a khoản này như sau:**

- Công ty công bố thông tin bất thường trong thời hạn 24 giờ kể từ khi nhận được đơn từ chức.
- Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập họp Hội đồng quản trị phải gửi thông báo mời họp đến các thành viên Hội đồng quản trị trong vòng 07 (bảy) ngày làm việc kể từ ngày Công ty nhận được đơn từ chức và chậm nhất là ba (03) ngày làm việc trước ngày họp.
- Cuộc họp Hội đồng quản trị phải được tổ chức không quá 10 (mười) ngày làm việc kể từ ngày Công ty nhận được đơn từ chức.
- + Trường hợp Hội đồng quản trị thông qua việc tiếp nhận đơn từ chức, thành viên Hội đồng quản trị từ chức vẫn thực hiện quyền và nghĩa vụ cho đến khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua quyết định miễn nhiệm thành viên Hội đồng quản trị.



- + Trường hợp Hội đồng quản trị không thông qua việc tiếp nhận đơn /từ chức, thành viên Hội đồng quản trị từ chức vẫn tiếp tục thực hiện quyền và nghĩa vụ cho đến khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua quyết định miễn nhiệm thành viên Hội đồng quản trị. Hội đồng quản trị phải thông báo bằng văn bản nêu rõ lý do từ chối tiếp nhận đơn từ nhiệm/từ chức đến thành viên Hội đồng quản trị từ nhiệm/từ chức chậm nhất 02 (hai) ngày làm việc sau ngày có quyết định.

- Nghị quyết Hội đồng quản trị về việc tiếp nhận đơn từ chức phải được công bố thông tin bắt thường trong thời hạn 24 giờ kể từ khi có quyết định.

3. Đại hội đồng cổ đông bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

- a) Không tham gia các hoạt động của Hội đồng quản trị trong sáu (06) tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;
- b) Trường hợp khác quy định tại Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.

4. Khi xét thấy cần thiết, Đại hội đồng cổ đông quyết định thay thế thành viên Hội đồng quản trị; miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị ngoài trường hợp quy định tại khoản 1 và **khoản 3** Điều này.

6. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông để bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

- a) Số thành viên Hội đồng quản trị bị giảm quá một phần ba so với số quy định tại Điều lệ Công ty. Trường hợp này, Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn sáu mươi (60) ngày kể từ ngày số thành viên bị giảm quá một phần ba;
- b) Số lượng thành viên độc lập Hội đồng quản trị giảm xuống, không bảo đảm tỷ lệ theo quy định.

c) Trừ trường hợp quy định tại điểm a, b khoản này, Đại hội đồng cổ đông bầu thành viên mới thay thế thành viên Hội đồng quản trị đã bị miễn nhiệm, bãi nhiệm tại cuộc họp gần nhất.

#### **Điều 10. Cách thức bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị**

1. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử ứng cử viên Hội đồng quản trị theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty. Việc đề cử người vào Hội đồng quản trị thực hiện như sau:

- a) Các cổ đông phổ thông họp thành nhóm để đề cử người vào Hội đồng quản trị phải thông báo về việc họp nhóm cho các cổ đông dự họp biết trước khi khai mạc Đại hội đồng cổ đông. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% đến 20% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được



đề cử một (01) ứng viên; từ trên 20% đến 30% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ trên 30% đến 40% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên; từ trên 40% đến 50% được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên; từ trên 50% trở lên được đề cử tối đa năm (05) ứng viên trở lên. Việc đề cử, ứng cử thành viên Hội đồng quản trị được quy định chi tiết tại khoản 1 Điều 44 Quy chế nội bộ về Quản trị công ty.

b) Căn cứ số lượng thành viên Hội đồng quản trị quy định tại khoản 1 Điều 26 Điều lệ Công ty và khoản 1 Điều 6 Quy chế này, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại điểm a khoản 1 Điều này được quyền đề cử một hoặc một số người theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông làm ứng cử viên Hội đồng quản trị.

3. Trường hợp số lượng ứng cử viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử không đủ số lượng cần thiết theo quy định tại khoản 5 Điều 115 Luật Doanh nghiệp, Hội đồng quản trị đương nhiệm phải đề cử thêm ứng cử viên đảm bảo số lượng cần thiết theo quy định. Việc Hội đồng quản trị đương nhiệm đề cử thêm ứng cử viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật.

5. Việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên Hội đồng quản trị được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ Công ty. Trường hợp có từ hai (02) ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng quản trị thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy chế bầu cử hoặc Điều lệ Công ty.

7. Việc miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông thực hiện theo phương thức biểu quyết (tán thành, không tán thành, không có ý kiến). Tỷ lệ biểu quyết thông qua theo phương thức biểu quyết được quy định tại Khoản 2 Điều 21 Điều lệ công ty.

### **Điều 11. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị**

1. Trường hợp đã xác định được ứng cử viên Hội đồng quản trị theo quy định Điều lệ và Quy chế nội bộ về Quản trị công ty, Công ty phải công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên tối thiểu mười (10) ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu, ứng cử viên Hội đồng quản trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của Công ty nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị. Thông tin liên quan đến ứng cử viên Hội đồng quản trị được công bố bao gồm:



- a) Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;
  - b) Trình độ chuyên môn;
  - c) Quá trình công tác;
  - d) Các chức danh quản lý khác (bao gồm cả chức danh Hội đồng quản trị của Công ty khác);
  - đ) Lợi ích có liên quan tới Công ty và các bên có liên quan của Công ty;
  - e) Các thông tin khác (nếu có) theo quy định tại Điều lệ Công ty;
  - g) Công ty phải có trách nhiệm công bố thông tin về các Công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị, các chức danh quản lý khác và các lợi ích có liên quan tới Công ty của ứng cử viên Hội đồng quản trị (nếu có).
2. Việc thông báo về kết quả bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị thực hiện theo các quy định hướng dẫn về công bố thông tin.

### **Chương III: HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

#### **Điều 12. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị**

1. Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định, thực hiện quyền và nghĩa vụ của Công ty, trừ các quyền và nghĩa vụ thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.
2. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do luật pháp, Điều lệ Công ty và Đại hội đồng cổ đông quy định. Cụ thể, Hội đồng quản trị có những quyền hạn và nghĩa vụ sau:
  - a) Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hằng năm của Công ty;
  - b) Kiến nghị loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại;
  - c) Quyết định bán cổ phần chưa bán trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác;
  - d) Quyết định giá bán cổ phần và trái phiếu của Công ty;
  - đ) Quyết định mua lại cổ phần theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 133 Luật Doanh nghiệp;
  - e) Quyết định đầu tư và bán số tài sản có giá trị nhỏ hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;
  - g) Quyết định **chiến lược** phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ;



- h) Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng, giao dịch khác có giá trị từ 05% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính năm gần nhất của Công ty; các hợp đồng, giao dịch theo quy định tại Khoản 2 Điều 167 Luật Doanh nghiệp, trừ các hợp đồng, giao dịch thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 138, khoản 1 và khoản 3 Điều 167 Luật Doanh nghiệp;
- i) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị; bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký kết hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng Giám đốc, các Phó Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng; quyết định tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của những người quản lý đó theo đề nghị của Chủ tịch Hội đồng quản trị; cử người đại diện theo ủy quyền tham gia Hội đồng thành viên hoặc Đại hội đồng cổ đông ở Công ty khác, quyết định mức thù lao và quyền lợi khác của những người đó; Phê chuẩn việc bổ nhiệm, ký hợp đồng lao động, chấm dứt hợp đồng lao động với các Giám đốc, Phó Giám đốc, Trưởng phòng;
- k) Giám sát, chỉ đạo Tổng Giám đốc và người quản lý khác trong điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty;
- l) Quyết định cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty, quyết định thành lập Công ty con, chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác;
- m) Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến để Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết;
- n) Trình báo cáo tài chính hằng năm đã được kiểm toán lên Đại hội đồng cổ đông;
- o) Kiến nghị mức cổ tức được trả; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh;
- p) Kiến nghị việc tổ chức lại, giải thể Công ty; yêu cầu phá sản Công ty;
- q) Quyết định ban hành Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Quy chế nội bộ về quản trị Công ty sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua; Quy chế về công bố thông tin của Công ty;
- r) Yêu cầu Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, người quản lý khác, người điều hành khác trong Công ty cung cấp thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của Công ty và của đơn vị trong Công ty. Người quản lý được yêu cầu phải cung cấp kịp thời, đầy đủ và chính xác thông tin, tài liệu theo yêu cầu của thành viên Hội đồng quản trị. Trình tự, thủ tục yêu cầu và cung cấp thông tin được quy định cụ thể tại Quy chế nội bộ về Quản trị Công ty.
- s) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, quy định khác của pháp luật và Điều lệ Công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty.



3. Hội đồng quản trị phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị theo quy định tại Điều 280 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.

4. Hội đồng quản trị thông qua nghị quyết, quyết định bằng biểu quyết tại cuộc họp, lấy ý kiến bằng văn bản hoặc hình thức khác do Điều lệ Công ty quy định. Mỗi thành viên Hội đồng quản trị có một phiếu biểu quyết.

5. Trường hợp nghị quyết, quyết định do Hội đồng quản trị thông qua trái với quy định của pháp luật, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, Điều lệ Công ty gây thiệt hại cho Công ty thì các thành viên tán thành thông qua nghị quyết, quyết định đó phải cùng liên đới chịu trách nhiệm cá nhân về nghị quyết, quyết định đó và phải đền bù thiệt hại cho Công ty; thành viên phản đối thông qua nghị quyết, quyết định nói trên được miễn trừ trách nhiệm. Trường hợp này, cổ đông của Công ty có quyền yêu cầu Tòa án đình chỉ thực hiện hoặc hủy bỏ nghị quyết, quyết định nói trên.

### **Điều 13. Nhiệm vụ và quyền hạn của Hội đồng quản trị trong việc phê duyệt, ký kết hợp đồng giao dịch**

1. Hội đồng quản trị chấp thuận các hợp đồng, giao dịch có giá trị nhỏ hơn 35% tổng giá trị tài sản ghi trên báo cáo tài chính gần nhất của Công ty giữa Công ty với một trong các đối tượng sau:

- Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc, người quản lý khác và người có liên quan của các đối tượng này;
- Cổ đông, người đại diện ủy quyền của cổ đông sở hữu trên 10% tổng vốn cổ phần phổ thông của Công ty và những người có liên quan của họ;
- Doanh nghiệp mà thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc và người quản lý khác của công ty phải kê khai theo quy định tại khoản 2 Điều 164 của Luật Doanh nghiệp..

3. Người đại diện Công ty ký hợp đồng, giao dịch phải thông báo cho thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát về các đối tượng có liên quan đối với hợp đồng, giao dịch đó và gửi kèm theo dự thảo hợp đồng hoặc nội dung chủ yếu của giao dịch. Hội đồng quản trị quyết định việc chấp thuận hợp đồng, giao dịch trong thời hạn mười lăm (15) ngày kể từ ngày nhận được thông báo, trừ trường hợp Điều lệ Công ty quy định một thời hạn khác; thành viên Hội đồng quản trị có lợi ích liên quan đến các bên trong hợp đồng, giao dịch không có quyền biểu quyết.



**Điều 14. Trách nhiệm của Hội đồng quản trị trong việc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường**

1. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau:

- a) Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty;
- b) Số lượng thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định của pháp luật;
- c) Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 của Luật Doanh nghiệp; yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải được thể hiện bằng văn bản, trong đó nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có đủ chữ ký của các cổ đông liên quan hoặc văn bản yêu cầu được lập thành nhiều bản và tập hợp đủ chữ ký của các cổ đông có liên quan;
- d) Theo yêu cầu của Ban kiểm soát;
- đ) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

**2. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường**

Hội đồng quản trị phải **phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông** trong thời hạn ba mươi (30) ngày kể từ ngày số lượng thành viên Hội đồng quản trị hoặc thành viên Ban Kiểm soát còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định tại Điều lệ Công ty hoặc nhận được yêu cầu quy định tại điểm c và điểm d khoản 1 Điều này;

**3. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện các công việc sau đây:**

- a) Chuẩn bị danh sách cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết/bầu cử tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập không quá mười (10) ngày trước ngày gửi thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông nếu Điều lệ Công ty không quy định thời hạn ngắn hơn. Công ty phải công bố thông tin về việc lập danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông tối thiểu hai mươi (20) ngày trước ngày đăng ký cuối cùng;
- b) Chuẩn bị chương trình, nội dung đại hội;
- c) **Cung cấp** thông tin và giải quyết khiếu nại liên quan đến danh sách cổ đông;
- d) Chuẩn bị tài liệu cho đại hội;
- đ) Dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông theo nội dung dự kiến của cuộc họp;
- e) Xác định thời gian và địa điểm tổ chức đại hội;



f) Thông báo và gửi thông báo họp Đại hội đồng cổ đông cho tất cả các cổ đông có quyền dự họp;

g) Các công việc khác phục vụ đại hội.

**Điều 15. Các tiểu ban giúp việc Hội đồng quản trị.**

1. Khi xét thấy cần thiết, Hội đồng quản trị có thể thành lập tiểu ban trực thuộc để phụ trách về chính sách phát triển, nhân sự, lương thưởng, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro. Số lượng thành viên của tiểu ban do Hội đồng quản trị quyết định có tối thiểu là hai (02) người bao gồm thành viên của Hội đồng quản trị và thành viên bên ngoài. Các thành viên Hội đồng quản trị không điều hành nên chiếm đa số trong tiểu ban và một trong số các thành viên này được bổ nhiệm làm Trưởng tiểu ban theo quyết định của Hội đồng quản trị. Hoạt động của tiểu ban phải tuân thủ theo quy định của Hội đồng quản trị. Nghị quyết của tiểu ban chỉ có hiệu lực khi có đa số thành viên tham dự và biểu quyết thông qua tại cuộc họp của tiểu ban..

2. Việc thực thi quyết định của Hội đồng quản trị, hoặc của tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị phải phù hợp với các quy định pháp luật hiện hành và quy định tại Điều lệ Công ty, Quy chế nội bộ về quản trị Công ty.

**Chương IV: CUỘC HỌP HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

**Điều 16. Cuộc họp Hội đồng quản trị**

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị được bầu trong cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất triệu tập và chủ trì. Trường hợp có nhiều hơn một thành viên có số phiếu bầu hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên bầu theo nguyên tắc đa số để chọn 01 người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị.

2. Hội đồng quản trị phải họp ít nhất mỗi quý 01 lần và có thể họp bất thường.

3. Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

a) Có đề nghị của Ban kiểm soát;

b) Có đề nghị của Tổng Giám đốc hoặc ít nhất năm (05) người quản lý khác;

c) Có đề nghị của ít nhất hai (02) thành viên Hội đồng quản trị;

d) Trường hợp khác do Điều lệ Công ty quy định.

4. Đề nghị quy định tại khoản 3 Điều này phải được lập thành văn bản, trong đó nêu rõ mục đích, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị.



5. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp đến các thành viên Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 (bảy) ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị quy định tại khoản 3 Điều này. Trường hợp không triệu tập họp Hội đồng quản trị theo đề nghị thì Chủ tịch Hội đồng quản trị phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công ty; người đề nghị có quyền thay thế Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị, quy trình triệu tập tương tự như Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp theo đề nghị.

6. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập họp Hội đồng quản trị phải gửi thông báo mời họp chậm nhất là ba (03) ngày làm việc trước ngày họp nếu Điều lệ Công ty không có quy định khác. Thông báo mời họp phải xác định cụ thể thời gian và địa điểm họp, hình thức họp, chương trình, các vấn đề thảo luận và quyết định. Thông báo mời họp phải kèm theo tài liệu sử dụng tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên.

Thông báo mời họp Hội đồng quản trị có thể gửi bằng giấy mời, điện thoại, fax, phương tiện điện tử và bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên Hội đồng quản trị được đăng ký tại Công ty. Cuộc họp Hội đồng quản trị được tiến hành tại trụ sở chính của Công ty hoặc tại địa điểm khác ở Việt Nam hoặc ở nước ngoài theo quyết định của Chủ tịch Hội đồng quản trị và được sự nhất trí của Hội đồng quản trị.

7. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập gửi thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo đến các thành viên Ban Kiểm soát như đối với các thành viên Hội đồng quản trị.

Thành viên Ban Kiểm soát có quyền dự các cuộc họp Hội đồng quản trị; có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.

8. Cuộc họp Hội đồng quản trị được tiến hành khi có từ 3/4 tổng số thành viên trở lên dự họp. Trường hợp cuộc họp được triệu tập theo quy định tại Điều này không đủ số thành viên dự họp theo quy định thì được triệu tập lần 2 trong thời hạn 07 (bảy) ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Trường hợp này, cuộc họp được tiến hành nếu có hơn một nửa (1/2) số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.

9. Thành viên Hội đồng quản trị được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp trong trường hợp sau đây:

- a) Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
- b) Ủy quyền cho người khác đến dự họp và biểu quyết theo quy định tại khoản 11 Điều này;
- c) Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;
- d) Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử;
- đ) Gửi phiếu biểu quyết bằng phương tiện khác theo quy định của pháp luật (nếu có).



10. Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì dán kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng quản trị chậm nhất là 01 giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả những người dự họp.

11. Thành viên phải tham dự đầy đủ các cuộc họp Hội đồng quản trị. **Thành viên được ủy quyền cho thành viên Hội đồng quản trị khác hoặc cho người khác dự họp và biểu quyết nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp nhận.**

12. Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị được thông qua nếu được đa số (quá  $\frac{1}{2}$ ) thành viên dự họp tán thành; trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng quản trị. Lưu ý, Thành viên Hội đồng quản trị không được biểu quyết đối với giao dịch mang lại lợi ích cho thành viên đó hoặc người có liên quan của thành viên đó theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều 43 Điều lệ công ty.

13. Cuộc họp của Hội đồng quản trị có thể tổ chức theo hình thức hội nghị trực tuyến giữa các thành viên Hội đồng quản trị khi tất cả hoặc một số thành viên đang ở những địa điểm khác nhau với điều kiện là mỗi thành viên tham gia họp đều có thể:

a. Nghe từng thành viên Hội đồng quản trị khác cùng tham gia phát biểu trong cuộc họp;

b. Phát biểu với tất cả các thành viên tham dự khác một cách đồng thời. Việc thảo luận giữa các thành viên có thể thực hiện một cách trực tiếp qua điện thoại hoặc bằng phương tiện liên lạc thông tin khác hoặc kết hợp các phương thức này. Thành viên Hội đồng quản trị tham gia cuộc họp như vậy được coi là “có mặt” tại cuộc họp đó. Địa điểm cuộc họp được tổ chức theo quy định này là địa điểm mà có đông nhất thành viên Hội đồng quản trị, hoặc là địa điểm có mặt Chủ tọa cuộc họp.

14. Các quyết định được thông qua trong cuộc họp trực tuyến có hiệu lực ngay khi kết thúc cuộc họp nhưng phải được khẳng định bằng các chữ ký trong biên bản của tất cả thành viên Hội đồng quản trị tham dự cuộc họp này.

15. Nghị quyết theo hình thức lấy ý kiến bằng văn bản được thông qua trên cơ sở ý kiến tán thành của đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết. Nghị quyết này có hiệu lực và giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp.

16. Biên bản họp Hội đồng quản trị được lập bằng tiếng Việt và có thể lập bằng tiếng nước ngoài. Biên bản lập bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung giữa biên bản bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản bằng tiếng Việt được áp dụng. Biên bản phải có chữ ký của Chủ tọa và người ghi biên bản trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

17. Thông qua nghị quyết, quyết định Hội đồng quản trị bằng hình thức hội nghị trực tuyến:



- a. Cuộc họp Hội đồng quản trị thông qua nghị quyết, quyết định bằng hình thức hội nghị trực tuyến là cuộc họp Hội đồng quản trị thường kỳ hoặc họp bất thường được tổ chức dưới hình thức trực tuyến theo quyết định của Chủ tịch Hội đồng quản trị tùy từng thời điểm, có sử dụng phương tiện điện tử để kết nối, truyền tải hình ảnh, âm thanh thông qua môi trường mạng internet cho phép các thành viên Hội đồng quản trị ở nhiều địa điểm khác nhau có thể tham dự, theo dõi diễn biến của cuộc họp, thảo luận và biểu quyết các vấn đề của cuộc họp;
- b. Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị được thông qua tại cuộc họp tổ chức dưới hình thức hội nghị trực tuyến có hiệu lực như đối với cuộc họp trực tiếp;
- c. Trình tự, thủ tục tổ chức họp Hội đồng quản trị thông qua nghị quyết, quyết định bằng hình thức hội nghị trực tuyến được thực hiện theo các quy định tại Quy chế nội bộ về quản trị Công ty và Quy chế tổ chức và hoạt động của Hội đồng quản trị.

18. Thông qua nghị quyết, quyết định Hội đồng quản trị bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản:

- a. Chủ tịch Hội đồng quản trị có quyền quyết định lấy ý kiến thành viên Hội đồng quản trị bằng văn bản khi xét thấy cần thiết vì lợi ích Công ty;
- b. Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị được thông qua bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản có hiệu lực và giá trị như nghị quyết, quyết định được các thành viên Hội đồng quản trị thông qua tại cuộc họp;
- c. Trình tự, thủ tục lấy ý kiến bằng văn bản để thông qua nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị được thực hiện theo các quy định tại Quy chế nội bộ về quản trị Công ty, Quy chế tổ chức và hoạt động của Hội đồng quản trị.

#### **Điều 17. Biên bản họp Hội đồng quản trị**

1. Các cuộc họp Hội đồng quản trị phải được ghi biên bản và có thể ghi âm, ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt và có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài, bao gồm các nội dung chủ yếu sau đây:
  - a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
  - b) Thời gian, địa điểm họp;
  - c) Mục đích, chương trình và nội dung họp;
  - d) Họ, tên từng thành viên dự họp hoặc người được ủy quyền dự họp và cách thức dự họp; họ, tên các thành viên không dự họp và lý do;
  - đ) Vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp;



- e) Tóm tắt phát biểu ý kiến của từng thành viên dự họp theo trình tự diễn biến của cuộc họp;
  - g) Kết quả biểu quyết trong đó ghi rõ những thành viên tán thành, không tán thành và không có ý kiến;
  - h) Vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;
  - i) Họ, tên, chữ ký chủ tọa và người ghi biên bản, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này.
2. Trường hợp chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp nhưng nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại các điểm a, b, c, d, đ, e, g và h khoản 1 Điều này thì biên bản này có hiệu lực.
3. Chủ tọa, người ghi biên bản và những người ký tên trong biên bản phải chịu trách nhiệm về tính trung thực và chính xác của nội dung biên bản họp Hội đồng quản trị.
4. Biên bản họp Hội đồng quản trị và tài liệu sử dụng trong cuộc họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.
5. Biên bản lập bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung giữa biên bản bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản bằng tiếng Việt được áp dụng.

## **Chương V: BÁO CÁO, CÔNG KHAI CÁC LỢI ÍCH**

### **Điều 18. Trình báo cáo hằng năm**

1. Kết thúc năm tài chính, Hội đồng quản trị phải trình Đại hội đồng cổ đông báo cáo sau đây:
- a) Báo cáo kết quả kinh doanh của Công ty;
  - b) Báo cáo tài chính;
  - c) Báo cáo đánh giá công tác quản lý, điều hành Công ty;
  - d) Báo cáo thẩm định của Ban Kiểm soát.
2. Báo cáo quy định tại các điểm a, b và c khoản 1 Điều này phải được gửi đến Ban kiểm soát để thẩm định chậm nhất là ba mươi (30) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên.
3. Báo cáo quy định tại các khoản 1, 2 Điều này, báo cáo thẩm định của Ban kiểm soát và báo cáo kiểm toán phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty chậm nhất là hai mươi một (21) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên. Cổ đông sở hữu cổ phần của Công ty liên tục ít nhất một (01) năm có quyền tự mình hoặc cùng với luật sư, kế toán viên, kiểm toán viên có chứng chỉ hành nghề trực tiếp xem xét báo cáo quy định tại Điều này.



**Điều 19. Thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị**

1. Công ty có quyền trả thù lao, thưởng cho thành viên Hội đồng quản trị theo kết quả và hiệu quả kinh doanh.
2. Thành viên Hội đồng quản trị được hưởng thù lao công việc và thưởng. Thù lao công việc được tính theo số ngày công cần thiết hoàn thành nhiệm vụ của thành viên Hội đồng quản trị và mức thù lao mỗi ngày. Hội đồng quản trị dự tính mức thù lao cho từng thành viên theo nguyên tắc nhất trí. Tổng mức thù lao và thưởng của Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định tại cuộc họp thường niên.
3. Thù lao của từng thành viên Hội đồng quản trị được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.
4. Thành viên Hội đồng quản trị nắm giữ chức vụ điều hành hoặc thành viên Hội đồng quản trị làm việc tại các tiểu ban của Hội đồng quản trị hoặc thực hiện những công việc khác ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên Hội đồng quản trị, có thể được trả thêm thù lao dưới dạng một khoản tiền công trọn gói theo từng lần, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của Hội đồng quản trị.
5. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn, ở và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên Hội đồng quản trị của mình, bao gồm cả các chi phí phát sinh trong việc tới tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị hoặc các tiểu ban của Hội đồng quản trị.
6. Thành viên Hội đồng quản trị có thể được Công ty mua bảo hiểm trách nhiệm sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông. Bảo hiểm này không bao gồm bảo hiểm cho những trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị liên quan đến việc vi phạm pháp luật và Điều lệ Công ty.

**Điều 20. Công khai các lợi ích liên quan**

Trường hợp Điều lệ Công ty không có quy định khác chặt chẽ hơn, việc công khai lợi ích và người có liên quan của Công ty thực hiện theo quy định sau đây:

1. Thành viên Hội đồng quản trị của Công ty phải kê khai cho Công ty về các lợi ích liên quan của mình, bao gồm:
  - a) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà họ có sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần; tỷ lệ và thời điểm sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần đó;



b) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà những người có liên quan của họ cùng sở hữu hoặc sở hữu riêng phần vốn góp hoặc cổ phần trên 10% vốn điều lệ.

2. Việc kê khai quy định tại khoản 1 Điều này phải được thực hiện trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc, kể từ ngày phát sinh lợi ích liên quan; việc sửa đổi, bổ sung phải được thông báo với Công ty trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc, kể từ ngày có sửa đổi, bổ sung tương ứng.

3. Thành viên Hội đồng quản trị nhân danh cá nhân hoặc nhân danh người khác để thực hiện công việc dưới mọi hình thức trong phạm vi công việc kinh doanh của Công ty đều phải giải trình bản chất, nội dung của công việc đó trước Hội đồng quản trị và chỉ được thực hiện khi được đa số thành viên còn lại của Hội đồng quản trị chấp thuận; nếu thực hiện mà không khai báo hoặc không được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị thì tất cả thu nhập có được từ hoạt động đó thuộc về Công ty.

## **Chương VI: MỐI QUAN HỆ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

### **Điều 21. Mối quan hệ giữa các thành viên Hội đồng quản trị**

1. Quan hệ giữa các thành viên Hội đồng quản trị là quan hệ phối hợp, các thành viên Hội đồng quản trị có trách nhiệm thông tin cho nhau về vấn đề có liên quan trong quá trình xử lý công việc được phân công.

2. Trong quá trình xử lý công việc, thành viên Hội đồng quản trị được phân công chịu trách nhiệm chính phải chủ động phối hợp xử lý, nếu có vấn đề liên quan đến lĩnh vực do thành viên Hội đồng quản trị khác phụ trách. Trong trường hợp giữa các thành viên Hội đồng quản trị còn có ý kiến khác nhau thì thành viên chịu trách nhiệm chính báo cáo Chủ tịch Hội đồng quản trị xem xét quyết định theo thẩm quyền hoặc tổ chức họp hoặc lấy ý kiến của các thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty và Quy chế này.

3. Trong trường hợp có sự phân công lại giữa các thành viên Hội đồng quản trị thì các thành viên Hội đồng quản trị phải bàn giao công việc, hồ sơ, tài liệu liên quan. Việc bàn giao này phải được lập thành văn bản và báo cáo Chủ tịch Hội đồng quản trị về việc bàn giao đó.

### **Điều 22. Mối quan hệ với ban điều hành**

Với vai trò quản trị, Hội đồng quản trị ban hành các nghị quyết để Tổng Giám đốc và bộ máy điều hành thực hiện. Đồng thời, Hội đồng quản trị kiểm tra, giám sát thực hiện các nghị quyết.

### **Điều 23. Mối quan hệ với Ban Kiểm soát**

1. Mối quan hệ giữa Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát là quan hệ phối hợp. Quan hệ làm việc giữa Hội đồng quản trị với Ban Kiểm soát theo nguyên tắc bình đẳng và độc lập, đồng thời phối hợp chặt chẽ, hỗ trợ lẫn nhau trong quá trình thực thi nhiệm vụ.



2. Khi tiếp nhận các biên bản kiểm tra hoặc báo cáo tổng hợp của Ban Kiểm soát, Hội đồng quản trị có trách nhiệm nghiên cứu và chỉ đạo các bộ phận có liên quan xây dựng kế hoạch và thực hiện chấn chỉnh kịp thời.

## **Chương VII: ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH**

### **Điều 24. Hiệu lực thi hành**

Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Thuốc sát trùng Cần Thơ bao gồm 7 chương, 24 điều và có hiệu lực thi hành kể từ ngày ..... tháng 04 năm 2025.

*Cần Thơ, ngày ... tháng ... năm 2025.*

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

**CHỦ TỊCH**

**(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)**



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

## ĐIỀU LỆ

### CÔNG TY CỔ PHẦN THUỐC SÁT TRÙNG CẦN THƠ

....., ngày ... tháng ... năm 2025



**MỤC LỤC**

<b>PHẦN MỞ ĐẦU.....</b>	<b>6</b>
<b>I. ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ.....</b>	<b>6</b>
<i>Điều 1. Giải thích thuật ngữ .....</i>	<i>6</i>
<b>II. TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN, ĐỊA ĐIỂM KINH DOANH, THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG VÀ NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY .....</b>	<b>7</b>
<i>Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh và thời hạn hoạt động của Công ty .....</i>	<i>7</i>
<i>Điều 3. Người đại diện theo pháp luật của Công ty .....</i>	<i>8</i>
<b>III. MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY .....</b>	<b>9</b>
<i>Điều 4. Mục tiêu hoạt động của Công ty .....</i>	<i>9</i>
<i>Điều 5. Phạm vi kinh doanh và hoạt động của Công ty.....</i>	<i>10</i>
<b>IV. VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP .....</b>	<b>10</b>
<i>Điều 6. Vốn điều lệ, cổ phần, cổ đông sáng lập .....</i>	<i>10</i>
<i>Điều 7. Chứng nhận cổ phiếu .....</i>	<i>11</i>
<i>Điều 8. Chứng chỉ chứng khoán khác .....</i>	<i>12</i>
<i>Điều 9. Chuyển nhượng cổ phần.....</i>	<i>12</i>
<i>Điều 10. Thu hồi cổ phần.....</i>	<i>12</i>
<b>V. CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN TRỊ VÀ KIỂM SOÁT.....</b>	<b>13</b>
<i>Điều 11. Cơ cấu tổ chức, quản trị và kiểm soát.....</i>	<i>13</i>
<b>VI. CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG .....</b>	<b>13</b>
<i>Điều 12. Quyền của cổ đông.....</i>	<i>13</i>
<i>Điều 13. Nghĩa vụ của cổ đông.....</i>	<i>15</i>
<i>Điều 14. Đại hội đồng cổ đông.....</i>	<i>16</i>
<i>Điều 15. Quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông.....</i>	<i>18</i>
<i>Điều 16. Ủy quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông.....</i>	<i>19</i>
<i>Điều 17. Thay đổi các quyền.....</i>	<i>20</i>
<i>Điều 18. Triệu tập họp, chương trình họp và thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông .....</i>	<i>21</i>



## **Điều lệ Công ty cổ phần Thuộc sát trùng Cần Thơ**

Điều 19. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông .....	23
Điều 20. Thủ tục tiến hành họp và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.....	23
Điều 21. Điều kiện để Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua .....	26
Điều 22. Thẩm quyền và thủ tục lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông .....	<b>Error! Bookmark not defined.</b>
Điều 23. Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông .....	27
Điều 24. Yêu cầu hủy bỏ Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông .....	28
<b>VII. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ.....</b>	<b>31</b>
Điều 25. Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị.....	31
Điều 26. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị .....	33
Điều 27. Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị .....	34
Điều 28. Thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị .....	36
Điều 29. Chủ tịch Hội đồng quản trị.....	36
Điều 30. Cuộc họp của Hội đồng quản trị.....	37
Điều 31. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị.....	41
Điều 32. Người phụ trách quản trị Công ty .....	41
<b>VIII. TỔNG GIÁM ĐỐC; NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC VÀ THƯ KÝ CÔNG TY....</b>	<b>42</b>
.....	
Điều 33. Tổ chức bộ máy quản lý .....	42
Điều 34. Người điều hành Doanh nghiệp .....	42
Điều 35. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, quyền và nghĩa vụ của Tổng Giám đốc .....	42
Điều 36. Thư ký Công ty.....	44
<b>IX. BAN KIỂM SOÁT.....</b>	<b>44</b>
Điều 37. Ứng cử, đề cử thành viên Ban kiểm soát.....	44
Điều 38. Thành phần Ban Kiểm soát .....	45
Điều 39. Trưởng Ban kiểm soát .....	46
Điều 40. Quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát .....	46
Điều 41. Cuộc họp của Ban kiểm soát .....	47
Điều 42. Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Ban kiểm soát.....	47
<b>X. TRÁCH NHIỆM CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC .....</b>	<b>48</b>
Điều 43. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi .....	48



<i>Điều 44. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường .....</i>	<i>49</i>
<b>XI. QUYỀN TRA CỨU SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY .....</b>	<b>50</b>
<i>Điều 45. Quyền tra cứu sổ sách và hồ sơ.....</i>	<i>50</i>
<b>XII. CÔNG NHÂN VIÊN VÀ CÔNG ĐOÀN .....</b>	<b>51</b>
<i>Điều 46. Công nhân viên và công đoàn .....</i>	<i>51</i>
<b>XIII. PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN .....</b>	<b>51</b>
<i>Điều 47. Phân phối lợi nhuận .....</i>	<i>51</i>
<b>XIV. TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, NĂM TÀI CHÍNH VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN .....</b>	<b>52</b>
<i>Điều 48. Tài khoản ngân hàng .....</i>	<i>52</i>
<i>Điều 49. Năm tài chính .....</i>	<i>52</i>
<i>Điều 50. Chế độ kế toán .....</i>	<i>52</i>
<b>XV. BÁO CÁO TÀI CHÍNH, BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN VÀ TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN.....</b>	<b>52</b>
<i>Điều 51. Báo cáo tài chính năm, bán niên và quý .....</i>	<i>Error! Bookmark not defined.</i>
<i>Điều 52. Báo cáo thường niên .....</i>	<i>53</i>
<b>XVI. KIỂM TOÁN CÔNG TY .....</b>	<b>53</b>
<i>Điều 53. Kiểm toán.....</i>	<i>53</i>
<b>XVII. DẤU CỦA DOANH NGHIỆP .....</b>	<b>53</b>
<i>Điều 54. Dấu của doanh nghiệp .....</i>	<i>53</i>
<b>XVIII. GIẢI THỂ CÔNG TY .....</b>	<b>54</b>
<i>Điều 55. Giải thể Công ty .....</i>	<i>54</i>
<i>Điều 56. Thanh lý.....</i>	<i>54</i>
<b>XIX. GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ.....</b>	<b>55</b>
<i>Điều 57. Giải quyết tranh chấp nội bộ.....</i>	<i>55</i>
<b>XX. BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ .....</b>	<b>55</b>
<i>Điều 58. Điều lệ Công ty.....</i>	<i>55</i>



<b>XXI. NGÀY HIỆU LỰC.....</b>	<b>55</b>
--------------------------------	-----------

<i>Điều 59. Ngày hiệu lực.....</i>	<i>56</i>
------------------------------------	-----------



**PHẦN MỞ ĐẦU**

Điều lệ này được thông qua theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông số ... ngày 24 tháng 04 năm 2025

**I. ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ**

**Điều 1. Giải thích thuật ngữ**

1. Trong Điều lệ này, những thuật ngữ dưới đây được hiểu như sau:

- a) *Công ty* là Công ty cổ phần Thuộc sát trùng Cần Thơ;
- b) *Vốn điều lệ* là tổng mệnh giá cổ phần đã bán hoặc được đăng ký mua khi thành lập Công ty và theo quy định tại Điều 6 Điều lệ này;
- c) *Luật Doanh nghiệp* là Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17 tháng 6 năm 2020 và các văn bản sửa đổi, bổ sung;
- d) *Luật Chứng khoán* là Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2019 và các văn bản sửa đổi, bổ sung;
- e) *Ngày thành lập* là ngày Công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và các giấy tờ có giá trị tương đương) lần đầu;
- f) *Người điều hành Công ty* là Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng do Hội đồng quản trị bổ nhiệm và các Giám đốc, Trưởng phòng do Hội đồng quản trị phê chuẩn;
- g) *Người quản lý Công ty* bao gồm Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc do Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị bổ nhiệm;
- h) *Người có liên quan* là cá nhân hoặc tổ chức được quy định tại khoản 23 Điều 4 Luật Doanh nghiệp 2020 và khoản 46 Điều 4 Luật Chứng khoán;
- i) *Cổ đông* là cá nhân, tổ chức sở hữu ít nhất một cổ phần của Công ty;
- j) *Cổ đông sáng lập* là cổ đông sở hữu ít nhất một cổ phần phổ thông và ký tên trong danh sách cổ đông sáng lập Công ty;
- k) *Cổ đông lớn* là cổ đông sở hữu từ 5% trở lên số cổ phiếu có quyền biểu quyết của Công ty;
- l) *Thành viên Ban kiểm soát* là Kiểm soát viên;
- m) *Sở giao dịch chứng khoán* là Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam và các công ty con.
- n) *VSDC* là Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam.



o) *Địa chỉ liên lạc* là địa chỉ đăng ký trụ sở chính đối với tổ chức; địa chỉ thường trú hoặc nơi làm việc hoặc địa chỉ khác của cá nhân mà người đó đăng ký với Công ty để làm địa chỉ liên lạc.

p) *Bí mật kinh doanh, Bí mật thương mại* là các thông tin thu được từ hoạt động đầu tư tài chính, trí tuệ, chưa được bộc lộ và có khả năng sử dụng trong kinh doanh.

2. Trong Điều lệ này, các tham chiếu tới một hoặc một số quy định hoặc văn bản khác bao gồm cả những sửa đổi, bổ sung hoặc văn bản thay thế.

3. Các tiêu đề (Mục, Điều của Điều lệ này) được sử dụng nhằm thuận tiện cho việc hiểu nội dung và không ảnh hưởng tới nội dung của Điều lệ này.

## **II. TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN, ĐỊA ĐIỂM KINH DOANH, THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG VÀ NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY**

**Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh và thời hạn hoạt động của Công ty**

1. Tên Công ty:

- Tên tiếng Việt: CÔNG TY CP THUỐC SÁT TRÙNG CẦN THƠ

- Tên tiếng Anh: Can Tho Pesticides Joint Stock Company

- Tên Công ty viết tắt: CPC

2. Công ty là Công ty cổ phần có tư cách pháp nhân phù hợp với pháp luật hiện hành của Việt Nam.

3. Trụ sở đăng ký của Công ty:

- Địa chỉ trụ sở chính: 51 Trương Văn Diễm, Phường Phước Thới, Quận Ô Môn, Thành phố Cần Thơ, Việt Nam

- Điện thoại: 0292 3861 770

- Fax: 0292 3861 798

- E-mail: [admin@tstcantho.com.vn](mailto:admin@tstcantho.com.vn)

- Website: [www.tstcantho.com.vn](http://www.tstcantho.com.vn)

- Logo





4. Công ty có thể thành lập chi nhánh và văn phòng đại diện tại địa bàn kinh doanh để thực hiện các mục tiêu hoạt động của Công ty phù hợp với quyết định của Hội đồng quản trị và trong phạm vi luật pháp cho phép.

5. Trừ khi chấm dứt hoạt động trước thời hạn quy định tại Điều 55 Điều lệ này, thời hạn hoạt động của Công ty là vô thời hạn từ ngày thành lập.

### **Điều 3. Người đại diện theo pháp luật của Công ty**

1. Công ty có người đại diện theo pháp luật là **Tổng Giám đốc**

2. Người đại diện theo pháp luật của Công ty là cá nhân đại diện cho Công ty thực hiện các quyền và nghĩa vụ phát sinh từ giao dịch của Công ty, đại diện cho Công ty với tư cách người yêu cầu giải quyết việc dân sự, nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trước Trọng tài, Tòa án. Trách nhiệm của người đại diện theo pháp luật thực hiện theo Điều 13 của Luật Doanh nghiệp và các quyền, nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật hiện hành.

3. Người đại diện theo pháp luật của Công ty phải cư trú ở Việt Nam; và phải ủy quyền bằng văn bản cho người khác cư trú tại Việt Nam thực hiện quyền và nghĩa vụ của người đại diện theo pháp luật tại Công ty khi xuất cảnh khỏi Việt Nam. Trường hợp này, người đại diện theo pháp luật vẫn phải chịu trách nhiệm về việc thực hiện quyền và nghĩa vụ đã ủy quyền.

4. Trường hợp hết hạn ủy quyền mà người đại diện theo pháp luật của Công ty chưa trở lại Việt Nam và không có ủy quyền khác thì người được ủy quyền vẫn tiếp tục thực hiện các quyền và nghĩa vụ của người đại diện theo pháp luật của Công ty trong phạm vi đã được ủy quyền cho đến khi người đại diện theo pháp luật của Công ty trở lại làm việc, hoặc cho đến khi Hội đồng quản trị quyết định cử người khác làm người đại diện theo pháp luật của Công ty.

5. Trường hợp người đại diện theo pháp luật của Công ty vắng mặt tại Việt Nam quá ba mươi (30) ngày mà không ủy quyền cho người khác thực hiện các quyền và nghĩa vụ của người đại diện theo pháp luật của Công ty hoặc chết, mất tích, đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự, bị tạm giam, đang chấp hành hình phạt tù, đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc, bị hạn chế hoặc mất năng lực



hành vi dân sự, có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi, bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định thì Hội đồng quản trị cử người khác làm người đại diện theo pháp luật của Công ty.

### **III. MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY**

#### **Điều 4. Mục tiêu hoạt động của Công ty**

1. Ngành, nghề kinh doanh chính của Công ty là:

<b>STT</b>	<b>Tên ngành</b>	<b>Mã ngành</b>
<b>1</b>	<b>Sản xuất phân bón và hợp chất ni tơ</b>	<b>2012 (Chính)</b>
<b>2</b>	Sản xuất thuốc trừ sâu và sản phẩm hoá chất khác dùng trong nông nghiệp Chi tiết: Sản xuất, gia công thuốc bảo vệ thực vật, và sản phẩm hoá chất khác dùng trong nông nghiệp Sản xuất sản phẩm hoá chất khác chưa được phân vào đâu	2021
<b>3</b>	Chi tiết: Sản xuất thuốc thú y thủy sản, chế phẩm sinh học, sản phẩm xử lý cải tạo môi trường chất bổ sung cho thức ăn và thức ăn chăn nuôi, cho nuôi trồng thủy sản và hóa chất dùng trong nuôi trồng thủy sản	2029
<b>4</b>	Chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản Chi tiết: Chế biến thủy hải sản để xuất khẩu	1020
<b>5</b>	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Nhập khẩu, kinh doanh thuốc bảo vệ thực vật, các chế phẩm sinh học và hóa chất các loại; Nhập khẩu, kinh doanh phân bón; Kinh doanh sản phẩm xử lý, cải tạo môi trường dùng trong nuôi trồng thủy sản; Kinh doanh giống thủy sản, chất bổ sung cho thức ăn và thức ăn chăn nuôi cho nuôi trồng thủy sản; Xuất khẩu thuốc bảo vệ thực vật, phân bón, hóa chất phục vụ nông nghiệp.	4669
<b>6</b>	Bán buôn thực phẩm Chi tiết: Xuất khẩu thực phẩm chế biến	4632
<b>7</b>	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình Chi tiết: Kinh doanh, xuất nhập khẩu thuốc thú y thủy sản	4649



**Điều lệ Công ty cổ phần Thuộc sát trùng Cần Thơ**

STT	Tên ngành	Mã ngành
8	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp Chi tiết: Nhập khẩu, kinh doanh máy móc thiết bị, dụng cụ phục vụ sản xuất nông nghiệp.	4653
9	Vận tải hành khách đường bộ khác	4932
10	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ	4933

2. Mục tiêu hoạt động của Công ty là huy động và sử dụng vốn có hiệu quả trong việc phát triển sản xuất và kinh doanh các loại sản phẩm theo các chức năng và ngành nghề kinh doanh được cấp phép. Đồng thời nhằm nâng cao hiệu quả và tối đa hóa các khoản lợi nhuận hợp lý cho Công ty, tạo công ăn việc làm và thu nhập ổn định cho người lao động, tăng lợi tức cho các cổ đông, đóng góp cho Ngân sách Nhà nước và không ngừng phát triển Công ty ngày càng lớn mạnh.

**Điều 5. Phạm vi kinh doanh và hoạt động của Công ty**

Công ty được phép tiến hành hoạt động kinh doanh theo các ngành nghề quy định tại Điều lệ này đã đăng ký, thông báo thay đổi nội dung đăng ký với cơ quan đăng ký kinh doanh và đã công bố trên Cổng thông tin đăng ký doanh nghiệp quốc gia.

**IV. VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP****Điều 6. Vốn điều lệ, cổ phần, cổ đông sáng lập**

1. Vốn điều lệ của Công ty là **43.030.500.000** đồng (*Bốn mươi ba tỷ, ba mươi triệu năm trăm nghìn đồng*).

Tổng số vốn điều lệ của Công ty được chia thành 4.303.050 cổ phần với mệnh giá là 10.000 đồng/cổ phần.

2. Công ty có thể thay đổi vốn điều lệ khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và phù hợp với các quy định của pháp luật.

3. Các cổ phần của Công ty vào ngày thông qua Điều lệ này bao gồm cổ phần phổ thông và cổ phần ưu đãi (nếu có). Các quyền và nghĩa vụ của cổ đông nắm giữ từng loại cổ phần được quy định tại Điều 12, Điều 13 Điều lệ này.

4. Công ty có thể phát hành các loại cổ phần ưu đãi khác sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông và phù hợp với các quy định của pháp luật.



5. Công ty chính thức hoạt động theo hình thức Công ty cổ phần theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 1800457478 do Sở Kế hoạch và Đầu tư **Thành phố Cần Thơ** cấp lần đầu ngày **07/05/2002**. Căn cứ theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, tính đến thời điểm hiện nay cổ phần phổ thông của các cổ đông sáng lập đã hết thời gian hạn chế chuyển nhượng.

**6. Chào bán cổ phần**

Chào bán cổ phần là việc công ty tăng thêm số lượng cổ phần, loại cổ phần được quyền chào bán và bán các cổ phần đó trong quá trình hoạt động để tăng vốn điều lệ.

Chào bán cổ phần có thể thực hiện theo một trong các hình thức sau đây :

- a) Chào bán cho các cổ đông hiện hữu.
- b) Chào bán ra công chúng.
- c) Chào bán cổ phần riêng lẻ.
- d) Hình thức khác theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

Cổ phần phổ thông phải được ưu tiên chào bán cho các cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông của họ trong Công ty, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông quyết định khác. Số cổ phần cổ đông không đăng ký mua hết sẽ do Hội đồng quản trị của Công ty quyết định. Hội đồng quản trị có thể phân phối số cổ phần đó cho cổ đông và người khác với điều kiện không thuận lợi hơn so với những điều kiện đã chào bán cho các cổ đông hiện hữu trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có chấp thuận khác hoặc pháp luật về chứng khoán có quy định khác.

7. Công ty có thể mua cổ phần do chính Công ty đã phát hành theo những cách thức được quy định trong Điều lệ này và pháp luật hiện hành.

8. Công ty có thể phát hành các loại chứng khoán khác theo quy định của pháp luật.

**Điều 7. Chứng nhận cổ phiếu**

1. Cổ đông của Công ty được cấp chứng nhận cổ phiếu tương ứng với số cổ phần và loại cổ phần sở hữu.

2. Cổ phiếu là loại chứng khoán xác nhận quyền và lợi ích hợp pháp của người sở hữu đối với một phần vốn cổ phần của tổ chức phát hành. Cổ phiếu phải có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 1 Điều 121 Luật Doanh nghiệp. Trường hợp có sai sót trong nội dung và hình thức cổ phiếu do công ty phát hành thì quyền và lợi ích của người sở hữu cổ phiếu đó không bị ảnh hưởng. Người đại diện theo pháp luật của công ty chịu trách nhiệm về thiệt hại do những sai sót đó gây ra.



3. Người sở hữu cổ phần được cấp chứng nhận cổ phiếu trong thời hạn bảy (07) ngày kể từ ngày VSDC thông báo đã nhận đầy đủ hồ sơ đề nghị chuyển quyền sở hữu cổ phần theo quy định của pháp luật hoặc trong thời hạn hai (02) tháng kể từ ngày thanh toán đầy đủ tiền mua cổ phần theo quy định tại phương án phát hành cổ phiếu của Công ty (hoặc thời hạn khác theo Điều khoản phát hành quy định). Người sở hữu cổ phần không phải trả cho Công ty chi phí in chứng nhận cổ phiếu.

4. Trường hợp chứng nhận cổ phiếu bị mất, bị hư hỏng hoặc bị hủy hoại dưới hình thức khác thì cổ đông được Công ty cấp lại chứng nhận cổ phiếu theo đề nghị của cổ đông đó. Đề nghị của cổ đông phải bao gồm các nội dung sau đây:

a) Thông tin về chứng nhận cổ phiếu đã bị mất, bị hư hỏng hoặc bị hủy hoại dưới hình thức khác;

b) Cam kết chịu trách nhiệm về những tranh chấp phát sinh từ việc cấp lại chứng nhận cổ phiếu mới.

**Điều 8.5. Trường hợp Công ty hủy đăng ký chứng khoán tại VSDC, Công ty cấp lại chứng nhận cổ phiếu cho cổ đông trong thời hạn ba mươi (30) ngày kể từ ngày hiệu lực hủy đăng ký chứng khoán theo thông báo của VSDC Chứng chỉ chứng khoán khác**

Chứng chỉ trái phiếu hoặc chứng chỉ chứng khoán khác của Công ty được phát hành có chữ ký của người đại diện theo Pháp luật và dấu của Công ty.

## **Điều 9. Chuyển nhượng cổ phần**

1. Tất cả các cổ phần được tự do chuyển nhượng trừ khi Điều lệ này và pháp luật có quy định khác, cổ phiếu niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán được chuyển nhượng theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

2. Cổ phần chưa được thanh toán đầy đủ không được chuyển nhượng và hưởng các quyền lợi liên quan như quyền nhận cổ tức, quyền nhận cổ phiếu phát hành để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu, quyền mua cổ phiếu mới chào bán và các quyền lợi khác theo quy định của pháp luật.

## **Điều 10. Thu hồi cổ phần**

1. Trường hợp cổ đông không thanh toán đầy đủ và đúng hạn số tiền phải trả để mua cổ phiếu, Hội đồng quản trị thông báo và có quyền yêu cầu cổ đông đó thanh toán số tiền còn lại và chịu trách nhiệm tương ứng với tổng mệnh giá cổ phần đã đăng ký mua đối với nghĩa vụ tài chính của Công ty phát sinh do việc không thanh toán đầy đủ.



2. Thông báo thanh toán nêu trên phải ghi rõ thời hạn thanh toán mới (tối thiểu là bảy (07) ngày kể từ ngày gửi thông báo), địa điểm thanh toán và thông báo phải ghi rõ trường hợp không thanh toán theo đúng yêu cầu, số cổ phần chưa thanh toán hết sẽ bị thu hồi.

3. Hội đồng quản trị có quyền thu hồi các cổ phần chưa thanh toán đầy đủ và đúng hạn trong trường hợp các yêu cầu trong thông báo nêu trên không được thực hiện.

4. Cổ phần bị thu hồi được coi là các cổ phần được quyền chào bán quy định tại khoản 3 Điều 112 Luật Doanh nghiệp. Hội đồng quản trị có thể trực tiếp hoặc ủy quyền bán, tái phân phối theo những điều kiện và cách thức mà Hội đồng quản trị thấy là phù hợp.

5. Cổ đông nắm giữ cổ phần bị thu hồi phải từ bỏ tư cách cổ đông đối với những cổ phần đó, nhưng vẫn phải chịu trách nhiệm tương ứng với tổng mệnh giá cổ phần đã đăng ký mua đối với nghĩa vụ tài chính của Công ty phát sinh vào thời điểm thu hồi theo quyết định của Hội đồng quản trị kể từ ngày thu hồi cho đến ngày thực hiện thanh toán. Hội đồng quản trị có toàn quyền quyết định việc cưỡng chế thanh toán toàn bộ giá trị cổ phiếu vào thời điểm thu hồi.

6. Thông báo thu hồi được gửi đến người nắm giữ cổ phần bị thu hồi trước thời điểm thu hồi. Việc thu hồi vẫn có hiệu lực kể cả trong trường hợp có sai sót hoặc bất cẩn trong việc gửi thông báo.

## **V. CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN TRỊ VÀ KIỂM SOÁT**

### **Điều 11. Cơ cấu tổ chức, quản trị và kiểm soát**

Cơ cấu tổ chức quản lý, quản trị và kiểm soát của Công ty bao gồm:

1. Đại hội đồng cổ đông.
2. Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát.
3. Tổng Giám đốc.

## **VI. CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG**

### **Điều 12. Quyền của cổ đông**

1. Cổ đông phổ thông có các quyền sau:

a) Tham dự, phát biểu trong cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp hoặc thông qua người đại diện theo ủy quyền hoặc hình thức khác do Điều lệ Công ty, pháp luật quy định. Mỗi cổ phần phổ thông có một phiếu biểu quyết;

b) Nhận cổ tức với mức theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;



c) Ưu tiên mua cổ phần mới tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông của từng cổ đông trong Công ty;

d) Tự do chuyển nhượng cổ phần của mình cho người khác, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 120, khoản 1 Điều 127 Luật Doanh nghiệp và quy định khác của pháp luật có liên quan;

e) Xem xét, tra cứu và trích lục thông tin về tên và địa chỉ liên lạc trong danh sách cổ đông có quyền biểu quyết; yêu cầu sửa đổi thông tin không chính xác của mình.

f) Xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ Công ty, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.

g) Khi Công ty giải thể hoặc phá sản, được nhận một phần tài sản còn lại tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần tại Công ty sau khi Công ty đã thanh toán các khoản nợ (bao gồm cả nghĩa vụ nợ đối với nhà nước, thuế, phí);

h) Yêu cầu Công ty mua lại cổ phần trong các trường hợp quy định tại Điều 132 Luật Doanh nghiệp;

i) Được đối xử bình đẳng. Mỗi cổ phần của cùng một loại đều tạo cho cổ đông sở hữu các quyền, nghĩa vụ và lợi ích ngang nhau. Trường hợp Công ty có các loại cổ phần ưu đãi, các quyền và nghĩa vụ gắn liền với các loại cổ phần ưu đãi phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua và công bố đầy đủ cho cổ đông;

j) Được tiếp cận đầy đủ thông tin định kỳ và thông tin bất thường do Công ty công bố theo quy định của pháp luật;

k) Được bảo vệ các quyền, lợi ích hợp pháp của mình; đề nghị đình chỉ, hủy bỏ nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị theo quy định của Luật Doanh nghiệp;

l) Các quyền khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

2. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 05% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có các quyền sau:

a) Yêu cầu Hội đồng quản trị thực hiện việc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo các quy định tại khoản 3, khoản 4 Điều 115 và Điều 140 Luật Doanh nghiệp;

b) Xem xét, tra cứu, trích lục sổ biên bản và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính giữa năm và hằng năm, báo cáo của Ban kiểm soát, hợp đồng, giao dịch phải thông qua Hội đồng quản trị, và tài liệu khác, trừ tài liệu liên quan đến Bí mật thương mại và bí mật kinh doanh của Công ty.

c) Yêu cầu Ban kiểm soát kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết. Yêu cầu phải bằng văn bản và phải bao gồm các



### **Điều lệ Công ty cổ phần Thuộc sát trùng Cần Thơ**

---

nội dung sau đây: họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của Công ty; vấn đề cần kiểm tra, mục đích kiểm tra;

d) Kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và được gửi đến Công ty chậm nhất là **năm (05) ngày làm việc** trước ngày khai mạc. Kiến nghị phải ghi rõ tên cổ đông, số lượng từng loại cổ phần của cổ đông, vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp;

e) Các quyền khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

3. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử người vào Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát. Việc đề cử người vào Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát thực hiện như sau:

a) Các cổ đông phổ thông họp thành nhóm để đề cử người vào Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát phải thông báo về việc họp nhóm cho các cổ đông dự họp biết trước khi khai mạc Đại hội đồng cổ đông;

b) Căn cứ số lượng thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản này được quyền đề cử một hoặc một số người theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông làm ứng cử viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát theo quy định tại Điều 25 và Điều 37 Điều lệ này. Trường hợp số ứng cử viên được cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử thấp hơn số ứng cử viên mà họ được quyền đề cử theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông thì số ứng cử viên còn lại do Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát đề cử theo quy định tại Điều 25 và Điều 37 Điều lệ này.

### **Điều 13. Nghĩa vụ của cổ đông**

Cổ đông phổ thông có các nghĩa vụ sau:

1. Thanh toán đủ và đúng thời hạn số cổ phần cam kết mua.

2. Không được rút vốn đã góp bằng cổ phần phổ thông ra khỏi Công ty dưới mọi hình thức, trừ trường hợp được Công ty hoặc người khác mua lại cổ phần. Trường hợp có cổ đông rút một phần hoặc toàn bộ vốn cổ phần đã góp trái với quy định tại khoản này thì cổ đông đó và người có lợi ích liên quan trong Công ty phải cùng liên đới chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi giá trị cổ phần đã bị rút và các thiệt hại xảy ra.



3. Tuân thủ Điều lệ Công ty và Quy chế quản lý nội bộ của Công ty..
4. Chấp hành Nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị.
5. Bảo mật các thông tin được Công ty cung cấp theo quy định tại Điều lệ Công ty và pháp luật; chỉ sử dụng thông tin được cung cấp để thực hiện và bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình; nghiêm cấm phát tán hoặc sao, gửi thông tin được Công ty cung cấp cho tổ chức, cá nhân khác.
6. Tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết/bầu cử thông qua các hình thức sau:
  - a) Tham dự và biểu quyết/bầu cử trực tiếp tại cuộc họp;
  - b) Ủy quyền cho cá nhân, tổ chức khác tham dự và biểu quyết/bầu cử tại cuộc họp;
  - c) Tham dự và biểu quyết/bầu cử thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;
  - d) Gửi phiếu biểu quyết/bầu cử đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử.
7. Chịu trách nhiệm cá nhân khi nhân danh Công ty dưới mọi hình thức để thực hiện một trong các hành vi sau đây:
  - a) Vi phạm pháp luật;
  - b) Tiến hành kinh doanh và các giao dịch khác để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;
  - c) Thanh toán các khoản nợ chưa đến hạn trước các rủi ro tài chính đối với Công ty.
8. Trường hợp Cổ đông có bất kỳ thay đổi nào liên quan đến địa chỉ liên lạc hoặc thông tin đăng ký sở hữu thì phải thông báo kịp thời cho Đơn vị chuyên trách về quan hệ cổ đông của Công ty hoặc Công ty chứng khoán nơi Cổ đông lưu ký để được cập nhật, bổ sung. Công ty không chịu trách nhiệm đối với trường hợp Công ty không thể liên lạc hoặc không thể gửi thư, tài liệu cho Cổ đông do địa chỉ liên lạc của Cổ đông không có, không chính xác hoặc không đầy đủ.
9. Hoàn thành các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật hiện hành.

#### **Điều 14. Đại hội đồng cổ đông**

1. Đại hội đồng cổ đông gồm tất cả cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định cao nhất của Công ty. Đại hội đồng cổ đông họp thường niên mỗi năm một lần và trong thời hạn bốn (04) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Hội đồng quản trị quyết định gia hạn họp Đại hội đồng cổ đông thường niên trong trường hợp cần thiết, nhưng không quá sáu (06)



tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Ngoài cuộc họp thường niên, Đại hội đồng cổ đông có thể họp bất thường. Địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông được xác định là nơi chủ tọa tham dự họp và phải ở trên lãnh thổ Việt Nam.

2. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và lựa chọn địa điểm phù hợp. Đại hội đồng cổ đông thường niên quyết định những vấn đề theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty, **đặc** biệt thông qua báo cáo tài chính năm được kiểm toán. Trường hợp Báo cáo kiểm toán báo cáo tài chính năm của Công ty có các khoản ngoại trừ trọng yếu, ý kiến kiểm toán trái ngược hoặc từ chối, Công ty phải mời đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận nêu trên có trách nhiệm tham dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên của Công ty.

3. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau:

- a) Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty;
- b) Số lượng thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định của pháp luật;
- c) Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 12 của Điều lệ này; yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải được thể hiện bằng văn bản, trong đó nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có đủ chữ ký của các cổ đông liên quan hoặc văn bản yêu cầu được lập thành nhiều bản và tập hợp đủ chữ ký của các cổ đông có liên quan;
- d) Theo yêu cầu của Ban kiểm soát;
- e) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

4. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường

a) Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày số thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát còn lại như quy định tại điểm b khoản 3 Điều này hoặc nhận được yêu cầu tại điểm c và điểm d khoản 3 Điều này;

b) Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều này thì trong thời hạn 30 ngày tiếp theo, Ban kiểm soát thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 3 Điều 140 Luật Doanh nghiệp;

c) Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm b khoản 4 Điều này thì cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại điểm c khoản 3 Điều



này có quyền đại diện Công ty triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Luật Doanh nghiệp;

Trong trường hợp này, cổ đông hoặc nhóm cổ đông triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có thể đề nghị Cơ quan đăng ký kinh doanh giám sát trình tự, thủ tục triệu tập, tiến hành họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Tất cả chi phí cho việc triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông được Công ty hoàn lại. Chi phí này không bao gồm những chi phí do cổ đông chi tiêu khi tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, kể cả chi phí ăn ở và đi lại.

d) Thủ tục để tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 5 Điều 140 Luật Doanh nghiệp.

### **Điều 15. Quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông**

1. Đại hội đồng cổ đông có quyền và nghĩa vụ sau:

- a) Thông qua định hướng phát triển của Công ty;
- b) Quyết định loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại được quyền chào bán; quyết định mức cổ tức hằng năm của từng loại cổ phần;
- c) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát;
- d) Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;
- e) Quyết định sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty;
- f) Thông qua báo cáo tài chính hằng năm;
- g) Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;
- h) Xem xét, xử lý vi phạm của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát gây thiệt hại cho Công ty và cổ đông Công ty;
- i) Quyết định tổ chức lại (chia, tách, hợp nhất, sáp nhập hoặc chuyển đổi Công ty), giải thể Công ty và chỉ định thành viên Ban thanh lý;
- j) Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;
- k) Phê duyệt, bổ sung, điều chỉnh Quy chế nội bộ về quản trị Công ty; Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị, Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát;
- l) Phê duyệt danh sách Công ty kiểm toán được chấp thuận; quyết định Công ty kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra hoạt động của Công ty, bãi miễn kiểm toán viên được chấp thuận khi xét thấy cần thiết;
- m) Quyết định số lượng thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;



n) Chấp thuận các hợp đồng, giao dịch giữa Công ty với người có liên quan được quy định tại khoản 1 Điều 167 Luật Doanh nghiệp với giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất;

o) Chấp thuận các giao dịch quy định tại khoản 4 Điều 293 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

p) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định pháp luật.

2. Đại hội đồng cổ đông thường niên thảo luận và thông qua các vấn đề sau:

a) Kế hoạch kinh doanh hằng năm của công ty;

b) Báo cáo tài chính hằng năm đã được kiểm toán;

c) Báo cáo của Hội đồng quản trị về quản trị và kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị và từng thành viên Hội đồng quản trị;

d) Báo cáo của Ban kiểm soát về kết quả kinh doanh của công ty, kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Giám đốc hoặc Tổng giám đốc;

đ) Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban kiểm soát và Kiểm soát viên;

e) Mức cổ tức đối với mỗi cổ phần của từng loại;

g) Vấn đề khác thuộc thẩm quyền.

3. Tất cả các nghị quyết và các vấn đề đã được đưa vào chương trình họp phải được đưa ra thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

4. Các nội dung đã được thông qua tại các Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông trước đó chưa được thực hiện, Hội đồng quản trị phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại kỳ họp thường niên gần nhất. Trường hợp có thay đổi nội dung thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị phải trình Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp gần nhất thông qua trước khi thực hiện.

## **Điều 16. Ủy quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông**

1. Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức có thể trực tiếp tham dự họp hoặc ủy quyền cho một hoặc một số cá nhân, tổ chức khác dự họp hoặc dự họp thông qua một trong các hình thức quy định tại khoản 3 Điều 144 Luật Doanh nghiệp.

2. Việc ủy quyền cho cá nhân, tổ chức đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 1 Điều này phải lập thành văn bản. Văn bản ủy quyền được lập theo quy định của pháp luật về dân sự và phải nêu rõ tên cổ đông ủy quyền, tên cá nhân, tổ chức được ủy



### **Điều lệ Công ty cổ phần Thuộc sát trùng Cần Thơ**

quyền, số lượng cổ phần được ủy quyền, nội dung ủy quyền, phạm vi ủy quyền, thời hạn ủy quyền, chữ ký, ghi rõ họ tên (viết tay), đóng dấu (nếu là tổ chức) của bên ủy quyền và bên được ủy quyền. **Người được ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải nộp văn bản ủy quyền khi đăng ký dự họp.**

**Người được ủy quyền có thể ủy quyền lại cho người khác trong trường hợp có sự đồng ý bằng văn bản của cổ đông ủy quyền ban đầu. Văn bản này sẽ được người nhận ủy quyền lại xuất trình khi tham dự họp cùng với văn bản ủy quyền ban đầu của cổ đông. Người nhận ủy quyền lại không được ủy quyền cho người khác.**

3. Phiếu biểu quyết/Phiếu bầu cử của người được ủy quyền dự họp trong phạm vi được ủy quyền vẫn có hiệu lực khi xảy ra một trong các trường hợp sau đây:

- a) Người ủy quyền đã chết, bị hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự;
- b) Người ủy quyền đã hủy bỏ việc chỉ định ủy quyền;
- c) Người ủy quyền đã hủy bỏ thẩm quyền của người thực hiện việc ủy quyền.

**Điều 17. Điều khoản này không áp dụng trong trường hợp Công ty nhận được thông báo về một trong các sự kiện trên trước giờ khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc trước khi cuộc họp được triệu tập lại. Thay đổi các quyền**

1. Việc thay đổi hoặc hủy bỏ các quyền đặc biệt gắn liền với một loại cổ phần ưu đãi có hiệu lực khi được cổ đông đại diện từ 65% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông dự họp thông qua. Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông về nội dung làm thay đổi bất lợi quyền và nghĩa vụ của cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi chỉ được thông qua nếu được số cổ đông ưu đãi cùng loại dự họp sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành hoặc được các cổ đông ưu đãi cùng loại sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành trong trường hợp thông qua nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.

2. Việc tổ chức cuộc họp của các cổ đông nắm giữ một loại cổ phần ưu đãi để thông qua việc thay đổi quyền nêu trên chỉ có giá trị khi có tối thiểu 02 cổ đông (hoặc đại diện theo ủy quyền của họ) và nắm giữ tối thiểu 1/3 giá trị mệnh giá của các cổ phần loại đó đã phát hành. Trường hợp không có đủ số đại biểu như nêu trên thì cuộc họp được tổ chức lại trong thời hạn 30 ngày tiếp theo và những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó (không phụ thuộc vào số lượng người và số cổ phần) có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện theo ủy quyền đều được coi là đủ số lượng đại biểu yêu cầu. Tại các cuộc họp của cổ đông nắm giữ cổ phần ưu đãi nêu trên, những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó có mặt trực tiếp hoặc qua người đại



diện có thể yêu cầu bỏ phiếu kín. Mỗi cổ phần cùng loại có quyền biểu quyết ngang bằng nhau tại các cuộc họp nêu trên.

3. Thủ tục tiến hành các cuộc họp riêng biệt như vậy được thực hiện tương tự với các quy định tại Điều 19, 20 và 21 Điều lệ này.

4. Trừ khi các điều khoản phát hành cổ phần quy định khác, các quyền đặc biệt gắn liền với các loại cổ phần có quyền ưu đãi đối với một số hoặc tất cả các vấn đề liên quan đến việc phân phối lợi nhuận hoặc tài sản của Công ty không bị thay đổi khi Công ty phát hành thêm các cổ phần cùng loại.

### **Điều 18. Triệu tập họp, chương trình họp và thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông**

1. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường theo các trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 14 Điều lệ này.

2. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện các công việc sau đây:

a) Chuẩn bị danh sách cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết/bầu cử tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập không quá mười (10) ngày trước ngày gửi thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông. Công ty phải công bố thông tin về việc lập danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông tối thiểu hai mươi (20) ngày trước ngày đăng ký cuối cùng;

b) Chuẩn bị chương trình, nội dung đại hội;

c) Cung cấp thông tin và giải quyết khiếu nại liên quan đến danh sách cổ đông;

d) Chuẩn bị tài liệu cho đại hội;

e) Dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông theo nội dung dự kiến của cuộc họp;

f) Xác định thời gian và địa điểm tổ chức đại hội;

g) Thông báo và gửi thông báo họp Đại hội đồng cổ đông cho tất cả các cổ đông có quyền dự họp;

h) Các công việc khác phục vụ đại hội.

3. Thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông được gửi cho tất cả các cổ đông bằng phương thức để bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của cổ đông, đồng thời công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty và Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán nơi cổ phiếu của Công ty đăng ký niêm yết. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải gửi thông báo mời họp đến tất cả các cổ đông trong Danh sách cổ đông có quyền dự họp chậm



### Điều lệ Công ty cổ phần Thuộc sát trùng Cần Thơ

---

nhất hai mươi một (21) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ). Chương trình họp Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu liên quan đến các vấn đề sẽ được biểu quyết tại đại hội được gửi cho các cổ đông hoặc/và đăng trên trang thông tin điện tử của Công ty. Trong trường hợp tài liệu không được gửi kèm thông báo họp Đại hội đồng cổ đông, thông báo mời họp phải nêu rõ đường dẫn đến toàn bộ tài liệu họp để các cổ đông có thể tiếp cận, bao gồm:

- a) Chương trình họp, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp;
- b) Danh sách và thông tin chi tiết của các ứng viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát;
- c) Phiếu biểu quyết/bầu cử;
- d) Quy chế ủy quyền (nếu có);
- e) Dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp.

4. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông theo quy định tại khoản 2 Điều 12 Điều lệ này có quyền kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và phải được gửi đến Công ty chậm nhất **năm (05) ngày làm việc** trước ngày khai mạc cuộc họp. Kiến nghị phải ghi rõ tên cổ đông, số lượng từng loại cổ phần của cổ đông, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng và loại cổ phần cổ đông đó nắm giữ, và vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp.

5. Trường hợp người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông từ chối kiến nghị quy định tại khoản 4 Điều này thì chậm nhất là hai (02) ngày làm việc trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền từ chối kiến nghị quy định tại khoản 4 Điều này nếu thuộc một trong các trường hợp sau:

- a) Kiến nghị được gửi đến không đúng quy định tại khoản 4 Điều này;
- b) Vào thời điểm kiến nghị, cổ đông hoặc nhóm cổ đông không nắm giữ đủ từ **5%** cổ phần phổ thông trở lên theo quy định tại khoản 2 Điều 12 Điều lệ này;
- c) Vấn đề kiến nghị không thuộc phạm vi thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông;



d) Nội dung, thông tin tại kiến nghị không phản ánh chính xác thông tin cổ đông được cổ đông cập nhật gần nhất cho Công ty;

e) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

6. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải chấp nhận và đưa kiến nghị quy định tại khoản 4 Điều này vào dự kiến chương trình và nội dung cuộc họp, trừ trường hợp quy định tại khoản 5 Điều này; kiến nghị được chính thức bổ sung vào chương trình và nội dung cuộc họp nếu được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận.

7. Người triệu họp Đại hội đồng cổ đông cử một hoặc số người kiểm tra tư cách cổ đông, người hỗ trợ cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

### **Điều 19. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông**

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện trên 50% tổng số phiếu biểu quyết.

2. Trường hợp cuộc họp lần thứ nhất không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 1 Điều này thì thông báo mời họp lần thứ hai được gửi trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ hai được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện từ 33% tổng số phiếu biểu quyết trở lên.

3. Trường hợp cuộc họp lần thứ hai không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 2 Điều này thì thông báo mời họp lần thứ ba phải được gửi trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ hai. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ ba được tiến hành không phụ thuộc vào tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp.

4. Theo đề nghị Chủ tọa cuộc họp, Đại hội đồng cổ đông có quyền quyết định thay đổi chương trình họp đã được gửi kèm theo thông báo mời họp theo quy định tại Điều 142 của Luật Doanh nghiệp.

### **Điều 20. Thẻ thức tiến hành họp và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông**

1. Trước khi khai mạc cuộc họp, Công ty phải tiến hành thủ tục đăng ký cổ đông và phải thực hiện việc đăng ký cho đến khi các cổ đông có quyền dự họp có mặt đăng ký hết theo trình tự sau:

a) Khi tiến hành đăng ký cổ đông, Công ty cấp cho từng cổ đông hoặc đại diện theo ủy quyền có quyền biểu quyết một thẻ biểu quyết/phiếu biểu quyết/phiếu bầu cử, trên đó ghi số đăng ký, họ và tên của cổ đông, họ và tên đại diện theo ủy quyền và số phiếu biểu quyết/phiếu bầu cử của cổ đông đó. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong



nội dung chương trình. Việc biểu quyết được tiến hành bằng biểu quyết tán thành, không tán thành và không có ý kiến. Kết quả kiểm phiếu được Chủ tọa/ Ban kiểm phiếu công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp. Đại hội bầu những người chịu trách nhiệm kiểm phiếu hoặc giám sát kiểm phiếu theo đề nghị của Chủ tọa. Số thành viên của ban kiểm phiếu do Đại hội đồng cổ đông quyết định căn cứ đề nghị của Chủ tọa cuộc họp;

b) Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức hoặc người được ủy quyền đến sau khi cuộc họp đã khai mạc có quyền đăng ký ngay và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết/bầu cử tại đại hội ngay sau khi đăng ký. Chủ tọa không có trách nhiệm dừng đại hội để cho cổ đông đến muộn đăng ký và hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết/bầu cử trước đó không thay đổi.

2. Việc bầu chủ tọa, thư ký và Ban kiểm phiếu được quy định như sau:

a) Chủ tịch Hội đồng quản trị làm chủ tọa hoặc ủy quyền cho thành viên Hội đồng quản trị khác làm chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông do Hội đồng quản trị triệu tập. Trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên Hội đồng quản trị còn lại bầu một người trong số họ làm chủ tọa cuộc họp theo nguyên tắc đa số. Trường hợp không bầu được người làm chủ tọa, Trường Ban kiểm soát điều hành để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp trong số những người dự họp và người có phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp;

b) Trừ trường hợp quy định tại điểm a khoản này, người ký tên triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông điều hành để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp và người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp;

c) Chủ tọa cử một hoặc một số người làm thư ký cuộc họp;

d) Đại hội đồng cổ đông bầu một hoặc một số người vào ban kiểm phiếu theo đề nghị của chủ tọa cuộc họp.

3. Chương trình và nội dung cuộc họp phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trong phiên khai mạc. Chương trình phải xác định rõ và chi tiết thời gian đối với từng vấn đề trong nội dung chương trình họp.

4. Chủ tọa đại hội có quyền thực hiện các biện pháp cần thiết và hợp lý để điều hành cuộc họp Đại hội đồng cổ đông một cách có trật tự, đúng theo chương trình đã được thông qua và phản ánh được mong muốn của đa số người dự họp.

a) Bố trí chỗ ngồi tại địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;

b) Bảo đảm an toàn cho mọi người có mặt tại các địa điểm họp;



c) Tạo điều kiện cho cổ đông tham dự (hoặc tiếp tục tham dự) đại hội. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có toàn quyền thay đổi những biện pháp nêu trên và áp dụng tất cả các biện pháp cần thiết. Các biện pháp áp dụng có thể là cấp giấy vào cửa hoặc sử dụng những hình thức lựa chọn khác.

5. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình. Việc biểu quyết được tiến hành bằng biểu quyết tán thành, không tán thành và không có ý kiến. Kết quả kiểm phiếu được chủ tọa công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp.

6. Cổ đông hoặc người được ủy quyền dự họp đến sau khi cuộc họp đã khai mạc vẫn được đăng ký và có quyền tham gia biểu quyết ngay sau khi đăng ký; trong trường hợp này, hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi.

7. Người triệu tập họp hoặc chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông có quyền sau đây:

a) Yêu cầu tất cả người dự họp chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh hợp pháp, hợp lý khác;

b) Yêu cầu cơ quan có thẩm quyền duy trì trật tự cuộc họp; trục xuất những người không tuân thủ quyền điều hành của chủ tọa, cố ý gây rối trật tự, ngăn cản tiến triển bình thường của cuộc họp hoặc không tuân thủ các yêu cầu về kiểm tra an ninh ra khỏi cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

8. Chủ tọa có quyền hoãn cuộc họp Đại hội đồng cổ đông đã có đủ số người đăng ký dự họp tối đa không quá ba (03) ngày làm việc kể từ ngày cuộc họp dự định khai mạc và chỉ được hoãn cuộc họp hoặc thay đổi địa điểm họp trong trường hợp sau đây:

a) Địa điểm họp không có đủ chỗ ngồi thuận tiện cho tất cả người dự họp;

b) Phương tiện thông tin tại địa điểm họp không bảo đảm cho cổ đông dự họp tham gia, thảo luận và biểu quyết;

c) Có người dự họp cản trở, gây rối trật tự, có nguy cơ làm cho cuộc họp không được tiến hành một cách công bằng và hợp pháp.


9. Trường hợp chủ tọa hoãn hoặc tạm dừng họp Đại hội đồng cổ đông trái với quy định tại khoản 8 Điều này, Đại hội đồng cổ đông bầu một người khác trong số những người dự họp để thay thế chủ tọa điều hành cuộc họp cho đến lúc kết thúc; tất cả nghị quyết được thông qua tại cuộc họp đó đều có hiệu lực thi hành.

10. Trường hợp Công ty áp dụng công nghệ hiện đại để tổ chức Đại hội đồng cổ đông thông qua họp trực tuyến, Công ty có trách nhiệm đảm bảo để cổ đông tham dự, biểu quyết




bằng hình thức bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác theo quy định tại Điều 144 Luật Doanh nghiệp và khoản 3 Điều 273 Nghị định số 155/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.

**Điều 21. Điều kiện để Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua**

1. Nghị quyết về nội dung sau đây được thông qua nếu được số cổ đông đại diện từ 65% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông  tham dự và biểu quyết tại cuộc họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại các khoản 3, 4 và 6 Điều 148 Luật Doanh nghiệp:

- a) Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;
- b) Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh;
- c) Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý Công ty;
- d) Dự án đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty.
- e) Tổ chức lại, giải thể Công ty;



2. Các nghị quyết được thông qua khi được số cổ đông đại diện trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông  tham dự và biểu quyết tại cuộc họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại các khoản 1 Điều này và khoản 3, 4 và 6 Điều 148 Luật Doanh nghiệp.




3. Việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên Hội đồng quản trị hoặc Kiểm soát viên được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau theo phương thức bầu dồn phiếu.

4. Các Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thông qua bằng 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự, thủ tục triệu tập họp và thông qua nghị quyết đó vi phạm quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.



7. Cổ đông được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trong trường hợp sau đây:

- a) Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
- b) Ủy quyền cho cá nhân, tổ chức khác tham dự và biểu quyết tại cuộc họp;
- c) Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;
- d) Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua gửi thư, fax, thư điện tử;
- đ) Gửi phiếu biểu quyết bằng phương tiện khác theo quy định trong Điều lệ công ty. 

## **Điều 22. Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông**

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được ghi biên bản và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt, có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài và có các nội dung chủ yếu sau đây:

- a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
- b) Thời gian và địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;
- c) Chương trình họp và nội dung cuộc họp;
- d) Họ, tên chủ tọa và thư ký;
- e) Tóm tắt diễn biến cuộc họp và các ý kiến phát biểu tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông về từng vấn đề trong chương trình họp;
- f) Số cổ đông và tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp, phụ lục danh sách đăng ký cổ đông, đại diện cổ đông dự họp với số cổ phần và số phiếu bầu tương ứng;
- g) Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết, trong đó ghi rõ phương thức biểu quyết, tổng số phiếu hợp lệ, không hợp lệ, tán thành, không tán thành và không có ý kiến; tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp;
- h) Tổng hợp số phiếu bầu cử từng ứng viên (nếu có);
- i) Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ phiếu biểu quyết thông qua tương ứng;
- j) Họ, tên và chữ ký của chủ tọa và thư ký. Trường hợp chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp thì biên bản này có hiệu lực nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại khoản này. Biên bản họp ghi rõ việc chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp.

2. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được lập xong và thông qua trước khi kết thúc cuộc họp. Chủ tọa và thư ký cuộc họp hoặc người khác ký tên trong biên bản họp phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản.



3. Biên bản được lập bằng tiếng Việt và tiếng nước ngoài đều có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung giữa biên bản bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản bằng tiếng Việt được áp dụng.

4. Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp, văn bản ủy quyền tham dự họp, tất cả các tài liệu đính kèm Biên bản (nếu có) và tài liệu có liên quan kèm theo thông báo mời họp phải lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và tài liệu kèm theo phải được công bố thông tin theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

**Điều 23. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông**

Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thực hiện theo quy định sau đây:

1. Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông về các vấn đề sau:

- a) Sửa đổi, bổ sung các nội dung của Điều lệ Công ty;
- b) Phê duyệt, bổ sung, điều chỉnh Quy chế nội bộ về quản trị Công ty, Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Quy chế hoạt động Ban kiểm soát;
- c) Định hướng phát triển Công ty;
- d) Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;
- e) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát;
- f) Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;
- g) Thông qua báo cáo tài chính hằng năm
- h) Tổ chức lại, giải thể Công ty.
- i) Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh;
- j) Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý Công ty;
- k) Các vấn đề khác khi Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty.

2. Hội đồng quản trị phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết và gửi đến tất cả cổ đông có quyền biểu quyết chậm nhất mười (10) ngày trước thời hạn phải gửi lại phiếu lấy ý kiến. Yêu cầu và cách thức gửi phiếu lấy ý kiến và tài liệu kèm theo được thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 18 Điều lệ này.



3. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

- a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
- b) Mục đích lấy ý kiến;
- c) Họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức hoặc họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với đại diện của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết/bầu cử của cổ đông;
- d) Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định;
- e) Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề lấy ý kiến;
- f) Phương án bầu cử (nếu có);
- g) Thời hạn phải gửi về Công ty phiếu lấy ý kiến đã được trả lời;
- h) Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị.

4. Cổ đông có thể gửi phiếu lấy ý kiến đã trả lời đến Công ty bằng hình thức gửi thư, fax hoặc thư điện tử theo thông tin đã đăng ký tại Tổng Công ty lưu ký và bù trừ Chứng khoán Việt Nam theo quy định sau đây:

- a) Trường hợp gửi thư, phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, của người đại diện theo ủy quyền hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức. Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu;
- b) Trường hợp gửi fax hoặc thư điện tử, phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được giữ bí mật đến thời điểm kiểm phiếu;
- c) Các phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở trong trường hợp gửi thư và bị tiết lộ trong trường hợp gửi fax, thư điện tử là không hợp lệ. Phiếu lấy ý kiến không được gửi về được coi là phiếu không tham gia biểu quyết.

5. Hội đồng quản trị kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của Ban kiểm soát hoặc của cổ đông không nắm giữ chức vụ quản lý Công ty. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

- a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
- b) Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua nghị quyết;



c) Số cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết/bầu cử đã tham gia biểu quyết/bầu cử, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết/bầu cử hợp lệ và số biểu quyết/bầu cử không hợp lệ và phương thức gửi phiếu biểu quyết/bầu cử, kèm theo phụ lục danh sách cổ đông tham gia biểu quyết/bầu cử;

d) Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề, tổng số phiếu bầu cử từng ứng viên (nếu có);

e) Vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;

f) Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu.

Các thành viên Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác.

6. Biên bản kiểm phiếu và nghị quyết phải được gửi đến các cổ đông trong thời hạn mười lăm (15) ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu. Việc gửi biên bản kiểm phiếu và nghị quyết có thể thay thế bằng việc đăng tải trên trang thông tin điện tử của Công ty trong thời hạn 24 giờ, kể từ thời điểm kết thúc kiểm phiếu.

7. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến đều phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

8. Nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản nếu được số cổ đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông có quyền biểu quyết tán thành và có giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

#### **Điều 24. Yêu cầu hủy bỏ Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông**

Trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày nhận được nghị quyết hoặc biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 12 Điều lệ này có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ nghị quyết hoặc một phần nội dung nghị quyết Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:

1. Trình tự, thủ tục triệu tập họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông vi phạm nghiêm trọng quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 21 Điều lệ này.



2. Nội dung nghị quyết vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ này.

Trường hợp có cổ đông, nhóm cổ đông yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài hủy bỏ nghị quyết Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều 151 của Luật Doanh nghiệp, nghị quyết đó vẫn có hiệu lực thi hành cho đến khi quyết định hủy bỏ nghị quyết đó của Tòa án, Trọng tài có hiệu lực, trừ trường hợp áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền.

## **VII. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

### **Điều 25. Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị**

1. Trường hợp đã xác định được ứng cử viên Hội đồng quản trị, Công ty phải công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên tối thiểu mười (10) ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu. Ứng cử viên Hội đồng quản trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của Công ty nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị. Thông tin liên quan đến ứng cử viên Hội đồng quản trị được công bố bao gồm:

- a) Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;
- b) Trình độ chuyên môn;
- c) Quá trình công tác;
- d) Các chức danh quản lý khác (bao gồm cả chức danh Hội đồng quản trị của Công ty khác);
- e) Lợi ích có liên quan tới Công ty và các bên có liên quan của Công ty;
- f) Các thông tin khác theo quy định của pháp luật (nếu có).

Công ty phải có trách nhiệm công bố thông tin về các công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị, các chức danh quản lý khác và các lợi ích có liên quan tới công ty của ứng cử viên Hội đồng quản trị (nếu có).

2. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử ứng cử viên Hội đồng quản trị theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty. Các cổ đông nắm giữ cổ phần phổ thông có quyền gộp số quyền biểu quyết để đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% đến 20% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ trên 20% đến 30% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ trên 30% đến 40% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên; từ trên



40% đến 50% được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên; từ trên 50% trở lên được đề cử tối đa (05) ứng viên trở lên. Việc đề cử, ứng cử thành viên Hội đồng quản trị được quy định chi tiết tại Quy chế nội bộ về Quản trị công ty.

3. Trường hợp số lượng ứng cử viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử không đủ số lượng cần thiết theo quy định tại khoản 5 Điều 115 Luật Doanh nghiệp, Hội đồng quản trị đương nhiệm phải đề cử thêm ứng cử viên đảm bảo đủ số lượng cần thiết theo quy định. Việc Hội đồng quản trị đương nhiệm đề cử thêm ứng cử viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật.

**5.** Thành viên Hội đồng quản trị phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

- a) Không thuộc đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 17 Luật Doanh nghiệp;
- b) Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản lý kinh doanh hoặc trong lĩnh vực, ngành, nghề kinh doanh của Công ty và không nhất thiết phải là cổ đông của Công ty;
- c) Thành viên Hội đồng quản trị có thể đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị của công ty khác và chỉ được đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị tại tối đa năm (05) công ty khác;
- d) Không phải là người có quan hệ gia đình của Tổng giám đốc và người quản lý khác của Công ty; của người quản lý, người có thẩm quyền bổ nhiệm người quản lý của công ty mẹ.

6. Thành viên độc lập Hội đồng quản trị phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

- a) Không phải là người đang làm việc cho Công ty, công ty mẹ hoặc công ty con của Công ty; không phải là người đã từng làm việc cho Công ty, công ty mẹ hoặc công ty con của Công ty ít nhất 03 năm liền kề trước đó;
- b) Không phải là người đang hưởng lương, thù lao từ Công ty, trừ các khoản phụ cấp mà thành viên Hội đồng quản trị được hưởng theo quy định;
- c) Không phải là người có vợ hoặc chồng, bố đẻ, bố nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột là cổ đông lớn của Công ty; là người quản lý của Công ty hoặc công ty con của Công ty;
- d) Không phải là người trực tiếp hoặc gián tiếp sở hữu ít nhất 01% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty;



e) Không phải là người đã từng làm thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát của Công ty ít nhất trong 05 năm liền trước đó, trừ trường hợp được bổ nhiệm liên tục 02 nhiệm kỳ.

7. Thành viên độc lập Hội đồng quản trị phải thông báo với Hội đồng quản trị về việc không còn đáp ứng đủ điều kiện theo quy định tại khoản 2 Điều này và đương nhiên không còn là thành viên độc lập Hội đồng quản trị kể từ ngày không đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều kiện. Hội đồng quản trị phải thông báo trường hợp thành viên độc lập Hội đồng quản trị không còn đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều kiện tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông gần nhất hoặc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông để bầu bổ sung hoặc thay thế thành viên độc lập Hội đồng quản trị đó trong thời hạn 06 tháng kể từ ngày nhận được thông báo của thành viên độc lập Hội đồng quản trị có liên quan.

## **Điều 26. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị**

1. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị từ ba (03) đến năm (05) người. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá năm (05) năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. **Một cá nhân chỉ được bầu làm thành viên độc lập Hội đồng quản trị của Công ty không quá 02 nhiệm kỳ liên tục.** Trường hợp tất cả thành viên Hội đồng quản trị cùng kết thúc nhiệm kỳ thì các thành viên đó tiếp tục là thành viên Hội đồng quản trị cho đến khi có thành viên mới được bầu thay thế và tiếp quản công việc.

2. Cơ cấu thành viên Hội đồng quản trị như sau:

Cơ cấu Hội đồng quản trị của công ty phải đảm bảo tối thiểu 1/3 tổng số thành viên Hội đồng quản trị là thành viên không điều hành. Công ty hạn chế tối đa thành viên Hội đồng quản trị kiêm nhiệm chức danh điều hành của Công ty để đảm bảo tính độc lập của Hội đồng quản trị. **Trường hợp Công ty là công ty niêm yết thì số thành viên độc lập Hội đồng quản trị phải đảm bảo có tối thiểu 01 thành viên độc lập.**

3. Thành viên Hội đồng quản trị bị miễn nhiệm trong các trường hợp sau đây:

a) Không có đủ tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 151 của Luật Doanh nghiệp. **Trong trường hợp này,** thành viên Hội đồng quản trị phải thông báo với Hội đồng quản trị về việc không còn đáp ứng đủ điều kiện theo quy định tại khoản điểm a khoản 3 Điều này và đương nhiên không còn là thành viên Hội đồng quản trị kể từ ngày không đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều kiện.

b) Không tham gia các hoạt động của Hội đồng quản trị trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;



c) Có đơn từ chức;

d) Trường hợp khác quy định tại Điều lệ công ty.

4. Thành viên Hội đồng quản trị có thể bị bãi nhiệm theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

5. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông để bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

a) Số thành viên Hội đồng quản trị bị giảm quá một phần ba so với số quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp này, Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 60 ngày, kể từ ngày số thành viên bị giảm quá một phần ba;

b) Số lượng thành viên độc lập Hội đồng quản trị giảm xuống, không bảo đảm tỷ lệ theo quy định.

Trường hợp khác, tại cuộc họp gần nhất, Đại hội đồng cổ đông bầu thành viên mới thay thế thành viên Hội đồng quản trị đã bị miễn nhiệm, bãi nhiệm.

5. Việc bổ nhiệm thành viên Hội đồng quản trị phải được công bố thông tin theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

6. Thành viên Hội đồng quản trị có thể không phải là cổ đông của Công ty.

## **Điều 27. Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị**

1. Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định, thực hiện quyền và nghĩa vụ của Công ty, trừ các quyền và nghĩa vụ thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

2. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do luật pháp, Điều lệ Công ty và Đại hội đồng cổ đông quy định. Cụ thể, Hội đồng quản trị có những quyền hạn và nghĩa vụ sau:

a) Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hằng năm của Công ty;

b) Kiến nghị loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại;

c) Quyết định bán cổ phần chưa bán trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác;

d) Quyết định giá bán cổ phần và trái phiếu của Công ty;

e) Quyết định mua lại cổ phần theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 133 Luật Doanh nghiệp;



f) Quyết định đầu tư và bán số tài sản có giá trị nhỏ hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;

g) Quyết định chiến lược phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ;

h) Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng, giao dịch khác có giá trị từ 5% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính năm gần nhất của Công ty và các hợp đồng, giao dịch theo quy định tại Khoản 2 Điều 167 Luật Doanh nghiệp, trừ các hợp đồng, giao dịch thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 138, khoản 1 và khoản 3 Điều 167 Luật Doanh nghiệp;

i) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị; bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký kết hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng Giám đốc, các Phó Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng; quyết định tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của những người quản lý đó theo đề nghị của Chủ tịch Hội đồng quản trị; cử người đại diện theo ủy quyền tham gia Hội đồng thành viên hoặc Đại hội đồng cổ đông ở Công ty khác, quyết định mức thù lao và quyền lợi khác của những người đó; Phê chuẩn việc bổ nhiệm, ký hợp đồng lao động, chấm dứt hợp đồng lao động đối với các Giám đốc, Phó Giám đốc, Trưởng phòng.

j) Giám sát, chỉ đạo Tổng Giám đốc và người quản lý khác trong điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty;

k) Quyết định cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty, quyết định thành lập Công ty con, chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác;

l) Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến để Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết;

m) Trình báo cáo tài chính hằng năm đã được kiểm toán lên Đại hội đồng cổ đông;

n) Kiến nghị mức cổ tức được trả; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh;

o) Kiến nghị việc tổ chức lại, giải thể Công ty; yêu cầu phá sản Công ty;

p) Quyết định ban hành Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Quy chế nội bộ về quản trị Công ty sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua; Quy chế về công bố thông tin của Công ty;

q) Yêu cầu Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, người quản lý khác, người điều hành khác trong Công ty cung cấp thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của Công ty và của đơn vị trong Công ty. Người quản lý được yêu cầu phải cung cấp kịp thời, đầy đủ và chính xác thông tin, tài liệu theo yêu cầu của thành viên Hội đồng quản trị. Trình tự, thủ tục yêu cầu và cung cấp thông tin được quy định cụ thể tại Quy chế nội bộ về Quản trị Công ty.



r) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, quy định khác của pháp luật và Điều lệ Công ty.

3. Hội đồng quản trị phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị theo quy định tại Điều 280 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.

**Điều 28. Thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị**

1. Công ty có quyền trả thù lao, thưởng cho thành viên Hội đồng quản trị theo kết quả và hiệu quả kinh doanh.

2. Thành viên Hội đồng quản trị được hưởng thù lao công việc và thưởng. Thù lao công việc được tính theo số ngày công cần thiết hoàn thành nhiệm vụ của thành viên Hội đồng quản trị và mức thù lao mỗi ngày. Hội đồng quản trị dự tính mức thù lao cho từng thành viên theo nguyên tắc nhất trí. Tổng mức thù lao và thưởng của Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định tại cuộc họp thường niên.

3. Thù lao của từng thành viên Hội đồng quản trị được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.

4. Thành viên Hội đồng quản trị nắm giữ chức vụ điều hành hoặc thành viên Hội đồng quản trị làm việc tại các tiểu ban của Hội đồng quản trị hoặc thực hiện những công việc khác ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên Hội đồng quản trị, có thể được trả thêm thù lao dưới dạng một khoản tiền công trọn gói theo từng lần, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của Hội đồng quản trị.

5. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn, ở và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên Hội đồng quản trị của mình, bao gồm cả các chi phí phát sinh trong việc tới tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị hoặc các tiểu ban của Hội đồng quản trị.

6. Thành viên Hội đồng quản trị có thể được Công ty mua bảo hiểm trách nhiệm sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông. Bảo hiểm này không bao gồm bảo hiểm cho những trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị liên quan đến việc vi phạm pháp luật và Điều lệ Công ty.

**Điều 29. Chủ tịch Hội đồng quản trị**



1. Chủ tịch Hội đồng quản trị do Hội đồng quản trị bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm trong số các thành viên Hội đồng quản trị.

2. Chủ tịch Hội đồng quản trị không được kiêm Tổng Giám đốc.

3. Chủ tịch Hội đồng quản trị có quyền và nghĩa vụ sau đây:

- a) Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị;
- b) Chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ cuộc họp; triệu tập, chủ trì và làm chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị;
- c) Tổ chức việc thông qua nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;
- d) Giám sát quá trình tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;
- e) Chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;
- f) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp.

4. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị có đơn từ chức hoặc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm, Hội đồng quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn mười (10) ngày kể từ ngày nhận đơn từ chức hoặc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm.

5. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt hoặc không thể thực hiện được nhiệm vụ của mình thì phải ủy quyền bằng văn bản cho một thành viên Hội đồng quản trị khác thực hiện quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị. Trường hợp không có người được ủy quyền hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị chết, mất tích, bị tạm giam, đang chấp hành hình phạt tù, đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc, trốn khỏi nơi cư trú, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự, có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi, bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định thì các thành viên còn lại bầu một người trong số các thành viên giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số thành viên còn lại tán thành cho đến khi có quyết định mới của Hội đồng quản trị.

### **Điều 30. Cuộc họp của Hội đồng quản trị**

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị được bầu trong cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất triệu tập và chủ trì. Trường hợp có nhiều hơn một thành viên có số phiếu bầu hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên bầu theo nguyên tắc đa số để chọn 01 người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị.



2. Hội đồng quản trị phải họp ít nhất mỗi quý 01 lần và có thể họp bất thường.
3. Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:
  - a) Có đề nghị của Ban kiểm soát;
  - b) Có đề nghị của Tổng Giám đốc hoặc ít nhất năm (05) người quản lý khác;
  - c) Có đề nghị của ít nhất 02 thành viên Hội đồng quản trị;
  - d) Các trường hợp khác khi xét thấy cần thiết.
4. Đề nghị quy định tại khoản 3 Điều này phải được lập thành văn bản, trong đó nêu rõ mục đích, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị.
5. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 (bảy) ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị quy định tại khoản 3 Điều này Trường hợp không triệu tập họp Hội đồng quản trị theo đề nghị thì Chủ tịch Hội đồng quản trị phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công ty; người đề nghị có quyền thay thế Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị, quy trình triệu tập tương tự như Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập theo đề nghị.
6. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập họp Hội đồng quản trị phải gửi thông báo mời họp chậm nhất là ba (03) ngày làm việc trước ngày họp. Thông báo mời họp phải xác định cụ thể thời gian và địa điểm họp, hình thức họp, chương trình, các vấn đề thảo luận và quyết định. Thông báo mời họp phải kèm theo tài liệu sử dụng tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên.

Thông báo mời họp Hội đồng quản trị có thể gửi bằng giấy mời, điện thoại, fax, phương tiện điện tử và bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên Hội đồng quản trị được đăng ký tại Công ty.

Cuộc họp Hội đồng quản trị được tiến hành tại trụ sở chính của Công ty hoặc tại địa điểm khác ở Việt Nam hoặc ở nước ngoài theo quyết định của Chủ tịch Hội đồng quản trị và được sự nhất trí của Hội đồng quản trị.
7. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập gửi thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo đến các thành viên Ban Kiểm soát như đối với các thành viên Hội đồng quản trị.

Thành viên Ban Kiểm soát có quyền dự các cuộc họp Hội đồng quản trị; có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.
8. Cuộc họp Hội đồng quản trị được tiến hành khi có từ 3/4 tổng số thành viên trở lên dự họp. Trường hợp cuộc họp được triệu tập theo quy định tại Điều này không đủ số thành




viên dự họp theo quy định thì được triệu tập lần 2 trong thời hạn 07 (bảy) ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất.. Trường hợp này, cuộc họp được tiến hành nếu có hơn một nửa (1/2) số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.

9. Hội đồng quản trị thông qua nghị quyết, quyết định bằng biểu quyết tại cuộc họp, lấy ý kiến bằng văn bản. Mỗi thành viên Hội đồng quản trị có một phiếu biểu quyết. Thành viên Hội đồng quản trị được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp trong trường hợp sau đây:


- a) Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
- b) Ủy quyền cho người khác đến dự họp và biểu quyết theo quy định tại khoản 11 Điều này;
- c) Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;
- d) Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử;
- e) Gửi phiếu biểu quyết bằng phương tiện khác theo quy định của pháp luật (nếu có).

10. Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì dán kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng quản trị chậm nhất là 01 giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả những người dự họp.

11. Thành viên phải tham dự đầy đủ các cuộc họp Hội đồng quản trị. Thành viên được ủy quyền  cho thành viên Hội đồng quản trị khác hoặc cho người khác dự họp và biểu quyết nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận.

12. Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị được thông qua nếu được đa số (quá ½) thành viên dự họp tán thành; trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng quản trị. Lưu ý, Thành viên Hội đồng quản trị không được biểu quyết đối với giao dịch mang lại lợi ích cho thành viên đó hoặc người có liên quan của thành viên đó theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều 43 Điều lệ công ty.

13. Cuộc họp của Hội đồng quản trị có thể tổ chức theo hình thức hội nghị trực tuyến giữa các thành viên Hội đồng quản trị khi tất cả hoặc một số thành viên đang ở những địa điểm khác nhau với điều kiện là mỗi thành viên tham gia họp đều có thể:

- a. Nghe từng thành viên Hội đồng quản trị khác cùng tham gia phát biểu trong cuộc họp;
- b. Phát biểu với tất cả các thành viên tham dự khác một cách đồng thời. Việc thảo luận giữa các  thành viên có thể thực hiện một cách trực tiếp qua điện thoại hoặc bằng phương tiện



liên lạc thông tin khác hoặc kết hợp các phương thức này. Thành viên Hội đồng quản trị tham gia cuộc họp như vậy được coi là “có mặt” tại cuộc họp đó. Địa điểm cuộc họp được tổ chức theo quy định này là địa điểm mà có đông nhất thành viên Hội đồng quản trị, hoặc là địa điểm có mặt Chủ tọa cuộc họp.

14. Các quyết định được thông qua trong cuộc họp trực tuyến có hiệu lực ngay khi kết thúc cuộc họp nhưng phải được khẳng định bằng các chữ ký trong biên bản của tất cả thành viên Hội đồng quản trị tham dự cuộc họp này.

15. Nghị quyết theo hình thức lấy ý kiến bằng văn bản được thông qua trên cơ sở ý kiến tán thành của đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết. Nghị quyết này có hiệu lực và giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp.

16. Biên bản họp Hội đồng quản trị được lập bằng tiếng Việt và có thể lập bằng tiếng nước ngoài. Biên bản lập bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung giữa biên bản bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản bằng tiếng Việt được áp dụng. Biên bản phải có chữ ký của Chủ tọa và người ghi biên bản trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

17. Thông qua nghị quyết, quyết định Hội đồng quản trị bằng hình thức hội nghị trực tuyến:

a. Cuộc họp Hội đồng quản trị thông qua nghị quyết, quyết định bằng hình thức hội nghị trực tuyến là cuộc họp Hội đồng quản trị thường kỳ hoặc họp bất thường được tổ chức dưới hình thức trực tuyến theo quyết định của Chủ tịch Hội đồng quản trị tùy từng thời điểm, có sử dụng phương tiện điện tử để kết nối, truyền tải hình ảnh, âm thanh thông qua môi trường mạng internet cho phép các thành viên Hội đồng quản trị ở nhiều địa điểm khác nhau có thể tham dự, theo dõi diễn biến của cuộc họp, thảo luận và biểu quyết các vấn đề của cuộc họp;

b. Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị được thông qua tại cuộc họp tổ chức dưới hình thức hội nghị trực tuyến có hiệu lực như đối với cuộc họp trực tiếp;

c. Trình tự, thủ tục tổ chức họp Hội đồng quản trị thông qua nghị quyết, quyết định bằng hình thức hội nghị trực tuyến được thực hiện theo các quy định tại Quy chế nội bộ về quản trị Công ty và Quy chế tổ chức và hoạt động của Hội đồng quản trị.

18. Thông qua nghị quyết, quyết định Hội đồng quản trị bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản:

a. Chủ tịch Hội đồng quản trị có quyền quyết định lấy ý kiến thành viên Hội đồng quản trị bằng văn bản khi xét thấy cần thiết vì lợi ích Công ty;



b. Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị được thông qua bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản có hiệu lực và giá trị như nghị quyết, quyết định được các thành viên Hội đồng quản trị thông qua tại cuộc họp;

c. Trình tự, thủ tục lấy ý kiến bằng văn bản để thông qua nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị được thực hiện theo các quy định tại Quy chế nội bộ về quản trị Công ty, Quy chế tổ chức và hoạt động của Hội đồng quản trị.

### **Điều 31. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị**

1. Khi xét thấy cần thiết, Hội đồng quản trị có thể thành lập tiểu ban trực thuộc để phụ trách về chính sách phát triển, nhân sự, lương thưởng, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro. Số lượng thành viên của tiểu ban do Hội đồng quản trị quyết định có tối thiểu là 02 người bao gồm thành viên của Hội đồng quản trị và thành viên bên ngoài. Các thành viên Hội đồng quản trị không điều hành nên chiếm đa số trong tiểu ban và một trong số các thành viên này được bổ nhiệm làm Trưởng tiểu ban theo quyết định của Hội đồng quản trị. Hoạt động của tiểu ban phải tuân thủ theo quy định của Hội đồng quản trị. Nghị quyết của tiểu ban chỉ có hiệu lực khi có đa số thành viên tham dự và biểu quyết thông qua tại cuộc họp của tiểu ban.

2. Việc thực thi quyết định của Hội đồng quản trị, hoặc của tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị phải phù hợp với các quy định pháp luật hiện hành và quy định tại Điều lệ Công ty, Quy chế nội bộ về quản trị Công ty.

### **Điều 32. Người phụ trách quản trị Công ty**

1. Hội đồng quản trị của Công ty phải bổ nhiệm ít nhất một (01) người phụ trách quản trị Công ty để hỗ trợ công tác quản trị Công ty tại doanh nghiệp. Người phụ trách quản trị Công ty có thể kiêm nhiệm làm Thư ký Công ty theo quy định tại khoản 5 Điều 156 Luật Doanh nghiệp.

2. Người phụ trách quản trị Công ty không được đồng thời làm việc cho tổ chức kiểm toán được chấp thuận đang thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty.

3. Người phụ trách quản trị Công ty có quyền và nghĩa vụ sau:

a) Tư vấn Hội đồng quản trị trong việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định và các công việc liên quan giữa Công ty và cổ đông;

b) Chuẩn bị các cuộc họp Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Đại hội đồng cổ đông theo yêu cầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát;

c) Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp;

d) Tham dự các cuộc họp;

e) Tư vấn thủ tục lập các nghị quyết của Hội đồng quản trị phù hợp với quy định của pháp luật;



- f) Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp Hội đồng quản trị và các thông tin khác cho thành viên Hội đồng quản trị và thành viên Ban kiểm soát;
- g) Giám sát và báo cáo Hội đồng quản trị về hoạt động công bố thông tin của Công ty;
- h) Là đầu mối liên lạc với các bên có quyền lợi liên quan;
- i) Bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty;
- j) Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.


## **VIII. TỔNG GIÁM ĐỐC; NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC VÀ THƯ KÝ CÔNG TY**

### **Điều 33. Tổ chức bộ máy quản lý**

Hệ thống quản lý của Công ty phải đảm bảo bộ máy quản lý chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và chịu sự giám sát, chỉ đạo của Hội đồng quản trị trong công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty. Công ty có Tổng Giám đốc, các Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng do Hội đồng quản trị bổ nhiệm. Việc bổ nhiệm miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh nêu trên phải được thông qua bằng nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị.

### **Điều 34. Người điều hành Công ty**

1. Người điều hành Công ty bao gồm Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng do Hội đồng quản trị bổ nhiệm và các Giám đốc, Trưởng phòng do Hội đồng quản trị phê chuẩn. Người điều hành Công ty phải có trách nhiệm để hỗ trợ Công ty đạt được các mục tiêu đề ra trong hoạt động và tổ chức.

2. Theo đề nghị của Tổng Giám đốc và được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị, Công ty được tuyển dụng người điều hành doanh nghiệp khác là các Giám đốc, Trưởng phòng với số lượng và tiêu chuẩn phù hợp với cơ cấu và quy chế quản lý của Công ty do Hội đồng quản trị quy định. 

3. Tiền lương và thưởng của Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng do Hội đồng quản trị quyết định.

4. Tiền lương của người điều hành Công ty được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.

### **Điều 35. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, quyền và nghĩa vụ của Tổng Giám đốc**

1. Hội đồng quản trị bổ nhiệm một (01) thành viên Hội đồng quản trị hoặc thuê người khác làm Tổng Giám đốc.



2. Tổng Giám đốc là người điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty; chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị; chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và trước pháp luật về việc thực hiện quyền, nghĩa vụ được giao.

3. Nhiệm kỳ của Tổng Giám đốc không quá năm (05) năm và có thể được bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Tổng Giám đốc phải đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện sau:

- a) Không thuộc đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 17 của Luật Doanh nghiệp;
- b) Không được là người có quan hệ gia đình của người quản lý doanh nghiệp, Kiểm soát viên của công ty và công ty mẹ; người đại diện phần vốn nhà nước, người đại diện phần vốn của doanh nghiệp tại công ty và công ty mẹ;
- c) Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản trị kinh doanh của công ty;
- d) Các tiêu chuẩn và điều kiện khác theo quy định pháp luật.

4. Tổng Giám đốc có các quyền và nghĩa vụ sau:

- a) Quyết định các vấn đề liên quan đến công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty mà không thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị và Chủ tịch Hội đồng quản trị;
- b) Tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị và Chủ tịch Hội đồng quản trị;
- c) Tổ chức thực hiện các kế hoạch kinh doanh và phương án đầu tư của Công ty;
- d) Kiến nghị phương án cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty;
- e) Tuyển dụng, điều động, cho thôi việc, khen thưởng, kỷ luật người lao động, trừ các chức danh quản lý thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị và Chủ tịch Hội đồng quản trị;
- f) Kiến nghị số lượng, chức danh và các vấn đề liên quan như mức lương, thù lao, các lợi ích và các điều khoản khác của hợp đồng lao động của người điều hành khác và trình Hội đồng quản trị phê chuẩn;
- g) Chậm nhất vào ngày 31 tháng 01 hằng năm, Tổng giám đốc phải lập kế hoạch và trình Hội đồng quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến việc tuyển dụng, cho người lao động nghỉ việc, tiền lương, bảo hiểm xã hội, phúc lợi, khen thưởng và kỷ luật đối với người lao động và người điều hành khác của Công ty cho năm tài chính đó.
- h) Vào ngày 31 tháng 01 hằng năm, Tổng giám đốc phải trình Hội đồng quản trị phê chuẩn kế hoạch kinh doanh chi tiết cho năm tài chính đó trên cơ sở đáp ứng các yêu cầu của ngân sách phù hợp cũng như kế hoạch tài chính năm.
- i) Kiến nghị phương án trả cổ tức hoặc xử lý lỗ trong kinh doanh;



j) Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông về việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được giao, và phải báo cáo các cấp này khi được yêu cầu.

k) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ, Quy chế nội bộ về quản trị công ty và theo Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng quản trị, Quyết định của Chủ tịch Hội đồng quản trị và Hợp đồng lao động ký với Công ty.

5. Tổng Giám đốc có thể uỷ quyền (uỷ nhiệm) cho các Phó Tổng Giám đốc hoặc một số người khác thay mặt mình theo phạm vi và thời hạn để giải quyết một số công việc của Công ty nhưng Tổng Giám đốc phải hoàn toàn chịu trách nhiệm trước HĐQT và pháp luật về sự uỷ nhiệm này.

Những người được Tổng Giám đốc uỷ quyền, uỷ nhiệm phải chịu trách nhiệm trước Tổng Giám đốc và pháp luật về việc thực hiện công việc được uỷ nhiệm, uỷ quyền trong thời hạn được uỷ quyền đồng thời không được uỷ quyền cho người khác.

6. Hội đồng quản trị có thể miễn nhiệm, bãi nhiệm Tổng Giám đốc **khi đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết dự họp tán thành (không kể biểu quyết của Tổng Giám đốc trong trường hợp này) và bổ nhiệm một Tổng Giám đốc mới thay thế.**

### **Điều 36. Thư ký Công ty**

Khi xét thấy cần thiết, Hội đồng quản trị quyết định bổ nhiệm một (01) hoặc nhiều người làm Thư ký Công ty với nhiệm kỳ theo quyết định của Hội đồng quản trị. Hội đồng quản trị có thể bãi nhiệm Thư ký Công ty khi cần nhưng không trái với các quy định pháp luật hiện hành về lao động. Thư ký Công ty có quyền và nghĩa vụ sau đây:

- a) Hỗ trợ tổ chức triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị; ghi chép các biên bản họp;
- b) Hỗ trợ thành viên Hội đồng quản trị trong việc thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao;
- c) Hỗ trợ Hội đồng quản trị trong áp dụng và thực hiện nguyên tắc quản trị Công ty;
- d) Hỗ trợ Công ty trong xây dựng quan hệ cổ đông và bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của cổ đông; việc tuân thủ nghĩa vụ cung cấp thông tin, công khai hóa thông tin và thủ tục hành chính;
- e) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định tại Điều lệ Công ty, Quy chế nội bộ Công ty.

## **IX. BAN KIỂM SOÁT**

### **Điều 37. Ứng cử, đề cử thành viên Ban kiểm soát**



1. Việc ứng cử, đề cử thành viên Ban kiểm soát được thực hiện tương tự quy định tại khoản 1, Điều 25 Điều lệ này. **Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% đến dưới 30% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa một (01) ứng viên; từ 30% đến dưới 50% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 50% trở lên được đề cử tối đa ba (03) ứng viên.**

2. Trường hợp số lượng các ứng cử viên Ban kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử không đủ số lượng cần thiết theo khoản 5 Điều 115 Luật Doanh nghiệp, Ban kiểm soát đương nhiệm phải đề cử thêm ứng cử viên đảm bảo đủ số lượng cần thiết theo quy định. Việc Ban kiểm soát đương nhiệm đề cử thêm ứng viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Ban kiểm soát theo quy định của pháp luật.



### **Điều 38. Thành phần Ban Kiểm soát**

1. Số lượng Kiểm soát viên của Công ty là ba (03) người. Nhiệm kỳ của thành viên Ban kiểm soát không quá năm (05) năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. **Trường hợp Kiểm soát viên có cùng thời điểm kết thúc nhiệm kỳ mà Kiểm soát viên nhiệm kỳ mới chưa được bầu thì Kiểm soát viên đã hết nhiệm kỳ vẫn tiếp tục thực hiện quyền và nghĩa vụ cho đến khi Kiểm soát viên nhiệm kỳ mới được bầu và nhận nhiệm vụ.**

2. Thành viên Ban kiểm soát phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 169 Luật Doanh nghiệp và **không thuộc các trường hợp sau:**

- a) **Làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của Công ty;**
- b) Là thành viên hay nhân viên của Công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty trong 03 năm liền trước đó.

3. Thành viên Ban Kiểm soát bị miễn nhiệm trong các trường hợp sau:

a) Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Ban kiểm soát theo quy định tại khoản 2 Điều này. Trong trường hợp này, thành viên Ban kiểm soát phải thông báo với Hội đồng quản trị về việc không còn đáp ứng đủ điều kiện theo quy định tại khoản điểm a Khoản 3 Điều này và đương nhiên không còn là thành viên Ban kiểm soát kể từ ngày không đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều kiện.

- b) Có đơn từ chức và được chấp thuận;
- c) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ này.

4. Thành viên Ban kiểm soát bị bãi nhiệm trong các trường hợp sau:

- a) Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;



b) Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;

c) Vi phạm nhiều lần, vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của thành viên Ban kiểm soát theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty;

d) Trường hợp khác theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.

### **Điều 39. Trưởng Ban kiểm soát**

1. Trưởng Ban kiểm soát do Ban kiểm soát bầu trong số các thành viên Ban kiểm soát; việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm theo nguyên tắc đa số. Ban kiểm soát phải có hơn một nửa số thành viên thường trú ở Việt Nam. Trưởng Ban kiểm soát phải có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành có liên quan đến hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.

2. Quyền và nghĩa vụ của Trưởng Ban kiểm soát:

a) Triệu tập cuộc họp Ban kiểm soát;

b) Yêu cầu Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và người điều hành khác cung cấp các thông tin liên quan để báo cáo Ban kiểm soát;

c) Lập và ký báo cáo của Ban kiểm soát sau khi đã tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị để trình Đại hội đồng cổ đông.

### **Điều 40. Quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát**

Ngoài các quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 170, 171 Luật Doanh nghiệp, Ban kiểm soát có các quyền, nghĩa vụ sau:

1. Đề xuất, kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê duyệt danh sách tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty; quyết định tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra hoạt động của Công ty, bãi miễn kiểm toán viên được chấp thuận khi xét thấy cần thiết.

2. Chịu trách nhiệm trước cổ đông về hoạt động giám sát của mình.

3. Giám sát tình hình tài chính của Công ty, việc tuân thủ pháp luật trong hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, người điều hành khác và người quản lý khác.

4. Đảm bảo phối hợp hoạt động với Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và cổ đông.

5. Trường hợp phát hiện hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ Công ty của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và người điều hành khác của doanh nghiệp,



## **Điều lệ Công ty cổ phần Thuộc sát trùng Cần Thơ**

---

Ban kiểm soát phải thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị trong thời hạn 48 giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.

6. Xây dựng Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát và trình Đại hội đồng cổ đông thông qua.

7. Báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều 290 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.

8. Có quyền tiếp cận hồ sơ, tài liệu của Công ty lưu giữ tại trụ sở chính, chi nhánh và địa điểm khác; có quyền đến địa điểm làm việc của người quản lý và nhân viên của Công ty trong giờ làm việc..

9. Có quyền yêu cầu Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và người quản lý, điều hành khác cung cấp đầy đủ, chính xác, kịp thời thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của Công ty.

10. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ này và nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.

### **Điều 41. Cuộc họp của Ban kiểm soát**

1. Ban kiểm soát phải họp ít nhất 02 lần trong một năm, số lượng thành viên tham dự họp ít nhất là 2/3 số thành viên Ban kiểm soát. Biên bản họp Ban kiểm soát được lập chi tiết và rõ ràng. Người ghi biên bản và các thành viên Ban kiểm soát tham dự họp phải ký tên vào biên bản cuộc họp. Các biên bản họp của Ban kiểm soát phải được lưu giữ nhằm xác định trách nhiệm của từng thành viên Ban kiểm soát.

2. Ban kiểm soát có quyền yêu cầu thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận tham dự và trả lời các vấn đề cần được làm rõ.

### **Điều 42. Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Ban kiểm soát**

Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Ban kiểm soát được thực hiện theo quy định sau đây:

1. Thành viên Ban kiểm soát được trả tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Đại hội đồng cổ đông quyết định tổng mức tiền lương, thù lao, thưởng, lợi ích khác và ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát.

2. Thành viên Ban kiểm soát được thanh toán chi phí ăn, ở, đi lại, chi phí sử dụng dịch vụ tư vấn độc lập với mức hợp lý. Tổng mức thù lao và chi phí này không vượt quá tổng ngân



sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát đã được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác.

3. Tiền lương và chi phí hoạt động của Ban kiểm soát được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, quy định khác của pháp luật có liên quan và phải được lập thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty.

## **X. TRÁCH NHIỆM CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC**

Thành viên Hội đồng quản trị, Thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc và người điều hành khác có trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ của mình, kể cả những nhiệm vụ với tư cách thành viên các tiểu ban của Hội đồng quản trị, một cách trung thực, cẩn trọng vì lợi ích của Công ty.

### **Điều 43. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi**

1. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc và người quản lý khác phải công khai các lợi ích có liên quan theo quy định của Luật Doanh nghiệp và các văn bản pháp luật liên quan.

2. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc, người quản lý khác và những người có liên quan của các thành viên này chỉ được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để phục vụ lợi ích của Công ty.

3. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc và người quản lý khác có nghĩa vụ thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát về các giao dịch giữa Công ty, Công ty con, Công ty khác do Công ty nắm quyền kiểm soát trên 50% vốn điều lệ với chính đối tượng đó hoặc với những người có liên quan của đối tượng đó theo quy định của pháp luật. Đối với các giao dịch nêu trên do Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận, Công ty phải thực hiện công bố thông tin về các nghị quyết này theo quy định của pháp luật chứng khoán về công bố thông tin.

4. Thành viên Hội đồng quản trị không được biểu quyết đối với giao dịch mang lại lợi ích cho thành viên đó hoặc người có liên quan của thành viên đó theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này.

5. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc, người quản lý khác và những người có liên quan của các đối tượng này không được sử dụng hoặc tiết lộ cho người khác các thông tin nội bộ để thực hiện các giao dịch có liên quan.



6. Giao dịch giữa Công ty với một hoặc nhiều thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc, người điều hành khác và các cá nhân, tổ chức có liên quan đến các đối tượng này không bị vô hiệu trong các trường hợp sau đây:

a) Đối với giao dịch có giá trị nhỏ hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những nội dung quan trọng của hợp đồng hoặc giao dịch cũng như các mối quan hệ và lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc, người điều hành khác đã được báo cáo Hội đồng quản trị và được Hội đồng quản trị thông qua bằng đa số phiếu tán thành của những thành viên Hội đồng quản trị không có lợi ích liên quan;

b) Đối với giao dịch có giá trị từ 35% hoặc giao dịch dẫn đến giá trị giao dịch phát sinh trong vòng 12 tháng kể từ ngày thực hiện giao dịch đầu tiên có giá trị từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những nội dung quan trọng của giao dịch này cũng như mối quan hệ và lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc, người điều hành khác đã được công bố cho các cổ đông và được Đại hội đồng cổ đông thông qua bằng phiếu biểu quyết của các cổ đông không có lợi ích liên quan.

c) Hợp đồng, giao dịch vay, bán tài sản có giá trị lớn hơn 10% tổng giá trị tài sản ghi trên báo cáo tài chính gần nhất giữa Công ty và cổ đông sở hữu từ 51% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết trở lên hoặc người có liên quan của cổ đông đó đã được công bố cho các cổ đông và được Đại hội đồng cổ đông thông qua bằng phiếu biểu quyết của các cổ đông không có lợi ích liên quan.

7. Công ty không được cung cấp khoản vay hoặc bảo lãnh cho Cổ đông là tổ chức và người có liên quan của Cổ đông đó là cá nhân, trừ các trường hợp được phép theo quy định của pháp luật và được sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông.

#### **Điều 44. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường**

1. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc và người điều hành khác vi phạm nghĩa vụ, trách nhiệm trung thực và cẩn trọng, không hoàn thành nghĩa vụ của mình phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại do hành vi vi phạm của mình gây ra.

2. Công ty sẽ bồi thường cho những người đã, đang và có nguy cơ trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố đã, đang hoặc có thể sẽ được tiến hành cho dù đây là vụ việc dân sự, hành chính (mà không phải là việc kiện tụng do Công ty thực hiện hay thuộc quyền khởi kiện của công ty) nếu người đó đã hoặc đang là thành viên Hội đồng quản



trị, người quản lý khác, nhân viên hoặc đại diện được uỷ quyền của Công ty đã hoặc đang thực hiện nhiệm vụ theo uỷ quyền của Công ty, hành động trung thực, cẩn trọng, miễn cưỡng vì lợi ích của Công ty trên cơ sở tuân thủ quy định pháp luật và không có bằng chứng xác nhận rằng người đó đã vi phạm trách nhiệm của mình. .

3. Những chi phí được bồi thường bao gồm: các chi phí phát sinh (kể cả phí thuê luật sư), chi phí phán quyết, các khoản tiền phạt, các khoản phải thanh toán phát sinh trong thực tế hoặc được coi là mức hợp lý khi giải quyết những vụ việc này trong khuôn khổ luật pháp cho phép. Công ty có quyền mua bảo hiểm cho những trách nhiệm bồi thường nêu trên.

## **XI. QUYỀN TRA CỨU SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY**

### **Điều 45. Quyền tra cứu sổ sách và hồ sơ**

1. Cổ đông phổ thông có quyền tra cứu sổ sách và hồ sơ, cụ thể như sau:

a) Cổ đông phổ thông có quyền xem xét, tra cứu và trích lục thông tin về tên và địa chỉ liên lạc trong danh sách cổ đông có quyền biểu quyết; yêu cầu sửa đổi thông tin không chính xác của mình; xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ Công ty, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và nghị quyết Đại hội đồng cổ đông;

b) Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 05% tổng số cổ phần phổ thông trở lên hoặc có quyền xem xét, tra cứu, trích lục sổ biên bản và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính giữa năm và hằng năm, báo cáo của Ban kiểm soát, họp đồng, giao dịch phải thông qua Hội đồng quản trị và tài liệu khác, trừ tài liệu liên quan đến bí mật thương mại và kinh doanh của Công ty.

2. Trường hợp đại diện được uỷ quyền của cổ đông và nhóm cổ đông yêu cầu tra cứu sổ sách và hồ sơ thì phải kèm theo giấy uỷ quyền của cổ đông và nhóm cổ đông mà người đó đại diện hoặc bản sao công chứng của giấy uỷ quyền này.

3. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc và người điều hành khác có quyền tra cứu sổ đăng ký cổ đông của Công ty, danh sách cổ đông, sổ sách và hồ sơ khác của Công ty vì những mục đích liên quan tới chức vụ của mình với điều kiện các thông tin này phải được bảo mật.

4. Công ty phải lưu giữ Điều lệ này và những bản sửa đổi bổ sung Điều lệ, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, các quy chế, các tài liệu chứng minh quyền sở hữu tài sản, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, các báo cáo của Hội đồng quản trị, các báo cáo của Ban kiểm soát, báo cáo tài chính năm, sổ sách kế toán và các tài liệu khác theo quy định của pháp luật tại trụ sở chính



hoặc một nơi khác với điều kiện là các cổ đông và Cơ quan đăng ký kinh doanh được thông báo về địa điểm lưu trữ các tài liệu này.

5. Điều lệ Công ty phải được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty.

## **XII. CÔNG NHÂN VIÊN VÀ CÔNG ĐOÀN**

### **Điều 46. Công nhân viên và công đoàn**

1. Tổng Giám đốc phải lập kế hoạch để Hội đồng quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến việc tuyển dụng, cho người lao động nghỉ việc, tiền lương, bảo hiểm xã hội, phúc lợi, khen thưởng và kỷ luật đối với người lao động và người điều hành doanh nghiệp..

2. Tổng Giám đốc phải lập kế hoạch để Hội đồng quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến quan hệ của Công ty với các tổ chức công đoàn theo các chuẩn mực, thông lệ và chính sách quản lý tốt nhất, những thông lệ và chính sách quy định tại Điều lệ này, các quy chế của Công ty và quy định pháp luật hiện hành.

## **XIII. PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN**

### **Điều 47. Phân phối lợi nhuận**

1. Đại hội đồng cổ đông quyết định mức chi trả cổ tức và hình thức chi trả cổ tức hàng năm từ lợi nhuận được giữ lại của Công ty.

2. Công ty không thanh toán lãi cho khoản tiền trả cổ tức hay khoản tiền chi trả liên quan tới một loại cổ phiếu.

3. Hội đồng quản trị có thể kiến nghị Đại hội đồng cổ đông thông qua việc thanh toán toàn bộ hoặc một phần cổ tức bằng cổ phiếu và Hội đồng quản trị là cơ quan thực thi quyết định này.

4. Trường hợp cổ tức hay những khoản tiền khác liên quan tới một loại cổ phiếu được chi trả bằng tiền mặt, Công ty phải chi trả bằng tiền đồng Việt Nam. Việc chi trả có thể thực hiện trực tiếp hoặc thông qua các ngân hàng trên cơ sở các thông tin chi tiết về tài khoản ngân hàng do cổ đông cung cấp. Trường hợp Công ty đã chuyển khoản theo đúng các thông tin chi tiết về ngân hàng do cổ đông cung cấp mà cổ đông đó không nhận được tiền, Công ty không phải chịu trách nhiệm về khoản tiền Công ty đã chuyển cho cổ đông này. Việc thanh toán cổ tức đối với các cổ phiếu niêm yết tại Sở giao dịch chứng khoán có thể được tiến hành thông qua Công ty chứng khoán hoặc Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam.



5. Căn cứ Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, Hội đồng quản trị thông qua nghị quyết, quyết định xác định một ngày cụ thể để chốt danh sách cổ đông. Căn cứ theo ngày đó, những người đăng ký với tư cách cổ đông hoặc người sở hữu các chứng khoán khác được quyền nhận cổ tức bằng tiền mặt hoặc cổ phiếu, nhận thông báo hoặc tài liệu khác.

6. Các vấn đề khác liên quan đến phân phối lợi nhuận được thực hiện theo quy định của pháp luật.

#### **XIV. TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, NĂM TÀI CHÍNH VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN**

##### **Điều 48. Tài khoản ngân hàng**

1. Công ty mở tài khoản tại các ngân hàng Việt Nam hoặc tại các chi nhánh ngân hàng nước ngoài được phép hoạt động tại Việt Nam.

2. Theo sự chấp thuận trước của cơ quan có thẩm quyền, trong trường hợp cần thiết, Công ty có thể mở tài khoản ngân hàng ở nước ngoài theo các quy định của pháp luật.

3. Công ty có thể tiến hành các khoản thanh toán và giao dịch kế toán thông qua các tài khoản tiền Việt Nam hoặc ngoại tệ tại các ngân hàng mà Công ty mở tài khoản.

##### **Điều 49. Năm tài chính**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày đầu tiên của tháng 01 hàng năm và kết thúc vào ngày thứ 31 của tháng 12. Năm tài chính đầu tiên bắt đầu từ ngày cấp Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp và kết thúc vào ngày thứ 31 của tháng 12 của năm cấp Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp đó.

##### **Điều 50. Chế độ kế toán**

1. Chế độ kế toán Công ty sử dụng là chế độ kế toán doanh nghiệp hoặc chế độ kế toán đặc thù được cơ quan có thẩm quyền ban hành, chấp thuận.

2. Công ty lập sổ sách kế toán bằng **tiếng Việt** và lưu giữ hồ sơ kế toán theo quy định pháp luật về kế toán và pháp luật liên quan. Những hồ sơ này phải chính xác, cập nhật, có hệ thống và phải đủ để chứng minh và giải trình các giao dịch của Công ty.

3. Công ty sử dụng đơn vị tiền tệ trong kế toán là đồng Việt Nam. Trường hợp Công ty có các nghiệp vụ kinh tế phát sinh chủ yếu bằng một loại ngoại tệ thì được tự chọn ngoại tệ đó làm đơn vị tiền tệ trong kế toán, chịu trách nhiệm về lựa chọn đó trước pháp luật và thông báo cho cơ quan quản lý thuế trực tiếp.

#### **XV. BÁO CÁO TÀI CHÍNH, BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN VÀ TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN**



**Điều 51. Báo cáo tài chính năm, bán niên và quý**

1. Công ty phải lập báo cáo tài chính năm và báo cáo tài chính năm phải được kiểm toán theo quy định của pháp luật. Công ty công bố báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán theo quy định của pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và nộp cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

2. Báo cáo tài chính năm phải bao gồm đầy đủ các báo cáo, phụ lục, thuyết minh theo quy định pháp luật về kế toán doanh nghiệp. Báo cáo tài chính năm phải phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình hoạt động của Công ty.

3. Công ty phải lập và công bố báo cáo tài chính bán niên đã soát xét và các báo cáo tài chính quý theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và nộp cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

**Điều 52. Báo cáo thường niên**

Công ty phải lập và công bố Báo cáo thường niên theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

**XVI. KIỂM TOÁN CÔNG TY**

**Điều 53. Kiểm toán**

1. Đại hội đồng cổ đông chỉ định một công ty kiểm toán độc lập hoặc thông qua danh sách các công ty kiểm toán độc lập và ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định lựa chọn một trong số các đơn vị này tiến hành kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính tiếp theo dựa trên những điều khoản và điều kiện thỏa thuận với Hội đồng quản trị.

2. Báo cáo kiểm toán được đính kèm báo cáo tài chính năm của Công ty.

3. Kiểm toán viên độc lập thực hiện việc kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty được tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và được quyền nhận các thông báo và các thông tin khác liên quan đến cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và được phát biểu ý kiến tại đại hội về các vấn đề có liên quan đến việc kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty.

**XVII. DẤU CỦA DOANH NGHIỆP**

**Điều 54. Dấu của doanh nghiệp**

1. Dấu bao gồm dấu được làm tại cơ sở khắc dấu hoặc dấu dưới hình thức chữ ký số theo quy định của pháp luật về giao dịch điện tử.



2. Hội đồng quản trị quyết định loại dấu, số lượng, hình thức và nội dung dấu của Công ty, chi nhánh, văn phòng đại diện của Công ty (nếu có).

3. Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc sử dụng và quản lý dấu theo quy định của pháp luật hiện hành.

## **XVIII. GIẢI THỂ CÔNG TY**

### **Điều 55. Giải thể Công ty**

1. Công ty có thể bị giải thể trong những trường hợp sau:

- a) Theo nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
- b) Bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, trừ trường hợp Luật Quản lý thuế có quy định khác;
- c) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.

2. Việc giải thể Công ty trước thời hạn do Đại hội đồng cổ đông quyết định, Hội đồng quản trị thực hiện. Quyết định giải thể này phải được thông báo hoặc phải được chấp thuận bởi cơ quan có thẩm quyền (nếu bắt buộc) theo quy định.

### **Điều 56. Thanh lý**

1. Sau khi có quyết định giải thể Công ty, Hội đồng quản trị phải thành lập Ban thanh lý gồm ba (03) thành viên, trong đó hai (02) thành viên do Đại hội đồng cổ đông chỉ định và 01 thành viên do Hội đồng quản trị chỉ định từ 01 công ty kiểm toán độc lập. Ban thanh lý chuẩn bị các quy chế hoạt động của mình. Các thành viên của Ban thanh lý có thể được lựa chọn trong số nhân viên của Công ty hoặc chuyên gia độc lập. Tất cả các chi phí liên quan đến thanh lý được Công ty ưu tiên thanh toán trước các khoản nợ khác của Công ty.

2. Ban thanh lý có trách nhiệm báo cáo cho Cơ quan đăng ký kinh doanh về ngày thành lập và ngày bắt đầu hoạt động. Kể từ thời điểm đó, Ban thanh lý thay mặt Công ty trong tất cả các công việc liên quan đến thanh lý Công ty trước Tòa án và các cơ quan hành chính.

3. Tiền thu được từ việc thanh lý được thanh toán theo thứ tự sau:

- a) Các chi phí thanh lý;
- b) Các khoản nợ lương, trợ cấp thôi việc, bảo hiểm xã hội và các quyền lợi khác của người lao động theo thỏa ước lao động tập thể và hợp đồng lao động đã ký kết;
- c) Nợ thuế;
- d) Các khoản nợ khác của Công ty;



e) Phần còn lại sau khi đã thanh toán tất cả các khoản nợ từ mục (a) đến (d) trên đây được chia cho các cổ đông. Các cổ phần ưu đãi được ưu tiên thanh toán trước.

## **XIX. GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ**

### **Điều 57. Giải quyết tranh chấp nội bộ**

1. Trường hợp phát sinh tranh chấp, khiếu nại liên quan tới hoạt động của Công ty, quyền và nghĩa vụ của các cổ đông theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty, các quy định pháp luật khác hoặc thỏa thuận giữa:

- a) Cổ đông với Công ty;
- b) Cổ đông với Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc hay người điều hành khác;

Các bên liên quan cố gắng giải quyết tranh chấp đó thông qua thương lượng và hòa giải. Trừ trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hay Chủ tịch Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị sẽ chủ trì việc giải quyết tranh chấp và yêu cầu từng bên trình bày các thông tin liên quan đến trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày tranh chấp phát sinh. Nếu tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hay Chủ tịch Hội đồng quản trị, bất cứ bên nào cũng có thể yêu cầu Trường Ban Kiểm soát chỉ định một chuyên gia độc lập để làm trung gian hoà giải cho quá trình giải quyết tranh chấp.

2. Trường hợp không đạt được quyết định hòa giải trong vòng sáu (06) tuần từ khi bắt đầu quá trình hòa giải hoặc nếu quyết định của trung gian hòa giải không được các bên chấp nhận, một bên có thể đưa tranh chấp đó ra Trọng tài hoặc Tòa án.

3. Các bên tự chịu chi phí có liên quan tới thủ tục thương lượng và hòa giải. Việc thanh toán các chi phí của Tòa án hoặc Trọng tài được thực hiện theo Bản án / Quyết định của Tòa án hoặc Phán quyết của Trọng tài.

## **XX. BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ**

### **Điều 58. Điều lệ Công ty**

1. Việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ này phải được Đại hội đồng cổ đông xem xét, quyết định.

2. Trường hợp pháp luật có quy định liên quan đến hoạt động của Công ty chưa được đề cập trong bản Điều lệ này hoặc trường hợp có quy định pháp luật mới khác với điều khoản trong Điều lệ này thì áp dụng những quy định đó để điều chỉnh hoạt động của Công ty.

## **XXI. NGÀY HIỆU LỰC**



**Điều 59. Ngày hiệu lực**

1. Bản điều lệ này gồm 21 mục, 59 điều được Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Thuốc sát trùng Cần Thơ nhất trí thông qua **ngày ... tháng ... năm 20..** tại ..... và cùng chấp thuận hiệu lực toàn văn của Điều lệ này.

2. Điều lệ được lập thành 10 bản, có giá trị như nhau và phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

3. Điều lệ này là duy nhất và chính thức của Công ty.

4. Các bản sao hoặc trích lục Điều lệ Công ty có giá trị khi có chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc tối thiểu 1/2 tổng số thành viên Hội đồng quản trị.

*Cần Thơ, ngày ... tháng ... năm 2024.*

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT**

**TỔNG GIÁM ĐỐC**

**Nguyễn Văn Trung**



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**DỰ THẢO**  
**QUY CHẾ NỘI BỘ VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY**  
**CÔNG TY CỔ PHẦN THUỐC SÁT TRÙNG CẦN THƠ**

*(Ban hành theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025  
Công ty Cổ phần Thuốc sát trùng Cần Thơ)*

*Cần Thơ, ngày ... tháng ... năm 2025*



**MỤC LỤC**

<b>Chương I: QUY ĐỊNH CHUNG</b>	<b>8</b>
Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng	8
Điều 2. Giải thích thuật ngữ và chữ viết tắt	8
<b>Chương II : ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG</b>	<b>9</b>
<b>I. QUY ĐỊNH ĐỐI VỚI ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THÔNG QUA NGHỊ QUYẾT BẰNG HÌNH THỨC BIỂU QUYẾT TẠI CUỘC HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG (TRỰC TIẾP, TRỰC TUYẾN, TRỰC TIẾP KẾT HỢP TRỰC TUYẾN)</b>	<b>9</b>
<b>MỤC 1: QUY ĐỊNH CHUNG</b>	<b>9</b>
Điều 3. Vai trò, quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông	9
Điều 4. Thẩm quyền triệu tập Đại hội đồng cổ đông	9
Điều 5. Nhân sự Đại hội đồng cổ đông	10
Điều 6. Lập Danh sách cổ đông có quyền dự họp và thông báo về việc chốt danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông	12
Điều 7. Thông báo triệu tập Đại hội đồng cổ đông	13
Điều 8. Chương trình, nội dung Đại hội đồng cổ đông	13
Điều 9. Cách thức đăng ký, ủy quyền tham dự Đại hội đồng cổ đông	14
Điều 10. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông	15
Điều 11. Hình thức thông qua nghị quyết Đại hội đồng cổ đông	15
Điều 12. Các nội dung được thông qua tại Đại hội đồng cổ đông	16
Điều 13. Điều kiện đề nghị quyết được thông qua	17
Điều 14. Thông báo kết quả kiểm phiếu	17
Điều 15. Cách thức phản đối quyết định của Đại hội đồng cổ đông	17
Điều 16. Lập Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông	18
Điều 17. Công bố Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông	19
<b>MỤC 2: QUY ĐỊNH RIÊNG VỚI TỪNG HÌNH THỨC BIỂU QUYẾT TẠI CUỘC HỌP</b>	<b>19</b>
<b>Mục 2.1: Quy định riêng với hình thức biểu quyết tại cuộc họp trực tiếp</b>	<b>19</b>



Điều 18.Cách thức đăng ký tham dự Đại hội đồng cổ đông trực tiếp-----	19
Điều 19.Biểu quyết thông qua các vấn đề tại Đại hội đồng cổ đông trực tiếp ----	20
Điều 20.Cách thức bỏ phiếu biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông trực tiếp-----	21
Điều 21.Cách thức bỏ phiếu bầu cử tại Đại hội đồng cổ đông trực tiếp -----	22
Điều 22.Cách thức kiểm phiếu tại Đại hội đồng cổ đông trực tiếp-----	23
<b>Mục 2.2: Quy định riêng hình thức biểu quyết tại cuộc họp trực tuyến -----</b>	<b>23</b>
Điều 23.Cách thức đăng ký tham dự Đại hội đồng cổ đông trực tuyến-----	23
Điều 24.Cung cấp thông tin đăng nhập và thực hiện bỏ phiếu điện tử-----	23
Điều 25.Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến	24
Điều 26.Thảo luận tại Đại hội đồng cổ đông trực tuyến-----	24
Điều 27.Hình thức thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông trực tuyến --	25
Điều 28.Cách thức bỏ phiếu trực tuyến -----	25
Điều 29.Cách thức kiểm phiếu trực tuyến -----	26
Điều 30.Lập biên bản họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến-----	26
<b>Mục 2.3: Quy định riêng hình thức biểu quyết tại cuộc họp trực tiếp kết hợp trực tuyến -----</b>	<b>26</b>
Điều 31.Cách thức đăng ký tham dự Đại hội đồng cổ đông trực tiếp kết hợp trực tuyến	26
Điều 32.Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông trực tiếp kết hợp trực tuyến -----	26
Điều 33.Hình thức thông qua nghị quyết tại Đại hội đồng cổ đông trực tiếp kết hợp trực tuyến -----	26
Điều 34.Cách thức bỏ phiếu tại Đại hội đồng cổ đông trực tiếp kết hợp trực tuyến	27
Điều 35.Cách thức kiểm phiếu tại Đại hội đồng cổ đông trực tiếp kết hợp trực tuyến	27
Điều 36.Lập biên bản họp tại Đại hội đồng cổ đông trực tiếp kết hợp trực tuyến-	27
<b>II. QUY ĐỊNH ĐỐI VỚI ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THÔNG QUA NGHỊ QUYẾT BẰNG HÌNH THỨC LẤY Ý KIẾN BẰNG VĂN BẢN -----</b>	<b>27</b>
Điều 37.Trường hợp được lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản-----	27



Điều 38. Trường hợp không được lấy ý kiến bằng văn bản-----	27
Điều 39. Trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông thông qua Nghị quyết bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản -----	27
<b>MỤC 1: QUY ĐỊNH CHUNG-----</b>	<b>30</b>
Điều 40. Vai trò, Quyền và nghĩa vụ của HĐQT-----	30
Điều 41. Quyền và nghĩa vụ, trách nhiệm của thành viên HĐQT-----	31
<b>MỤC 2: QUY ĐỊNH VỀ ĐỀ CỬ, ỨNG CỬ, BẦU, MIỄN NHIỆM VÀ BÃI NHIỆM THÀNH VIÊN HĐQT-----</b>	<b>32</b>
Điều 42. Số lượng, nhiệm kỳ và cơ cấu thành viên Hội đồng quản trị HĐQT -----	32
Điều 43. Tiêu chuẩn và điều kiện Thành viên HĐQT -----	32
Điều 44. Đề cử, ứng cử thành viên Hội đồng quản trị -----	33
Điều 45. Cách thức bầu thành viên HĐQT-----	34
Điều 46. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế và bổ sung thành viên Hội đồng quản trị-----	34
Điều 47. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị	35
Điều 48. Cách thức giới thiệu ứng viên thành viên Hội đồng quản trị -----	35
Điều 49. Bầu, bãi nhiệm, miễn nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị -----	36
<b>MỤC 3: THÙ LAO, LƯƠNG THƯỞNG VÀ LỢI ÍCH KHÁC CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ -----</b>	<b>36</b>
Điều 50. Thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị-----	36
<b>MỤC 4: QUY ĐỊNH VỀ TRÌNH TỰ VÀ THỦ TỤC TỔ CHỨC HỌP HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ -----</b>	<b>37</b>
Điều 51. Số lượng cuộc họp tối thiểu theo tháng/quý/năm -----	37
Điều 52. Các trường hợp phải triệu tập họp Hội đồng quản trị bất thường -----	37
Điều 53. Thông báo họp Hội đồng quản trị và quyền dự họp Hội đồng quản trị của thành viên Ban kiểm soát -----	38
Điều 54. Điều kiện tổ chức họp Hội đồng quản trị-----	38
Điều 55. Cách thức biểu quyết-----	39
Điều 56. Cách thức thông qua nghị quyết của Hội đồng quản trị -----	39
Điều 57. Việc ủy quyền cho người khác dự họp của thành viên Hội đồng quản trị	39



Điều 58. Lập biên bản họp Hội đồng quản trị -----	39
Điều 59. Trường hợp chủ tọa và/hoặc thư ký từ chối ký Biên bản họp Hội đồng quản trị 40	
Điều 60. Thông báo nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị -----	40
<b>MỤC 5: CÁC TIỂU BAN THUỘC HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ -----</b>	<b>40</b>
Điều 61. Các tiểu ban trực thuộc HĐQT -----	40
<b>MỤC 6: LỰA CHỌN, BỔ NHIỆM, <b>BÃI NHIỆM</b>, MIỄN NHIỆM NGƯỜI PHỤ TRÁCH QUẢN TRỊ CÔNG TY -----</b>	<b>41</b>
Điều 62. Tiêu chuẩn của Người phụ trách quản trị công ty -----	41
Điều 63. Việc bổ nhiệm Người phụ trách quản trị công ty -----	41
Điều 64. Các trường hợp <b>bãi nhiệm</b> , miễn nhiệm Người phụ trách quản trị công ty	41
Điều 65. Thông báo bổ nhiệm, <b>bãi nhiệm</b> , miễn nhiệm Người phụ trách quản trị công ty 41	
Điều 66. Quyền và Nghĩa vụ của Người phụ trách quản trị Công ty -----	42
<b>Chương IV: BAN KIỂM SOÁT -----</b>	<b>42</b>
<b>MỤC 1: QUY ĐỊNH CHUNG -----</b>	<b>42</b>
Điều 67. Vai trò, quyền, nghĩa vụ của Ban kiểm soát, trách nhiệm của thành viên Ban kiểm soát 42	
<b>MỤC 2: QUY ĐỊNH VỀ NHIỆM KỲ, SỐ LƯỢNG, THÀNH PHẦN, CƠ CẤU THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT -----</b>	<b>43</b>
Điều 68. Số lượng, nhiệm kỳ, thành phần và cơ cấu thành viên Ban kiểm soát----	43
Điều 69. Tiêu chuẩn và điều kiện của thành viên Ban Kiểm soát-----	44
Điều 70. Đề cử, ứng cử thành viên Ban kiểm soát -----	44
Điều 71. Cách thức bầu thành viên Ban Kiểm soát -----	44
Điều 72. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban Kiểm soát -----	45
Điều 73. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban Kiểm soát---	45
Điều 74. Tiền lương và quyền lợi khác của thành viên Ban kiểm soát -----	45
<b>Chương V: TỔNG GIÁM ĐỐC -----</b>	<b>46</b>
Điều 75. Vai trò, trách nhiệm, quyền và nghĩa vụ của Tổng Giám đốc -----	46



Điều 76. Nhiệm kỳ, tiêu chuẩn và điều kiện của Tổng Giám đốc-----	46
Điều 77. Ứng cử, đề cử Tổng Giám đốc-----	47
Điều 78. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng Giám đốc	47
Điều 79. Thông báo bổ nhiệm, miễn nhiệm, <b>bãi nhiệm</b> ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng Giám đốc -----	48
Điều 80. Tiền lương và lợi ích khác của Tổng Giám đốc -----	48
<b>MỤC 1: QUY ĐỊNH VỀ PHỐI HỢP HOẠT ĐỘNG GIỮA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ TỔNG GIÁM ĐỐC-----</b>	<b>48</b>
Điều 81. Thủ tục, trình tự triệu tập, thông báo mời họp, ghi biên bản, thông báo kết quả họp giữa HĐQT, Ban kiểm soát và Tổng Giám đốc -----	48
Điều 82. Thông báo Nghị quyết/ Quyết định của HĐQT cho Ban kiểm soát -----	48
Điều 83. Thông báo Nghị quyết/ Quyết định của HĐQT cho Tổng Giám đốc-----	48
Điều 84. Các trường hợp Ban kiểm soát và Tổng Giám đốc đề nghị triệu tập họp HĐQT và những vấn đề cần xin ý kiến HĐQT -----	48
Điều 85. Báo cáo của Tổng Giám đốc với HĐQT về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao-----	49
Điều 86. Kiểm điểm việc thực hiện nghị quyết và các vấn đề ủy quyền khác của HĐQT đối với Tổng Giám đốc-----	50
Điều 87. Các vấn đề Tổng Giám đốc phải báo cáo, cung cấp thông tin và cách thức thông báo cho HĐQT, BKS -----	50
Điều 88. Phối hợp hoạt động kiểm soát, điều hành, giám sát giữa các thành viên HĐQT, các Kiểm soát viên và Tổng Giám đốc theo các nhiệm vụ cụ thể của các thành viên nêu trên -----	51
<b>MỤC 2: QUY ĐỊNH VỀ ĐÁNH GIÁ HÀNG NĂM ĐỐI VỚI HOẠT ĐỘNG KHEN THƯỞNG VÀ KỶ LUẬT ĐỐI VỚI THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ CÁC NGƯỜI ĐIỀU HÀNH DOANH NGHIỆP KHÁC-----</b>	<b>53</b>
Điều 89. Quy định về việc đánh giá hoạt động của Thành viên HĐQT, Kiểm soát viên, Tổng Giám đốc và người điều hành khác-----	53
Điều 90. Khen thưởng-----	54



Điều 91.Kỷ luật -----	54
<b>Chương VII: SỬA ĐỔI QUY ĐỊNH VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY-----</b>	<b>54</b>
Điều 92.Bổ sung và sửa đổi Quy định về quản trị Công ty-----	54
<b>Chương VIII: NGÀY HIỆU LỰC-----</b>	<b>55</b>
Điều 93.Ngày hiệu lực -----	55



## **Chương I: QUY ĐỊNH CHUNG**

### **Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng**

1. Phạm vi điều chỉnh: Quy chế nội bộ về quản trị công ty này được xây dựng tham chiếu theo Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính, quy định các nội dung về vai trò, quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc; trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông; đề cử, ứng cử, bầu, miễn nhiệm và bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc và các hoạt động khác theo quy định tại Điều lệ công ty và các quy định hiện hành khác của pháp luật.

2. Đối tượng áp dụng: Quy chế này được áp dụng cho các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc và những người liên quan được đề cập trong quy chế này.

### **Điều 2. Giải thích thuật ngữ và chữ viết tắt**

1. Công ty là Công ty cổ phần Thuộc sát trùng Cần Thơ;

2. *Vốn điều lệ* là tổng mệnh giá cổ phần đã bán hoặc được đăng ký mua khi thành lập Công ty và theo quy định tại Điều 6 Điều lệ Công ty;

3. *Luật Doanh nghiệp* là Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17 tháng 6 năm 2020 và các văn bản sửa đổi, bổ sung;

4. *Luật Chứng khoán* là Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2019 và các văn bản sửa đổi, bổ sung;

5. *Ngày thành lập* là ngày Công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và các giấy tờ có giá trị tương đương) lần đầu;

6. *Người điều hành Công ty* là Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng do Hội đồng quản trị bổ nhiệm **và các Giám đốc, Trưởng phòng do Hội đồng quản trị phê chuẩn**;

7. *Người quản lý Công ty* là người quản lý Công ty, bao gồm Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc do Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị bổ nhiệm;

8. *Người có liên quan* là cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 23 Điều 4 Luật Doanh nghiệp 2020 và khoản 46 Điều 4 Luật Chứng khoán;

9. *Cổ đông* là cá nhân, tổ chức sở hữu ít nhất một cổ phần của Công ty;

10. *Cổ đông lớn* là cổ đông sở hữu từ 5% trở lên số cổ phiếu có quyền biểu quyết của Công ty;;

11. *Thành viên Ban kiểm soát* là Kiểm soát viên;

12. *Sở giao dịch chứng khoán* là Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam và các công ty con.

13. *Thành viên HĐQT không điều hành* là thành viên HĐQT không phải là Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng và các chức danh theo quy định của Điều lệ công ty;



14. *Ban kiểm tra tư cách cổ đông/đại biểu* là bộ phận phụ trách công tác xác định điều kiện tiến hành đại hội cổ đông theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty;

15. *HĐQT* là Hội đồng quản trị;

16. *Ứng cử* là tự đề cử;

17. *BKS* là Ban kiểm soát;

18. *VSDC* là Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam;

19. *Đại biểu* là Cổ đông, người đại diện (người được cổ đông ủy quyền);

20. *Người phụ trách quản trị công ty* là người có trách nhiệm và quyền hạn được quy định tại Điều 281 Nghị định 155/2020/NĐ-CP;

21. *Đại hội trực tuyến* là hình thức tổ chức cuộc họp Đại hội đồng cổ đông có sử dụng phương tiện điện tử để truyền tải hình ảnh, âm thanh thông qua môi trường internet, cho phép cổ đông ở nhiều địa điểm khác nhau có thể theo dõi diễn biến của đại hội, thảo luận và biểu quyết các vấn đề của cuộc họp;

22. *Bỏ phiếu điện tử* là việc cổ đông thực hiện biểu quyết thông qua Hệ thống bỏ phiếu điện tử được quy định tại Quy chế này;

23. *Tên đăng nhập, mật khẩu truy cập* bao gồm thông tin tên truy cập (username) và mật khẩu (password) được Công ty cấp duy nhất cho từng cổ đông;

24. *Địa chỉ liên lạc* là địa chỉ đăng ký trụ sở chính đối với tổ chức; địa chỉ thường trú hoặc nơi làm việc hoặc địa chỉ khác của cá nhân mà người đó đăng ký với Công ty để làm địa chỉ liên lạc;

25. *Bí mật kinh doanh, Bí mật thương mại* là các thông tin thu được từ hoạt động đầu tư tài chính, trí tuệ, chưa được bộc lộ và có khả năng sử dụng trong kinh doanh.

## **Chương II : ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG**

### **I. QUY ĐỊNH ĐỐI VỚI ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THÔNG QUA NGHỊ QUYẾT BẰNG HÌNH THỨC BIỂU QUYẾT TẠI CUỘC HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG (TRỰC TIẾP, TRỰC TUYẾN, TRỰC TIẾP KẾT HỢP TRỰC TIẾP VÀ TRỰC TUYẾN)**

#### **MỤC 1: QUY ĐỊNH CHUNG**

##### **Điều 3. Vai trò, quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông**

Vai trò, quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông được quy định theo Điều 138 Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14, Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 và Điều 14, Điều 15 Điều lệ công ty.

##### **Điều 4. Thẩm quyền triệu tập Đại hội đồng cổ đông**

*(Căn cứ quy định tại Điều 140 Luật Doanh nghiệp và Điều 14 Điều lệ công ty)*

1. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường. Hội đồng quản trị triệu tập họp bất thường Đại hội đồng cổ đông trong trường hợp sau đây:



- a. Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của công ty;
  - b. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định của pháp luật;
  - c. Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 12 của Điều lệ Công ty; yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải được thể hiện bằng văn bản, trong đó nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có đủ chữ ký của các cổ đông liên quan hoặc văn bản yêu cầu được lập thành nhiều bản và tập hợp đủ chữ ký của các cổ đông có liên quan;
  - d. Theo yêu cầu của Ban kiểm soát;
  - e. Trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.
2. HĐQT phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn ba mươi (30) ngày kể từ ngày số thành viên HĐQT, Kiểm soát viên còn lại như quy định tại điểm b khoản 1 Điều này hoặc nhận được yêu cầu quy định tại điểm c và điểm d khoản 1 Điều này;
3. Trường hợp HĐQT không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 2 Điều này thì trong thời hạn ba mươi (30) ngày tiếp theo, Ban kiểm soát phải thay thế HĐQT triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 3 Điều 140 Luật doanh nghiệp;
4. Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 3 Điều này thì cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại điểm c khoản 1 Điều này có quyền đại diện Công ty triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Luật Doanh nghiệp. Trong trường hợp này, cổ đông hoặc nhóm cổ đông triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có thể đề nghị Cơ quan đăng ký kinh doanh giám sát trình tự, thủ tục triệu tập, tiến hành họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Tất cả chi phí cho việc triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông được Công ty hoàn lại. Chi phí này không bao gồm những chi phí do cổ đông chi tiêu khi tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, kể cả chi phí ăn ở và đi lại.
5. Thủ tục để tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 5 Điều 140 Luật Doanh nghiệp.

## **Điều 5. Nhân sự Đại hội đồng cổ đông**

*(Căn cứ quy định tại Điều 146 Luật doanh nghiệp và Khoản 2 Điều 20 Điều lệ công ty)*

### **1. Chủ tọa và Đoàn Chủ tọa:**

- a. Chủ tịch Hội đồng quản trị làm chủ tọa hoặc ủy quyền cho thành viên Hội đồng quản trị khác làm chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông do Hội đồng quản trị triệu tập. Trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên Hội đồng quản trị còn lại bầu một người trong số họ làm chủ tọa cuộc họp theo nguyên tắc đa số. Trường hợp không bầu được người làm chủ tọa, Trường Ban kiểm soát điều hành để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp trong số những người dự họp và người có phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp;
- b. Trừ trường hợp quy định tại điểm a khoản này, người ký tên triệu tập họp Đại hội đồng



cổ đông điều hành để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp và người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp;

c. Chủ tọa có quyền thực hiện các biện pháp cần thiết và hợp lý để điều hành cuộc họp một cách có trật tự, đúng theo chương trình đã được thông qua và phản ánh được mong muốn của đa số người dự họp.

d. Chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông có quyền sau đây:

- Yêu cầu tất cả người dự họp chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh hợp pháp, hợp lý khác;

- Yêu cầu cơ quan có thẩm quyền duy trì trật tự cuộc họp; trục xuất những người không tuân thủ quyền điều hành của chủ tọa, cố ý gây rối trật tự, ngăn cản tiến triển bình thường của cuộc họp hoặc không tuân thủ các yêu cầu về kiểm tra an ninh ra khỏi cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

e. Chủ tọa có quyền hoãn cuộc họp Đại hội đồng cổ đông đã có đủ số người đăng ký dự họp tối đa không quá ba (03) ngày làm việc kể từ ngày cuộc họp dự định khai mạc và chỉ được hoãn cuộc họp hoặc thay đổi địa điểm họp trong trường hợp sau đây:

- Địa điểm họp không có đủ chỗ ngồi thuận tiện cho tất cả người dự họp;
- Phương tiện thông tin tại địa điểm họp không bảo đảm cho cổ đông dự họp tham gia, thảo luận và biểu quyết;
- Có người dự họp cản trở, gây rối trật tự, có nguy cơ làm cho cuộc họp không được tiến hành một cách công bằng và hợp pháp.

f. Một số quyền và nghĩa vụ khác của Chủ tọa theo quy định của luật hiện hành.

g. Đoàn Chủ tọa gồm tối thiểu 01 người, bao gồm 01 Chủ tịch và các thành viên (nếu có).

h. Nhiệm vụ của Đoàn Chủ tọa:

- Điều hành các hoạt động của Đại hội đồng cổ đông Công ty theo chương trình dự kiến của HĐQT đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua;

- Hướng dẫn các đại biểu và Đại hội thảo luận các nội dung có trong chương trình;

- Trình dự thảo, kết luận những vấn đề cần thiết để Đại hội biểu quyết;

- Trả lời những vấn đề do Đại hội yêu cầu;

- Giải quyết các vấn đề phát sinh trong suốt quá trình Đại hội.

i. Nguyên tắc làm việc của Đoàn Chủ tọa: Đoàn Chủ tọa làm việc theo nguyên tắc tập thể, tập trung dân chủ, quyết định theo đa số.

2. Thư ký đại hội:

a. Chủ tọa cử một hoặc một số người làm thư ký cuộc họp;

b. Nhiệm vụ của Thư ký đại hội:

- Ghi chép đầy đủ, trung thực nội dung Đại hội;

- Tiếp nhận phiếu đăng ký phát biểu của cổ đông/Đại biểu;



- Lập Biên bản họp và soạn thảo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông;
- Hỗ trợ Chủ tọa công bố thông tin liên quan đến cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thông báo đến các Cổ đông theo đúng quy định pháp luật và Điều lệ công ty;

- Các nhiệm vụ khác theo yêu cầu của Chủ tọa.

**3. Ban kiểm phiếu:**

a. Đại hội đồng cổ đông bầu một hoặc một số người vào ban kiểm phiếu theo đề nghị của chủ tọa cuộc họp;

**b. Nhiệm vụ của Ban kiểm phiếu:**

- Phổ biến nguyên tắc, thể lệ, hướng dẫn cách thức biểu quyết.
- Kiểm và ghi nhận phiếu biểu quyết, lập biên bản kiểm phiếu, công bố kết quả; chuyên biên bản cho Chủ tọa phê chuẩn kết quả biểu quyết.
- Nhanh chóng thông báo kết quả biểu quyết cho thư ký.
- Xem xét và báo cáo Đại hội những trường hợp vi phạm thể lệ biểu quyết hoặc đơn thư khiếu nại về kết quả biểu quyết.

**4. Ban kiểm tra tư cách cổ đông/đại biểu:**

a. Người triệu tập đại hội cổ đông theo quy định tại Điều 140 Luật Doanh nghiệp cử một hoặc một số người làm trong Ban kiểm tra tư cách cổ đông/Đại biểu phục vụ cuộc họp. Ban kiểm tra tư cách đại biểu của Đại hội gồm tối thiểu 02 người, bao gồm 01 Trưởng Ban và tối thiểu 01 thành viên.

**b. Nhiệm vụ của Ban kiểm tra tư cách cổ đông/đại biểu:**

- Kiểm tra tư cách và tình hình cổ đông, đại diện cổ đông đến dự họp.
- Trưởng Ban kiểm tra tư cách đại biểu báo cáo với Đại hội đồng cổ đông tình hình cổ đông dự họp. Nếu cuộc họp có đủ số lượng cổ đông hoặc đại diện theo ủy quyền có quyền dự họp đại diện trên 50% tổng số phiếu biểu quyết thì cuộc họp Đại hội đồng cổ đông Công ty được tổ chức tiến hành.

- Tham gia kiểm phiếu các nội dung khác trước khi thành lập Ban kiểm phiếu.

**Điều 6. Lập Danh sách cổ đông có quyền dự họp và thông báo về việc chốt danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông**

*(Căn cứ quy định tại điểm a Khoản 2 Điều 18 Điều lệ công ty; Quy chế thực hiện quyền của VSDC)*

1. Công ty phải công bố thông tin về việc lập danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông tối thiểu hai mươi (20) ngày trước ngày đăng ký cuối cùng.

2. Công ty thực hiện thủ tục lập danh sách cổ đông và các thủ tục liên quan theo quy định tại Quy chế thực hiện quyền của Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam hoặc các Quy định khác của pháp luật (áp dụng khi Công ty không đăng ký chứng khoán tại VSDC).



## **Điều 7. Thông báo triệu tập Đại hội đồng cổ đông**

*(Căn cứ quy định tại Điều 143 Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14)*

1. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải gửi thông báo mời họp đến tất cả cổ đông trong danh sách cổ đông có quyền dự họp chậm nhất là hai mươi một (21) ngày trước ngày khai mạc *(tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ)*. Thông báo mời họp phải có tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp; tên, địa chỉ liên lạc của cổ đông, thời gian, địa điểm họp và những yêu cầu khác đối với người dự họp.

2. Thông báo mời họp được gửi bằng phương thức để bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của cổ đông và đăng trên trang thông tin điện tử của công ty.

3. Thông báo mời họp phải được gửi kèm theo các tài liệu sau đây:

a. Chương trình họp, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp và dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp;

b. Phiếu biểu quyết/bầu cử. Lưu ý, trong trường hợp mời họp Đại hội cổ đông bằng hình thức trực tuyến thì Phiếu biểu quyết/bầu cử không cần gửi kèm thông báo mời họp.

4. Trường hợp công ty có trang thông tin điện tử, việc gửi tài liệu họp kèm theo thông báo mời họp quy định tại khoản 3 Điều này có thể thay thế bằng việc đăng tải lên trang thông tin điện tử của Công ty. Trường hợp này, thông báo mời họp phải ghi rõ nơi, cách thức tải tài liệu.

## **Điều 8. Chương trình, nội dung Đại hội đồng cổ đông**

*(Căn cứ quy định tại Điều 142 Luật Doanh nghiệp và Điều 18 Điều lệ công ty)*

1. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải chuẩn bị chương trình, nội dung cuộc họp theo quy định tại Điều 18 Điều lệ công ty.

2. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông theo quy định tại khoản 2 Điều 12 Điều lệ công ty có quyền kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và phải được gửi đến Công ty chậm nhất **năm (05) ngày làm việc** trước ngày khai mạc cuộc họp. Kiến nghị phải ghi rõ tên cổ đông, số lượng từng loại cổ phần của cổ đông, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng và loại cổ phần cổ đông đó nắm giữ, và vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp.

3. Trường hợp người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông từ chối kiến nghị quy định tại khoản 2 Điều này thì chậm nhất là **hai (02) ngày làm việc** trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông chỉ được từ chối kiến nghị quy định tại Khoản 2 Điều này nếu thuộc một trong các trường hợp sau đây:

a. Kiến nghị được gửi đến không đúng quy định tại khoản 2 Điều này;

b. Vào thời điểm kiến nghị, cổ đông hoặc nhóm cổ đông không nắm giữ đủ từ 5% cổ phần



phổ thông trở lên theo quy định tại khoản 2 Điều 12 Điều lệ công ty;

c. Vấn đề kiến nghị không thuộc phạm vi thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông;

d. Nội dung, thông tin tại kiến nghị không phản ánh chính xác thông tin cổ đông được cổ đông cập nhật gần nhất cho Công ty;

e. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

4. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải chấp nhận và đưa kiến nghị quy định tại khoản 2 Điều này vào dự kiến chương trình và nội dung cuộc họp, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều này; kiến nghị được chính thức bổ sung vào chương trình và nội dung cuộc họp nếu được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận.

### **Điều 9. Cách thức đăng ký, ủy quyền tham dự Đại hội đồng cổ đông**

*(Căn cứ quy định tại Điều 144 Luật doanh nghiệp; Điều 16, Khoản 1, 2, 5 Điều 20 Điều lệ công ty)*

1. Cách thức đăng ký tham dự Đại hội đồng cổ đông trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông:

a. Cách thức đăng ký tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được quy định rõ tại Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông, bao gồm liên hệ Công ty hoặc gửi Giấy đăng ký tham dự Đại hội (được đính kèm Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông gửi cho cổ đông) về Công ty.

b. Cổ đông chọn hình thức đăng ký tham dự họp Đại hội đồng cổ đông theo cách thức đã ghi trong thông báo, bao gồm:

- Tham dự và biểu quyết/bầu cử trực tiếp tại cuộc họp;
- Ủy quyền cho một đại diện khác tham dự và biểu quyết/bầu cử tại cuộc họp và tuân thủ quy định tại Khoản 2 Điều này (trường hợp có nhiều hơn một đại diện được cử thì phải xác định cụ thể số cổ phần và số phiếu bầu cử/biểu quyết được ủy quyền cho mỗi đại diện).
- Tham dự và biểu quyết/bầu cử thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;
- Gửi phiếu biểu quyết/bầu cử đến cuộc họp thông qua gửi thư, fax, thư điện tử;
- Các hình thức đăng ký tham dự họp Đại hội đồng cổ đông khác phù hợp với quy định của Pháp luật.
- Công ty phải cố gắng tối đa trong việc áp dụng các công nghệ thông tin hiện đại để cổ đông có thể tham dự và phát biểu ý kiến tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông tốt nhất, bao gồm hướng dẫn cổ đông biểu quyết thông qua họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác theo quy định tại Điều 144 Luật doanh nghiệp và Điều lệ công ty.

2. Quy định về việc ủy quyền tham dự đại hội:

a. Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông thực hiện ủy quyền theo quy định tại Điều 16 Điều lệ công ty;



b. Việc ủy quyền cho cá nhân, tổ chức đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điểm a Khoản 2 Điều này phải lập thành văn bản. Văn bản ủy quyền được lập theo quy định của pháp luật về dân sự và phải nêu rõ tên cổ đông ủy quyền, tên cá nhân, tổ chức được ủy quyền, số lượng cổ phần được ủy quyền, nội dung ủy quyền, phạm vi ủy quyền, thời hạn ủy quyền, chữ ký, **ghi rõ họ tên (viết tay), đóng dấu (nếu là tổ chức)** của bên ủy quyền và bên được ủy quyền. Người được ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải nộp văn bản ủy quyền khi đăng ký dự họp.

c. Người được ủy quyền có thể ủy quyền lại cho người khác trong trường hợp có sự đồng ý bằng văn bản của cổ đông ủy quyền ban đầu. Văn bản này sẽ được người nhận ủy quyền lại xuất trình khi tham dự họp cùng với văn bản ủy quyền ban đầu của cổ đông. Người nhận ủy quyền lại không được ủy quyền cho người khác. Phiếu biểu quyết/Phiếu bầu cử của người được ủy quyền dự họp trong phạm vi được ủy quyền vẫn có hiệu lực khi xảy ra một trong các trường hợp sau đây:

- Người ủy quyền đã chết, bị hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự;
- Người ủy quyền đã hủy bỏ việc chỉ định ủy quyền;
- Người ủy quyền đã hủy bỏ thẩm quyền của người thực hiện việc ủy quyền.

Điều khoản này không áp dụng trong trường hợp Công ty nhận được thông báo về một trong các sự kiện trên trước giờ khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc trước khi cuộc họp được triệu tập lại.

## **Điều 10. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông**

*(Căn cứ quy định tại Điều 19 Điều lệ công ty)*

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện đại diện **trên 50%** tổng số phiếu biểu quyết.

2. Trường hợp cuộc họp lần thứ nhất không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 1 Điều này thì thông báo mời họp lần thứ hai được gửi trong thời hạn ba mươi (30) ngày, kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ hai được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện từ 33% tổng số phiếu biểu quyết trở lên.

3. Trường hợp cuộc họp lần thứ hai không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 2 Điều này thì thông báo mời họp lần thứ ba phải được gửi trong thời hạn ba mươi (30) ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ hai. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ ba được tiến hành không phụ thuộc vào tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp.

4. Theo đề nghị Chủ tọa cuộc họp, Đại hội đồng cổ đông có quyền quyết định thay đổi chương trình họp đã được gửi kèm theo thông báo mời họp theo quy định tại Điều 142 của Luật Doanh nghiệp.

## **Điều 11. Hình thức thông qua nghị quyết Đại hội đồng cổ đông**



(Căn cứ quy định tại Điều 147 Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14; Điều 22 Điều lệ công ty)

1. Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết thuộc thẩm quyền bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp:

- a. Cuộc họp trực tiếp
- b. Hội nghị trực tuyến
- c. Hội nghị trực tiếp kết hợp trực tuyến

2. Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết thuộc thẩm quyền bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản (Quy định tại Phần II – Chương này):

a. Gửi phiếu lấy ý kiến bằng gửi thư, fax hoặc thư điện tử

b. Gửi phiếu lấy ý kiến bằng bỏ phiếu điện tử

c. Gửi phiếu lấy ý kiến bằng gửi thư, fax hoặc thư điện tử kết hợp bỏ phiếu điện tử

**Điều 12. Các nội dung được thông qua tại Đại hội đồng cổ đông**

(Căn cứ quy định tại Điều 147 và Điều 167 Luật doanh nghiệp; Điều 15 Điều lệ công ty)

1. Thông qua định hướng phát triển của Công ty;
2. Xem xét, xử lý vi phạm của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát gây thiệt hại cho Công ty và cổ đông Công ty;
3. Kế hoạch kinh doanh hằng năm của Công ty;
4. Báo cáo tài chính hằng năm;
5. Báo cáo của Hội đồng quản trị về quản trị và kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị và từng thành viên Hội đồng quản trị;
6. Báo cáo của Ban kiểm soát về kết quả kinh doanh của Công ty, kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc;
7. Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban kiểm soát và thành viên Ban kiểm soát;
8. Quyết định loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại được quyền chào bán và việc chuyển nhượng cổ phần của thành viên sáng lập trong vòng ba (03) năm đầu tiên kể từ ngày thành lập; quyết định mức cổ tức hằng năm của từng loại cổ phần.
9. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát;
10. Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;
11. Quyết định sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty;
12. Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;
13. Quyết định tổ chức lại (chia, tách, hợp nhất, sáp nhập hoặc chuyển đổi Công ty), giải thể Công ty và chỉ định thành viên Ban thanh lý;
14. Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;



15. Phê duyệt, bổ sung, điều chỉnh Quy chế nội bộ về quản trị Công ty; Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị, Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát;

16. Phê duyệt danh sách Công ty kiểm toán được chấp thuận; quyết định Công ty kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra hoạt động của Công ty, bãi miễn kiểm toán viên được chấp thuận khi xét thấy cần thiết;

17. Quyết định số lượng thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;

18. Chấp thuận các hợp đồng, giao dịch giữa Công ty với người có liên quan được quy định tại khoản 1 Điều 167 Luật Doanh nghiệp với giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất;

19. Chấp thuận các giao dịch quy định tại khoản 4 Điều 293 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

20. Các vấn đề khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

### **Điều 13. Điều kiện để nghị quyết được thông qua**

*(Căn cứ quy định tại Điều 21 Điều lệ công ty)*

1. Nghị quyết về nội dung sau đây được thông qua nếu được số cổ đông đại diện từ 65% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông **tham dự** và biểu quyết tại cuộc họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại các khoản 3, 4 và 6 Điều 148 Luật Doanh nghiệp:

- a. Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;
- b. Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh;
- c. Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý công ty;
- d. Dự án đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty;
- e. Tổ chức lại, giải thể công ty;

2. Các Nghị quyết được thông qua khi được số cổ đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông **tham dự** và biểu quyết tại cuộc họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại các khoản 1 Điều này và khoản 3, 4 và 6 Điều 148 Luật Doanh nghiệp.

3. Các Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thông qua bằng 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự, thủ tục triệu tập họp và thông qua nghị quyết đó vi phạm quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.

### **Điều 14. Thông báo kết quả kiểm phiếu**

Ban kiểm phiếu sẽ kiểm tra và tổng hợp và báo cáo Chủ tọa kết quả kiểm của từng vấn đề. Kết quả kiểm phiếu sẽ được Chủ tọa/Ban kiểm phiếu công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp.

### **Điều 15. Cách thức phản đối quyết định của Đại hội đồng cổ đông**



*(Căn cứ quy định tại Điều 132, Điều 151 Luật doanh nghiệp)*

1. Cổ đông đã biểu quyết không thông qua nghị quyết về việc tổ chức lại công ty hoặc thay đổi quyền, nghĩa vụ của cổ đông quy định tại Điều lệ công ty có quyền yêu cầu công ty mua lại cổ phần của mình. Yêu cầu phải bằng văn bản, trong đó nêu rõ tên, địa chỉ của cổ đông, số lượng cổ phần từng loại, giá dự định bán, lý do yêu cầu công ty mua lại. Yêu cầu phải được gửi đến công ty trong thời hạn mười (10) ngày kể từ ngày Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết về các vấn đề quy định tại khoản này.

2. Công ty phải mua lại cổ phần theo yêu cầu của cổ đông quy định tại khoản 1 Điều này với giá thị trường hoặc giá được tính theo nguyên tắc quy định tại Điều lệ công ty trong thời hạn chín mươi (90) ngày kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trường hợp không thỏa thuận được về giá thì các bên có thể yêu cầu một tổ chức thẩm định giá định giá. Công ty giới thiệu ít nhất ba (03) tổ chức thẩm định giá để cổ đông lựa chọn và lựa chọn đó là quyết định cuối cùng.

3. Trong thời hạn chín mươi (90) ngày kể từ ngày nhận được nghị quyết hoặc biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông, cổ đông, nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 12 của Điều lệ Công ty có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ nghị quyết hoặc một phần nội dung nghị quyết Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:

a. Trình tự, thủ tục triệu tập họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông vi phạm nghiêm trọng quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 21 Điều lệ công ty. ;

b. Nội dung nghị quyết vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ công ty.

## **Điều 16. Lập Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông**

*(Căn cứ quy định tại Điều 22 Điều lệ công ty)*

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được ghi biên bản và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt, có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài và có các nội dung chủ yếu sau đây:

a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;

b. Thời gian và địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;

c. Chương trình họp và nội dung cuộc họp;

d. Họ, tên chủ tọa và thư ký;

e. Tóm tắt diễn biến cuộc họp và các ý kiến phát biểu tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông về từng vấn đề trong chương trình họp;

f. Số cổ đông và tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp, phụ lục danh sách đăng ký cổ đông, đại diện cổ đông dự họp với số cổ phần và số phiếu bầu tương ứng;

g. Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết, trong đó ghi rõ phương thức biểu quyết, tổng số phiếu hợp lệ, không hợp lệ, tán thành, không tán thành và không có ý kiến;

tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp;

h. Tổng hợp số phiếu bầu cử từng ứng viên (nếu có);

i. Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ phiếu biểu quyết thông qua tương ứng;

j. Họ, tên và chữ ký của chủ tọa và thư ký. Trường hợp chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp thì biên bản này có hiệu lực nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại khoản này. Biên bản họp ghi rõ việc chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp.

2. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được lập xong và thông qua trước khi kết thúc cuộc họp. Chủ tọa và thư ký cuộc họp hoặc người khác ký tên trong biên bản họp phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản.

3. Biên bản được lập bằng tiếng Việt và tiếng nước ngoài đều có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung giữa biên bản bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản bằng tiếng Việt được áp dụng.

### **Điều 17. Công bố Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông**

*(Căn cứ quy định tại Điều 22 Điều lệ công ty)*

1. Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp, văn bản ủy quyền tham dự họp, tất cả các tài liệu đính kèm Biên bản (nếu có) và tài liệu có liên quan kèm theo thông báo mời họp phải lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

2. Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và tài liệu kèm theo phải được công bố thông tin theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

## **MUC 2: QUY ĐỊNH RIÊNG VỚI TỪNG HÌNH THỨC HÌNH THỨC BIỂU QUYẾT TẠI CUỘC HỌP**

### **Mục 2.1: Quy định riêng với hình thức biểu quyết tại cuộc họp trực tiếp**

#### **Điều 18. Cách thức đăng ký tham dự Đại hội đồng cổ đông trực tiếp**

*(Căn cứ quy định tại Khoản 1 Điều 20 Điều lệ công ty)*

Trước khi khai mạc cuộc họp, Công ty phải tiến hành thủ tục đăng ký cổ đông và phải thực hiện việc đăng ký cho đến khi các cổ đông có quyền dự họp có mặt đăng ký hết theo trình tự sau:

a. Khi tiến hành đăng ký cổ đông, Công ty cấp cho từng cổ đông hoặc đại diện theo ủy quyền có quyền biểu quyết một thẻ biểu quyết/phiếu biểu quyết/phiếu bầu cử, trên đó ghi số đăng ký, họ và tên của cổ đông, họ và tên đại diện theo ủy quyền và số phiếu biểu quyết/phiếu bầu cử của cổ đông đó.

b. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương



trình. Việc biểu quyết được tiến hành bằng biểu quyết tán thành, không tán thành và không có ý kiến. Kết quả kiểm phiếu được Chủ tọa/Ban kiểm phiếu công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp. Đại hội bầu những người chịu trách nhiệm kiểm phiếu hoặc giám sát kiểm phiếu theo đề nghị của Chủ tọa. Số thành viên của ban kiểm phiếu do Đại hội đồng cổ đông quyết định căn cứ đề nghị của Chủ tọa cuộc họp;

c. Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức hoặc người được ủy quyền đến sau khi cuộc họp đã khai mạc có quyền đăng ký ngay và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết/bầu cử tại đại hội ngay sau khi đăng ký. Chủ tọa không có trách nhiệm dừng đại hội để cho cổ đông đến muộn đăng ký và hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết/bầu cử trước đó không thay đổi.

### **Điều 19. Biểu quyết thông qua các vấn đề tại Đại hội đồng cổ đông trực tiếp**

*(Căn cứ quy định tại Quy chế làm việc; Quy chế bầu cử tại Đại hội đồng cổ đông)*

#### **1. Nguyên tắc chung:**

a. Tất cả các vấn đề trong chương trình và nội dung họp của Đại hội đều phải được Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết công khai.

b. Thẻ biểu quyết, Phiếu biểu quyết và Phiếu bầu cử được Công ty in, đóng dấu treo và gửi trực tiếp cho đại biểu tại đại hội (kèm theo bộ tài liệu tham dự Đại hội đồng cổ đông). Mỗi đại biểu được cấp Thẻ biểu quyết /Phiếu biểu quyết/bầu cử. Trên Thẻ biểu quyết/ Phiếu biểu quyết/bầu cử có ghi rõ mã số đại biểu, họ tên, số cổ phần sở hữu và nhận ủy quyền được biểu quyết của đại biểu đó.

#### **2. Quy định về tính hợp lệ của phiếu biểu quyết và phiếu bầu cử**

##### **a. Thẻ biểu quyết :**

- **Thẻ biểu quyết hợp lệ:** là thẻ theo mẫu in sẵn do BTC phát ra, có đóng dấu treo của Công ty, không tẩy xóa, cạo sửa, rách, nát,... không viết thêm nội dung nào khác ngoài quy định cho Thẻ này.

- **Thẻ biểu quyết không hợp lệ:** Nội dung không đúng theo các quy định của Thẻ biểu quyết hợp lệ.

##### **b. Phiếu biểu quyết**

- **Phiếu biểu quyết hợp lệ:** là phiếu theo mẫu in sẵn do BTC phát ra, có đóng dấu treo của Công ty, không tẩy xóa, cạo sửa, rách, nát,... không viết thêm nội dung nào khác ngoài quy định cho phiếu này. Trường hợp bỏ phiếu trực tiếp/bỏ phiếu từ xa (thông qua gửi thư, fax, thư điện tử hoặc phương tiện khác theo quy định tại Điều lệ công ty) phải có chữ ký và ghi rõ họ tên (được viết tay) của đại biểu tham dự và gửi về cho Ban kiểm phiếu trước thời điểm kiểm phiếu. Trên phiếu biểu quyết, nội dung biểu quyết là hợp lệ khi đại biểu đánh dấu chọn một (01) trong ba (03) ô vuông biểu quyết.

- **Phiếu biểu quyết không hợp lệ:** Nội dung không đúng theo các quy định của Phiếu biểu

quyết hợp lệ.

c. Phiếu bầu cử

- **Phiếu bầu cử hợp lệ:** là phiếu bầu theo mẫu in sẵn do BTC phát ra, có đóng dấu treo của Công ty, không tẩy xóa, cạo sửa, rách, nát,... không viết thêm nội dung nào khác ngoài quy định cho phiếu này. Trường hợp bỏ phiếu trực tiếp/bỏ phiếu từ xa (thông qua gửi thư, fax, thư điện tử hoặc phương tiện khác theo quy định tại Điều lệ công ty) phải có chữ ký và ghi rõ họ tên (được viết tay) của đại biểu tham dự và gửi về cho Ban kiểm phiếu trước thời điểm kiểm phiếu.

- **Phiếu bầu cử không hợp lệ:**

- Nội dung không đúng theo các quy định của Phiếu bầu cử hợp lệ;
- Số ứng viên mà đại biểu bầu lớn hơn số lượng ứng viên cần bầu;
- Phiếu có tổng số phiếu bầu cho các ứng cử viên của cổ đông hoặc đại diện lớn hơn tổng số phiếu được phép bầu;
- Các quy định khác theo Quy chế bầu cử đại hội đồng cổ đông và Điều lệ Công ty quy định.

## **Điều 20. Cách thức bỏ phiếu biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông trực tiếp**

*(Căn cứ quy định tại Quy chế làm việc tại Đại hội đồng cổ đông)*

1. Nguyên tắc chung:

- Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình. Việc biểu quyết được tiến hành bằng hình thức giơ thẻ, bỏ phiếu trực tiếp, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác.

- Đại biểu thực hiện việc biểu quyết đề Tán thành, Không tán thành hoặc Không ý kiến một vấn đề được đưa ra biểu quyết tại Đại hội bằng cách giơ cao Thẻ biểu quyết hoặc điền các phương án lựa chọn trên Phiếu biểu quyết.

2. Các hình thức bỏ phiếu biểu quyết

a. Biểu quyết bằng thẻ biểu quyết: Khi biểu quyết bằng hình thức giơ cao Thẻ biểu quyết, mặt trước của Thẻ biểu quyết phải được giơ cao hướng về phía Đoàn Chủ tọa. Trường hợp đại biểu không giơ Thẻ biểu quyết trong cả ba lần biểu quyết Tán thành, Không tán thành hoặc Không ý kiến của một vấn đề thì được xem như biểu quyết tán thành vấn đề đó. Trường hợp đại biểu giơ cao Thẻ biểu quyết nhiều hơn một (01) lần khi biểu quyết Tán thành, Không tán thành hoặc Không ý kiến của một vấn đề thì được xem như biểu quyết không hợp lệ. Theo hình thức biểu quyết bằng giơ Thẻ biểu quyết, Thành viên Ban kiểm tra tư cách đại biểu/Ban kiểm phiếu đánh dấu mã đại biểu và số phiếu biểu quyết tương ứng của từng đại biểu Tán thành, Không tán thành, Không ý kiến và Không hợp lệ.

b. Biểu quyết bằng phiếu biểu quyết:

- Khi biểu quyết được tiến hành bằng hình thức bỏ phiếu trực tiếp: đối với từng nội dung, đại biểu chọn một trong ba phương án “Tán thành”, “Không tán thành”, “Không có ý



kiến” được in sẵn trong Phiếu biểu quyết bằng cách đánh dấu “X” hoặc “P” vào ô mình chọn và gửi Phiếu biểu quyết về cho Ban kiểm phiếu trước thời điểm kiểm phiếu. Phiếu biểu quyết phải có chữ ký và ghi rõ họ tên (được viết tay) của đại biểu.

- Khi biểu quyết được tiến hành bằng hình thức bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác: đối với từng nội dung, đại biểu chọn một trong ba phương án “Tán thành”, “Không tán thành”, “Không có ý kiến” được đưa ra biểu quyết tại Đại hội đã được cài đặt tại hệ thống bỏ phiếu điện tử. Sau đó, Đại biểu tiến hành xác nhận biểu quyết để hệ thống bỏ phiếu điện tử ghi nhận kết quả.

## **Điều 21. Cách thức bỏ phiếu bầu cử tại Đại hội đồng cổ đông trực tiếp**

*(Căn cứ quy định tại Quy chế bầu cử tại Đại hội đồng cổ đông)*

### **1. Nguyên tắc chung**

- Thực hiện đúng theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty;
- Việc bầu cử được tiến hành bằng hình thức bỏ phiếu trực tiếp, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác.

- Thành viên ban kiểm phiếu không được có tên trong danh sách đề cử, tự đề cử vào HĐQT và Ban kiểm soát.

### **2. Các hình thức bỏ phiếu bầu cử**

#### **a. Bầu cử theo phương thức bầu dồn phiếu**

- Mỗi đại biểu có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu, đại diện sở hữu nhân với số thành viên được bầu;

- Đại biểu tham dự có quyền dồn hết tổng số phiếu biểu quyết của mình cho một hoặc một số ứng cử viên;

- Trường hợp thay đổi ứng viên trong ngày diễn ra đại hội, Ban kiểm phiếu có trách nhiệm cấp lại phiếu bầu cử mới và thu lại phiếu cũ (nếu có) trước thời điểm kiểm phiếu;

- Trong trường hợp có sự lựa chọn nhầm lẫn, đại biểu liên hệ với Ban kiểm phiếu để được cấp lại phiếu bầu mới và phải nộp phiếu cũ;

- Cách ghi phiếu bầu cử: Mỗi đại biểu được phát các phiếu bầu. Cách ghi phiếu bầu cử được hướng dẫn cụ thể tại Quy chế bầu cử được thông qua tại Đại hội đồng cổ đông;

- Nguyên tắc trúng cử:

• Người trúng cử được xác định theo số phiếu được bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên cần bầu.

• Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng quản trị thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy định tại quy chế bầu cử được thông qua tại Đại hội đồng cổ đông hoặc Điều lệ công ty.

#### **b. Bầu cử theo phương thức biểu quyết: Thực hiện theo quy định tại Điểm b Khoản 2 Điều**

20 Quy chế này.

**Điều 22. Cách thức kiểm phiếu tại Đại hội đồng cổ đông trực tiếp**

*(Căn cứ quy định tại Quy chế làm việc tại Đại hội đồng cổ đông)*

**Cách thức kiểm phiếu được tiến hành như sau:**

- Tổng hợp thẻ/phiếu biểu quyết/bầu cử *(theo phương thức biểu quyết)* đối với từng vấn đề biểu quyết, tổng số phiếu hợp lệ, không hợp lệ, tán thành, không tán thành và không có ý kiến; tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp theo quy định tại Điều lệ Công ty;
- Tổng hợp phiếu bầu cử theo phương thức bầu dồn phiếu, tổng số phiếu hợp lệ, không hợp lệ, số phiếu bầu cho từng ứng cử viên và các nội dung khác theo quy định Điều lệ Công ty.

**Mục 2.2: Quy định riêng hình thức biểu quyết tại cuộc họp trực tuyến**

**Điều 23. Cách thức đăng ký tham dự Đại hội đồng cổ đông trực tuyến**

Cách thức đăng ký tham dự Đại hội đồng cổ đông trực tuyến trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được quy định rõ tại Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông, bao gồm:

1. Điều kiện tham gia:

- Có tên trong danh sách cổ đông (DSCĐ) có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập theo thông báo thực hiện quyền của Công ty.

- Đại diện ủy quyền đủ điều kiện tham dự theo quy định của pháp luật và điều lệ công ty.

2. Yêu cầu kỹ thuật: Đại biểu cần có thiết bị điện tử kết nối internet (ví dụ: máy tính, máy tính bảng, điện thoại di động, thiết bị điện tử khác có kết nối internet...).

3. Cách thức ghi nhận Đại biểu tham dự đại hội đồng cổ đông trực tuyến: Đại biểu được hệ thống bỏ phiếu điện tử ghi nhận là tham dự Đại hội đồng cổ đông trực tuyến khi Đại biểu thực hiện truy cập vào hệ thống bằng các thông tin truy cập đã được cung cấp theo quy định tại Điều 24 Quy chế này **và đã thực hiện xác nhận tham dự ĐHĐCĐ trực tuyến tại hệ thống bỏ phiếu điện tử.**

**Điều 24. Cung cấp thông tin đăng nhập và thực hiện bỏ phiếu điện tử**

1. Thông tin đường dẫn truy cập vào hệ thống bỏ phiếu điện tử, tên đăng nhập, mật khẩu truy cập và các yếu tố định danh khác (nếu có) nhằm tham dự Đại hội đồng cổ đông trực tuyến sẽ được cung cấp trong thông báo mời họp (hoặc hình thức thông báo thông tin đăng nhập do Hội đồng quản trị quy định). Đại biểu phải có trách nhiệm bảo mật tên đăng nhập, mật khẩu và các yếu tố định danh khác được cấp để đảm bảo chỉ có Đại biểu mới có quyền thực hiện việc bỏ phiếu trên hệ thống bỏ phiếu điện tử và chịu hoàn toàn trách nhiệm đối với các thông tin đã đăng ký.

**2.** Khi Đại biểu có yêu cầu cung cấp lại thông tin đăng nhập, Ban tổ chức Đại hội có thể



thông báo thông qua các hình thức: trực tiếp, gửi thư, thư điện tử, điện thoại hoặc hình thức khác do Hội đồng quản trị quy định. Việc cung cấp thông tin đăng nhập được thực hiện dựa trên thông tin cổ đông từ danh sách cổ đông do Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam lập theo thông báo thực hiện quyền tham dự ĐHĐCĐ của Công ty.

3. Đại biểu sử dụng tên đăng nhập, mật khẩu truy cập hoặc các yếu tố định danh khác (nếu có) truy cập vào hệ thống bỏ phiếu điện tử để xác nhận tham dự ĐHĐCĐ trực tuyến và thực hiện bỏ phiếu điện tử theo nội dung của Chương trình cuộc họp đại hội đồng cổ đông trực tuyến.

**Điều 25. Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến**

Khi thực hiện ủy quyền trực tuyến, cổ đông thực hiện ủy quyền theo quy định tại khoản 2 Điều 9 Quy chế này, trong đó cần lưu ý những quy định sau:

- Các cổ đông cần tuân thủ cung cấp đầy đủ các thông tin để thực hiện ủy quyền trực tuyến, đặc biệt cung cấp thông tin của bên nhận ủy quyền gồm: số điện thoại, số fax, thư điện tử hoặc địa chỉ liên lạc khác theo Điều lệ. Đây là cơ sở để cấp tên đăng nhập, mật khẩu truy cập và các yếu tố định danh khác (nếu có) đối với bên nhận ủy quyền.
- Giấy ủy quyền tham dự Đại hội đồng cổ đông trực tuyến phải có đầy đủ chữ ký, ghi rõ họ tên (được viết tay), đóng dấu (nếu là tổ chức) của bên ủy quyền và cả bên nhận ủy quyền. Giấy ủy quyền bản chính phải được gửi về trước lúc đại hội khai mạc chính thức. Trường hợp cổ đông chưa tham dự đại hội và đã tiến hành ủy quyền trực tuyến thì việc ủy quyền có hiệu lực khi Công ty nhận được Giấy ủy quyền bản chính gửi về cho đến khi bế mạc Đại hội.
- Cổ đông đã tham dự đại hội không được thực hiện ủy quyền cho người khác tham dự đại hội.
- Hủy bỏ ủy quyền đối với cổ đông đã ủy quyền trực tuyến: cổ đông gửi văn bản chính thức đề nghị hủy ủy quyền trực tuyến cho công ty trước lúc đại hội khai mạc chính thức. Trường hợp bên nhận ủy quyền đã tham dự Đại hội thì thời gian ghi nhận việc hủy ủy quyền có hiệu lực được tính theo thời gian Công ty nhận được văn bản chính thức đề nghị hủy ủy quyền trực tuyến, hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết/bầu cử trước đó không thay đổi.

**Điều 26. Thảo luận tại Đại hội đồng cổ đông trực tuyến**

**1. Nguyên tắc:**

- Việc thảo luận chỉ được thực hiện trong thời gian quy định và thuộc phạm vi các vấn đề trình bày trong nội dung chương trình Đại hội đồng cổ đông;
- Chỉ có Đại biểu mới được tham gia thảo luận;
- Đại biểu có ý kiến đăng ký nội dung thảo luận theo hình thức quy định cụ thể tại quy chế làm việc của đại hội;

- Ban Thư ký sẽ sắp xếp các nội dung câu hỏi của Đại biểu và chuyển lên cho Chủ tọa.

**2. Giải đáp ý kiến của các Đại biểu:**

- Trên cơ sở nội dung thảo luận của Đại biểu, Chủ tọa hoặc thành viên do Chủ tọa chỉ định sẽ giải đáp ý kiến của Đại biểu;

- Trường hợp do giới hạn về thời gian tổ chức, các câu hỏi chưa được trả lời trực tiếp tại Đại hội **sẽ được Công ty trả lời bằng các hình thức khác.**

### **Điều 27. Hình thức thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông trực tuyến**

Đại hội đồng cổ đông thông qua Nghị quyết thuộc thẩm quyền bằng hình thức bỏ phiếu điện tử.

### **Điều 28. Cách thức bỏ phiếu trực tuyến**

#### **1. Cách thức bỏ phiếu biểu quyết:**

- Đại biểu chọn lựa một trong ba phương án biểu quyết “Tán thành”, “Không tán thành” hoặc “Không có ý kiến” với mỗi vấn đề được đưa ra biểu quyết tại Đại hội đã được cài đặt tại hệ thống bỏ phiếu điện tử.

- Sau đó, Đại biểu tiến hành xác nhận biểu quyết để hệ thống bỏ phiếu điện tử ghi nhận kết quả.

#### **2. Cách thức bỏ phiếu bầu cử:**

- Bầu cử theo phương thức bầu dồn phiếu: Nếu điều lệ Công ty không có quy định khác việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu. **Theo đó, Đại biểu thực hiện việc bầu cử theo hướng dẫn tại Quy chế bầu cử trực tuyến được thông qua tại Đại hội đồng cổ đông.** Sau đó, Đại biểu tiến hành xác nhận bầu cử để hệ thống bỏ phiếu điện tử ghi nhận kết quả.

- Bầu cử theo phương thức biểu quyết (nếu có): Thực hiện theo quy định bỏ phiếu biểu quyết nêu tại Khoản 1 Điều này.

#### **3. Một số quy định khác khi thực hiện bỏ phiếu điện tử:**

- Trường hợp Đại biểu không thực hiện hết các vấn đề biểu quyết, bầu cử theo nội dung chương trình Đại hội thì các vấn đề chưa được biểu quyết, bầu cử được xem như Đại biểu không tiến hành bỏ phiếu biểu quyết, bầu cử vấn đề đó.

- Trong trường hợp phát sinh các vấn đề ngoài chương trình đại hội đã gửi, Đại biểu có thể biểu quyết, bầu cử bổ sung. Nếu Đại biểu không thực hiện biểu quyết, bầu cử với những vấn đề phát sinh thì xem như Đại biểu không tiến hành bỏ phiếu biểu quyết, bầu cử vấn đề phát sinh đó.

- Đại biểu có thể thay đổi kết quả biểu quyết, bầu cử (nhưng không thể hủy kết quả biểu quyết, bầu cử); bao gồm cả kết quả biểu quyết, bầu cử bổ sung những vấn đề phát sinh ngoài chương trình Đại hội. Hệ thống trực tuyến chỉ ghi nhận kiểm phiếu đối với kết quả biểu quyết, bầu cử cuối cùng tại thời điểm kết thúc bỏ phiếu điện tử của từng đợt kiểm phiếu được quy định trong quy chế làm việc của đại hội.



- Trong trường hợp bầu dồn phiếu, phiếu bầu không hợp lệ là phiếu có tổng số phiếu bầu cho các ứng cử viên lớn hơn tổng số phiếu bầu của Đại biểu đại diện được tính tại thời gian kiểm phiếu bầu cử hoặc các quy định khác theo hướng dẫn của Quy chế bầu cử trực tuyến được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

- Thời gian bỏ phiếu điện tử được quy định cụ thể trong quy chế làm việc tại đại hội. Trong thời gian này, Đại biểu có thể truy cập hệ thống bỏ phiếu điện tử và thực hiện bỏ phiếu hai mươi bốn (24) giờ trong ngày và bảy (07) ngày trong tuần trừ trường hợp bảo trì hệ thống hoặc lý do khác nằm ngoài tầm kiểm soát của Công ty. Kết thúc thời gian bỏ phiếu, hệ thống không ghi nhận thêm kết quả bỏ phiếu điện tử từ Đại biểu.

### **Điều 29. Cách thức kiểm phiếu trực tuyến**

Khi Đại biểu thực hiện biểu quyết/bầu cử, số phiếu biểu quyết/ bầu cử đều được ghi nhận trên hệ thống bỏ phiếu điện tử. Căn cứ kết quả biểu quyết/bầu cử theo hình thức bỏ phiếu điện tử, Ban kiểm phiếu tổng hợp kết quả biểu quyết/bầu cử theo nguyên tắc sau:

- Tổng hợp phiếu biểu quyết/bầu cử (theo phương thức biểu quyết) đối với từng vấn đề biểu quyết, tổng số phiếu hợp lệ, không hợp lệ, tán thành, không tán thành và không có ý kiến; tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp theo quy định tại Điều lệ Công ty;

- Tổng hợp phiếu bầu cử theo phương thức bầu dồn phiếu, tổng số phiếu hợp lệ, không hợp lệ, số phiếu bầu cho từng ứng cử viên và các nội dung khác theo quy định Điều lệ Công ty.

### **Điều 30. Lập biên bản họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến**

- Thực hiện theo quy định tại Điều 16 Quy chế này.

- Địa điểm tổ chức được ghi trong biên bản Đại hội cổ đông trực tuyến là địa điểm Chủ tọa Đại hội có mặt để điều khiển Đại hội. Địa điểm này phải trên lãnh thổ Việt Nam.

- Hình thức thông qua biên bản họp Đại hội đồng cổ đông được quy định cụ thể tại Quy chế làm việc của công ty tại kỳ họp Đại hội đồng cổ đông.

### ***Mục 2.3: Quy định riêng hình thức biểu quyết tại cuộc họp trực tiếp kết hợp trực tuyến***

### **Điều 31. Cách thức đăng ký tham dự Đại hội đồng cổ đông trực tiếp kết hợp trực tuyến**

Thực hiện theo quy định tại Khoản 1 Điều 9 và Điều 23 Quy chế này.

### **Điều 32. Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông trực tiếp kết hợp trực tuyến**

Thực hiện theo quy định tại Khoản 2 Điều 9 và Điều 25 Quy chế này.

### **Điều 33. Hình thức thông qua nghị quyết tại Đại hội đồng cổ đông trực tiếp kết hợp trực tuyến**

Thực hiện theo quy định tại Điều 11 và Điều 27 Quy chế này.

**Điều 34. Cách thức bỏ phiếu tại Đại hội đồng cổ đông trực tiếp kết hợp trực tuyến**

Thực hiện theo quy định tại Điều 20, Điều 21 và Điều 28 Quy chế này.

**Điều 35. Cách thức kiểm phiếu tại Đại hội đồng cổ đông trực tiếp kết hợp trực tuyến**

Thực hiện theo quy định tại Điều 22 và Điều 29 Quy chế này.

**Điều 36. Lập biên bản họp tại Đại hội đồng cổ đông trực tiếp kết hợp trực tuyến**

Thực hiện theo quy định tại Điều 16 và Điều 30 Quy chế này.

**II. QUY ĐỊNH ĐỐI VỚI ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THÔNG QUA NGHỊ QUYẾT BẰNG HÌNH THỨC LẤY Ý KIẾN BẰNG VĂN BẢN**

**Điều 37. Trường hợp được lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản**

*(Căn cứ quy định tại Điều 23 Điều lệ công ty)*

Các nội dung sau đây có thể được thông qua bằng hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản:

1. Sửa đổi, bổ sung các nội dung của Điều lệ Công ty;
2. Phê duyệt, bổ sung, điều chỉnh Quy chế nội bộ về quản trị Công ty, Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Quy chế hoạt động Ban kiểm soát;
3. Định hướng phát triển Công ty;
4. Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;
5. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát;
6. **Quyết định** đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;
7. Thông qua báo cáo tài chính hằng năm.
8. Tổ chức lại, giải thể Công ty.
9. Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh;
10. Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý Công ty;
11. Các vấn đề khác khi Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty.

**Điều 38. Trường hợp không được lấy ý kiến bằng văn bản**

HĐQT được lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản trong tất cả trường hợp khi xét thấy cần thiết trừ việc tổ chức Đại hội cổ đông thường niên.

**Điều 39. Trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông thông qua Nghị quyết bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản**

*(Căn cứ quy định tại điểm a Khoản 2 Điều 18; Điều 22, 24 Điều lệ công ty)*

1. Công ty phải công bố thông tin về việc lập danh sách cổ đông gửi phiếu lấy ý kiến tới



thiếu mười (10) ngày trước ngày đăng ký cuối cùng.

2. Hội đồng quản trị phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết và gửi đến tất cả cổ đông có quyền biểu quyết chậm nhất mười (10) ngày trước thời hạn phải gửi lại phiếu lấy ý kiến. Yêu cầu và cách thức gửi phiếu lấy ý kiến và tài liệu kèm theo được thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 18 Điều lệ Công ty.

3. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

- Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;

- Mục đích lấy ý kiến;

- Họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức hoặc họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với đại diện của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết/ **phiếu bầu cử** của cổ đông;

- Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định;

- Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề lấy ý kiến;

- Phương án bầu cử (nếu có);

- Thời hạn phải gửi về Công ty phiếu lấy ý kiến đã được trả lời;

- Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị.

4. Hình thức gửi phiếu lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản

a. Cổ đông gửi phiếu lấy ý kiến đã trả lời đến Công ty bằng hình thức gửi thư, fax hoặc thư điện tử:

- Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có đầy đủ chữ ký, ghi rõ họ tên (viết tay), đóng dấu (nếu là tổ chức) của cổ đông.

- Trường hợp gửi thư, phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu. Trường hợp gửi fax hoặc thư điện tử, phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được giữ bí mật đến thời điểm kiểm phiếu.

- Các phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở trong trường hợp gửi thư và bị tiết lộ trong trường hợp gửi fax, thư điện tử là không hợp lệ. Phiếu lấy ý kiến không được gửi về được coi là phiếu không tham gia biểu quyết.

b. Cổ đông gửi phiếu lấy ý kiến bằng bỏ phiếu điện tử

i. Cung cấp tài khoản truy cập

- Thông tin tài khoản truy cập được Công ty thông báo cho đại biểu kèm theo Phiếu lấy ý kiến cổ đông qua hình thức gửi thư đảm bảo.

- Khi Đại biểu có yêu cầu cung cấp lại thông tin truy cập, Công ty có thể thông báo qua các hình thức: trực tiếp, gửi thư, thư điện tử, điện thoại hoặc hình thức khác do Hội đồng quản trị quy định. Việc cung cấp thông tin truy cập được thực hiện dựa trên thông tin từ danh sách cổ đông do Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam lập theo thông báo thực hiện quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản của Công ty.
- ii. Thực hiện bỏ phiếu điện tử
  - Nguyên tắc thực hiện
  - Đại biểu chỉ có thể thực hiện việc bỏ phiếu trên hệ thống bỏ phiếu điện tử kể từ khi nhận được Phiếu lấy ý kiến cổ đông cho đến thời hạn phải gửi lại phiếu lấy ý kiến theo thông báo của Công ty.
  - Trong thời gian bỏ phiếu theo thông báo của Công ty, Đại biểu có thể truy cập hệ thống bỏ phiếu điện tử và thực hiện bỏ phiếu 24 giờ trong ngày và 07 ngày trong tuần trừ trường hợp bảo trì hệ thống hoặc lý do khác nằm ngoài tầm kiểm soát của Công ty.
  - Trong thời gian bỏ phiếu đã thông báo của Công ty, Đại biểu có thể thay đổi lại quyết định bỏ phiếu của mình trên hệ thống bỏ phiếu điện tử. Kết thúc thời gian bỏ phiếu theo thông báo của Công ty, Đại biểu không được thay đổi kết quả bỏ phiếu của mình và kết quả cuối cùng này sẽ được Công ty kiểm phiếu và công bố thông tin.
  - Cách thức thực hiện
  - Đại biểu sử dụng tài khoản truy cập do Công ty cấp để truy cập trực tiếp vào hệ thống bỏ phiếu điện tử để xem các thông tin liên quan đến đợt bỏ phiếu đã được đăng tải trên hệ thống và thực hiện quyết định bỏ phiếu theo từng nội dung biểu quyết/bầu cử cần lấy ý kiến cổ đông.
- c. Cổ đông gửi phiếu lấy ý kiến đã trả lời đến Công ty bằng hình thức gửi thư, fax hoặc thư điện tử kết hợp gửi phiếu lấy ý kiến bằng bỏ phiếu điện tử.

Thực hiện theo quy định tại điểm a, b khoản 3 Điều này.

#### 4. Kiểm phiếu và lập Biên bản kiểm phiếu:

Hội đồng quản trị tổ chức kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của Ban kiểm soát hoặc của cổ đông không nắm giữ chức vụ quản lý Công ty. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

- Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
- Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua nghị quyết;
- Số cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết/bầu cử đã tham gia biểu quyết/bầu cử, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết/bầu cử hợp lệ và số biểu quyết/bầu cử không hợp lệ và phương thức gửi phiếu biểu quyết/bầu cử, kèm theo phụ lục danh sách cổ đông tham gia biểu quyết/bầu cử;
- Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề, tổng số phiếu bầu cử từng ứng viên (nếu có);



- Vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;

- Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu.

Các thành viên Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác.

**5. Nghị quyết và Biên bản kiểm phiếu:**

a. Biên bản kiểm phiếu và nghị quyết phải được gửi đến các cổ đông trong thời hạn mười lăm (15) ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu. Việc gửi biên bản kiểm phiếu và nghị quyết có thể thay thế bằng việc đăng tải trên trang thông tin điện tử của Công ty trong thời hạn hai mươi bốn (24) giờ, kể từ thời điểm kết thúc kiểm phiếu.

b. Nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản có giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

6. Lưu tài liệu: Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến đều phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

7. Yêu cầu hủy bỏ Quyết định của Đại hội đồng cổ đông thông qua hình thức lấy ý kiến bằng văn bản: Trong thời hạn chín mươi (90) ngày kể từ ngày nhận được nghị quyết hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 12 Điều lệ công ty có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ nghị quyết hoặc một phần nội dung nghị quyết Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:

a. Trình tự, thủ tục triệu tập họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông vi phạm nghiêm trọng quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 21 Điều lệ công ty.

b. Nội dung nghị quyết vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ công ty.

### **Chương III: HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

#### **MỤC 1: QUY ĐỊNH CHUNG**

**Điều 40. Vai trò, Quyền và nghĩa vụ của HĐQT**

*(Căn cứ quy định tại Điều 278, 297 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP)*

HĐQT phải tuân thủ đầy đủ trách nhiệm và nghĩa vụ theo quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ công ty, ngoài ra HĐQT có các trách nhiệm và nghĩa vụ sau:

1. Chịu trách nhiệm trước cổ đông về hoạt động của công ty;

2. Đối xử bình đẳng đối với tất cả cổ đông và tôn trọng lợi ích của người có quyền lợi liên quan đến công ty;
3. Đảm bảo hoạt động của công ty tuân thủ các quy định của pháp luật, Điều lệ và quy định nội bộ của công ty;
4. Xây dựng Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị trình Đại hội đồng cổ đông thông qua và công bố trên trang thông tin điện tử của công ty;
5. Giám sát và ngăn ngừa xung đột lợi ích của các thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc và người quản lý khác, bao gồm việc sử dụng tài sản công ty sai mục đích và lạm dụng các giao dịch với bên liên quan;
6. Xây dựng Quy chế nội bộ về quản trị công ty và trình Đại hội đồng cổ đông thông qua theo quy định tại Điều 270 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
7. Bổ nhiệm Người phụ trách quản trị công ty;
8. Tổ chức đào tạo, tập huấn về quản trị công ty và các kỹ năng cần thiết cho thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và người quản lý khác của công ty;
9. Báo cáo hoạt động của HĐQT tại Đại hội đồng cổ đông theo quy định của pháp luật hiện hành.
10. Báo cáo về tình hình quản trị công ty tại kỳ họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và công bố thông tin trong Báo cáo thường niên của công ty theo quy định của pháp luật chứng khoán về công bố thông tin.
11. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định Điều lệ Công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty.

**Điều 41. Quyền và nghĩa vụ, trách nhiệm của thành viên HĐQT**

*(Căn cứ quy định tại Điều 277 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP)*

1. Thành viên Hội đồng quản trị có đầy đủ các quyền theo quy định của Luật Chứng khoán, pháp luật liên quan và Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty trong đó có quyền được cung cấp các thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của công ty và của các đơn vị trong công ty. **Quy trình cung cấp thông tin theo quy định tại Phụ lục Quy chế này.** Người được cung cấp thông tin có trách nhiệm bảo mật thông tin được cung cấp, sử dụng đúng mục đích cho công việc được giao.
2. Thành viên Hội đồng quản trị có nghĩa vụ theo quy định tại Điều lệ công ty và các nghĩa vụ sau:
  - a. Thực hiện các nhiệm vụ của mình một cách trung thực, cẩn trọng vì lợi ích cao nhất của cổ đông và của công ty;
  - b. Tham dự đầy đủ các cuộc họp của Hội đồng quản trị và có ý kiến về các vấn đề được đưa ra thảo luận;



c. Báo cáo kịp thời, đầy đủ với Hội đồng quản trị các khoản thù lao nhận được từ các Công ty con, công ty liên kết và các tổ chức khác;

d. Báo cáo Hội đồng quản trị tại cuộc họp gần nhất các giao dịch giữa công ty, công ty con, công ty do công ty đại chúng nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với thành viên Hội đồng quản trị và những người có liên quan của thành viên đó; giao dịch giữa công ty với công ty trong đó thành viên Hội đồng quản trị là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian ba (03) năm gần nhất trước thời điểm giao dịch;

e. Thực hiện công bố thông tin khi thực hiện giao dịch cổ phiếu của công ty theo quy định của pháp luật.

## **MỤC 2: QUY ĐỊNH VỀ ĐỀ CỬ, ỨNG CỬ, BẦU, MIỄN NHIỆM VÀ BÃI NHIỆM THÀNH VIÊN HĐQT**

### **Điều 42. Số lượng, nhiệm kỳ và cơ cấu thành viên Hội đồng quản trị HĐQT**

*(Căn cứ quy định tại Điều 26 Điều lệ công ty)*

1. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị từ ba (03) đến năm (05) người.

2. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá năm (05) năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. **Một cá nhân chỉ được bầu làm thành viên độc lập Hội đồng quản trị của Công ty không quá 02 nhiệm kỳ liên tục.** Trường hợp tất cả thành viên Hội đồng quản trị cùng kết thúc nhiệm kỳ thì các thành viên đó tiếp tục là thành viên Hội đồng quản trị cho đến khi có thành viên mới được bầu thay thế và tiếp quản công việc.

3. Cơ cấu thành viên HĐQT như sau:

a. Cơ cấu Hội đồng quản trị của công ty phải đảm bảo tối thiểu 1/3 tổng số thành viên Hội đồng quản trị là thành viên không điều hành. Công ty hạn chế tối đa thành viên Hội đồng quản trị kiêm nhiệm chức danh điều hành của Công ty để đảm bảo tính độc lập của Hội đồng quản trị. Trường hợp Công ty là công ty niêm yết thì số thành viên độc lập Hội đồng quản trị phải đảm bảo có tối thiểu 01 thành viên độc lập.



b. Việc bổ nhiệm thành viên Hội đồng quản trị phải được công bố thông tin theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

c. Thành viên Hội đồng quản trị không nhất thiết phải là cổ đông của Công ty.

### **Điều 43. Tiêu chuẩn và điều kiện Thành viên HĐQT**

*(Căn cứ quy định tại Khoản 1, Khoản 2 Điều 155 Luật doanh nghiệp, Điều 275 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP, Điều 25 Điều lệ công ty)*

1. Thành viên Hội đồng quản trị phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

a) Không thuộc đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 17 Luật Doanh nghiệp;

b) Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản lý kinh doanh hoặc trong lĩnh vực, ngành, nghề kinh doanh của Công ty và không nhất thiết phải là cổ đông của Công ty;

c) Thành viên Hội đồng quản trị có thể đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị của công ty khác và chỉ được đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị tại tối đa năm (05) công ty khác;

d) Không phải là người có quan hệ gia đình của Tổng giám đốc và người quản lý khác của Công ty; của người quản lý, người có thẩm quyền bổ nhiệm người quản lý của công ty mẹ.

2. Thành viên độc lập Hội đồng quản trị phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

a) Không phải là người đang làm việc cho Công ty, công ty mẹ hoặc công ty con của Công ty; không phải là người đã từng làm việc cho Công ty, công ty mẹ hoặc công ty con của Công ty ít nhất 03 năm liền kể trước đó;

b) Không phải là người đang hưởng lương, thù lao từ Công ty, trừ các khoản phụ cấp mà thành viên Hội đồng quản trị được hưởng theo quy định;

c) Không phải là người có vợ hoặc chồng, bố đẻ, bố nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột là cổ đông lớn của Công ty; là người quản lý của Công ty hoặc công ty con của Công ty;

d) Không phải là người trực tiếp hoặc gián tiếp sở hữu ít nhất 01% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty;

e) Không phải là người đã từng làm thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát của Công ty ít nhất trong 05 năm liền trước đó, trừ trường hợp được bổ nhiệm liên tục 02 nhiệm kỳ.

#### **Điều 44. Đề cử, ứng cử thành viên Hội đồng quản trị**

*(Căn cứ quy định tại Điều 274 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP; Khoản 2,3 Điều 25 Điều lệ công ty)*

1. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu **từ 10%** tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử ứng cử viên Hội đồng quản trị theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty. **Các cổ đông nắm giữ cổ phần phổ thông có quyền gộp số quyền biểu quyết để đề cử các ứng cử viên Hội đồng quản trị. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% đến 20% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng cử viên; từ trên 20% đến 30% được đề cử tối đa hai (02) ứng cử viên; từ trên 30% đến 40% được đề cử tối đa ba (03) ứng cử viên; từ trên 40% đến 50% được đề cử tối đa bốn (04) ứng cử viên; từ trên 50% trở lên được đề cử tối đa năm (05) ứng cử viên trở lên. Văn bản đề cử ứng cử viên ghi rõ tên cổ đông hoặc nhóm cổ đông, số lượng từng loại cổ phần của cổ đông hoặc nhóm cổ đông tại thời điểm đề cử ứng cử viên Hội đồng quản trị và các thông tin liên quan đến ứng cử viên (hồ sơ ứng cử viên) theo quy định tại Điều 25 Điều lệ công ty**





2. Trường hợp số lượng ứng cử viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử không đủ số lượng cần thiết theo quy định tại khoản 5 Điều 115 Luật Doanh nghiệp, Hội đồng quản trị đương nhiệm phải đề cử thêm ứng cử viên đảm bảo đủ số lượng cần thiết theo quy định. Việc Hội đồng quản trị đương nhiệm đề cử thêm ứng cử viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật.

**Điều 45. Cách thức bầu thành viên HĐQT**

*(Căn cứ quy định tại Khoản 3 Điều 148 Luật doanh nghiệp, Khoản 3 Điều 21 Điều lệ công ty)*

1. Việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên Hội đồng quản trị được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng quản trị thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy định tại quy chế bầu cử hoặc Điều lệ công ty.

2. .

**Điều 46. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế và bổ sung thành viên Hội đồng quản trị**

*(Căn cứ Điều 160 Luật doanh nghiệp, Điều 26 Điều lệ Công ty)*

1. Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

a. Không có đủ tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 155 của Luật Doanh nghiệp. Trong trường hợp này, thành viên Hội đồng quản trị phải thông báo với Hội đồng quản trị về việc không còn đáp ứng đủ điều kiện theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều này và đương nhiên không còn là thành viên Hội đồng quản trị kể từ ngày không đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều kiện

b. Có đơn từ chức và được chấp thuận;

c. Trường hợp khác quy định tại Điều lệ công ty.

2. Đại hội đồng cổ đông bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

a. Không tham gia các hoạt động của Hội đồng quản trị trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;

b. Trường hợp khác quy định tại Điều lệ công ty.

3. Khi xét thấy cần thiết, Đại hội đồng cổ đông quyết định thay thế thành viên Hội đồng quản trị; miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị ngoài trường hợp quy định tại

khoản 1 và khoản 2 Điều này.

4. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông để bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

a. Số thành viên Hội đồng quản trị bị giảm quá một phần ba (1/3) so với số quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp này, Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn sáu mươi (60) ngày kể từ ngày số thành viên bị giảm quá một phần ba;

b. Số lượng thành viên độc lập Hội đồng quản trị giảm xuống, không bảo đảm tỷ lệ theo quy định.

**Điều 47. Trường hợp khác, tại cuộc họp gần nhất, Đại hội đồng cổ đông bầu thành viên mới thay thế thành viên Hội đồng quản trị đã bị miễn nhiệm, bãi nhiệm. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị**

Sau khi có quyết định bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên HĐQT, Công ty có trách nhiệm công bố thông tin trong nội bộ Công ty và cho các cơ quan hữu quan, trên các phương tiện thông tin đại chúng, trên trang website của Công ty theo trình tự và quy định của Luật hiện hành.

**Điều 48. Cách thức giới thiệu ứng viên thành viên Hội đồng quản trị**

**(Căn cứ quy định tại Điều 274 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP; Khoản 1 Điều 25 Điều lệ công ty)**

Trường hợp đã xác định được ứng cử viên Hội đồng quản trị **theo quy định tại khoản 1 Điều 44 Quy chế này**, công ty phải công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên tối thiểu mười (10) ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu, ứng cử viên Hội đồng quản trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của công ty nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị. Thông tin liên quan đến ứng cử viên Hội đồng quản trị được công bố bao gồm:

- a. Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;
- b. Trình độ chuyên môn;
- c. Quá trình công tác;
- d. Các chức danh quản lý khác (bao gồm cả chức danh Hội đồng quản trị của công ty khác);
- e. Lợi ích có liên quan tới công ty và các bên có liên quan của công ty;
- f. Các thông tin khác (nếu có) theo quy định tại Điều lệ công ty.

Công ty phải có trách nhiệm công bố thông tin về các công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị, các chức danh quản lý khác và các lợi ích có liên quan tới công ty của ứng cử viên Hội đồng quản trị (nếu có).



**Điều 49. Bầu, bãi nhiệm, miễn nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị**

*(Căn cứ quy định tại Điều 29 Điều lệ công ty)*

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị do Hội đồng quản trị bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm trong số các thành viên Hội đồng quản trị.
2. Chủ tịch Hội đồng quản trị không được kiêm Tổng Giám đốc.
3. Chủ tịch Hội đồng quản trị có quyền và nghĩa vụ sau đây:
  - a. Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị;
  - b. Chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ cuộc họp; triệu tập, chủ trì và làm chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị;
  - c. Tổ chức việc thông qua nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;
  - d. Giám sát quá trình tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;
  - e. Chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;
  - f. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.
4. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị có đơn từ chức hoặc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm, Hội đồng quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn mười (10) ngày kể từ ngày nhận đơn từ chức hoặc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm.
5. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt hoặc không thể thực hiện được nhiệm vụ của mình thì phải ủy quyền bằng văn bản cho một thành viên khác thực hiện quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị. Trường hợp không có người được ủy quyền hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị chết, mất tích, bị tạm giam, đang chấp hành hình phạt tù, đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc, trốn khỏi nơi cư trú, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự, có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi, bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định thì các thành viên còn lại bầu một người trong số các thành viên giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số thành viên còn lại tán thành cho đến khi có quyết định mới của Hội đồng quản trị.

**MỤC 3: THÙ LAO, LƯƠNG THƯỞNG VÀ LỢI ÍCH KHÁC CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

**Điều 50. Thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị**

*(Căn cứ quy định tại Điều 28 Điều lệ công ty)*

1. Công ty có quyền trả thù lao, thưởng cho thành viên Hội đồng quản trị theo kết quả và hiệu quả kinh doanh.
2. Thành viên Hội đồng quản trị được hưởng thù lao công việc và thưởng. Thù lao công việc được tính theo số ngày công cần thiết hoàn thành nhiệm vụ của thành viên Hội đồng quản trị và mức thù lao mỗi ngày. Hội đồng quản trị dự tính mức thù lao cho từng thành viên theo

nguyên tắc nhất trí. Tổng mức thù lao và thưởng của Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định tại cuộc họp thường niên.

3. Thù lao của từng thành viên Hội đồng quản trị được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.

4. Thành viên Hội đồng quản trị nắm giữ chức vụ điều hành hoặc thành viên Hội đồng quản trị làm việc tại các tiểu ban của Hội đồng quản trị hoặc thực hiện những công việc khác ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên Hội đồng quản trị, có thể được trả thêm thù lao dưới dạng một khoản tiền công trọn gói theo từng lần, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của Hội đồng quản trị.

5. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn, ở và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên Hội đồng quản trị của mình, bao gồm cả các chi phí phát sinh trong việc tới tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị hoặc các tiểu ban của Hội đồng quản trị.

6. Thành viên Hội đồng quản trị có thể được Công ty mua bảo hiểm trách nhiệm sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông. Bảo hiểm này không bao gồm bảo hiểm cho những trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị liên quan đến việc vi phạm pháp luật và Điều lệ công ty.

## **MUC 4: QUY ĐỊNH VỀ TRÌNH TỰ VÀ THỦ TỤC TỔ CHỨC HỌP HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

### **Điều 51. Số lượng cuộc họp tối thiểu theo tháng/quý/năm**

*(Căn cứ quy định tại Điều 157 Luật doanh nghiệp; Điều 30 Điều lệ công ty)*

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị được bầu trong cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất triệu tập và chủ trì. Trường hợp có nhiều hơn một thành viên có số phiếu bầu hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên bầu theo nguyên tắc đa số để chọn 01 người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị.

2. Hội đồng quản trị họp ít nhất mỗi quý một lần và có thể họp bất thường.

### **Điều 52. Các trường hợp phải triệu tập họp Hội đồng quản trị bất thường**

*(Căn cứ quy định tại Điều 157 Luật doanh nghiệp; Điều 30 Điều lệ công ty)*

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:
  - a. Có đề nghị của Ban kiểm soát;



- b. Có đề nghị của Tổng Giám đốc hoặc ít nhất năm (05) người quản lý khác;
- c. Có đề nghị của ít nhất 02 thành viên Hội đồng quản trị;
- d. Các trường hợp khác **khi xét thấy cần thiết** theo quy định tại Điều lệ công ty.

2. Đề nghị quy định tại khoản 1 Điều này phải được lập thành văn bản, trong đó nêu rõ mục đích, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị.

3. **Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 (bảy) ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị quy định tại khoản 1 Điều này .. Trường hợp không triệu tập họp Hội đồng quản trị theo đề nghị thì Chủ tịch Hội đồng quản trị phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công ty; người đề nghị có quyền thay thế Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị, quy trình triệu tập tương tự như Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập theo đề nghị.**

### **Điều 53. Thông báo họp Hội đồng quản trị và quyền dự họp Hội đồng quản trị của thành viên Ban kiểm soát**

*(Căn cứ quy định tại Điều 157 Luật doanh nghiệp; Điều 30 Điều lệ công ty)*

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập họp Hội đồng quản trị phải gửi thông báo mời họp chậm nhất là ba (03) ngày làm việc trước ngày họp. Thông báo mời họp phải xác định cụ thể thời gian và địa điểm họp, **hình thức họp**, chương trình, các vấn đề thảo luận và quyết định. Thông báo mời họp phải kèm theo tài liệu sử dụng tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên.

2. Thông báo mời họp Hội đồng quản trị có thể gửi bằng giấy mời, điện thoại, fax, phương tiện điện tử và bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên Hội đồng quản trị được đăng ký tại Công ty.

3. Cuộc họp Hội đồng quản trị được tiến hành tại trụ sở chính của Công ty hoặc tại địa điểm khác ở Việt Nam hoặc ở nước ngoài theo quyết định của Chủ tịch Hội đồng quản trị và được sự nhất trí của Hội đồng quản trị. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập gửi thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo đến các thành viên Ban Kiểm soát như đối với các thành viên Hội đồng quản trị.

4. Thành viên Ban Kiểm soát có quyền dự các cuộc họp Hội đồng quản trị; có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.

### **Điều 54. Điều kiện tổ chức họp Hội đồng quản trị**

*(Căn cứ quy định tại Điều 157 Luật doanh nghiệp; Điều 30 Điều lệ công ty)*

Cuộc họp Hội đồng quản trị được tiến hành khi có từ 3/4 tổng số thành viên trở lên dự họp. Trường hợp cuộc họp được triệu tập theo quy định tại Điều này không đủ số thành viên dự họp theo quy định thì **được triệu tập lần 2** trong thời hạn 07 (bảy) ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Trường hợp này, cuộc họp được tiến hành nếu có hơn một nửa số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.

**Điều 55. Cách thức biểu quyết**

*(Căn cứ Điều 30 Điều lệ công ty)*

1. Hội đồng quản trị thông qua nghị quyết, quyết định bằng biểu quyết tại cuộc họp, lấy ý kiến bằng văn bản hoặc hình thức khác do Điều lệ công ty quy định. Mỗi thành viên Hội đồng quản trị có một phiếu biểu quyết. Thành viên Hội đồng quản trị được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp trong trường hợp sau đây:

- a. Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
- b. Ủy quyền cho người khác đến dự họp và biểu quyết theo quy định tại **Điều 57 Quy chế này**;
- c. Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;
- d. Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử;
- e. Gửi phiếu biểu quyết bằng phương tiện khác theo quy định của pháp luật (nếu có).

2. Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì dán kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng quản trị chậm nhất là 01 giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả những người dự họp.

**Điều 56. Cách thức thông qua nghị quyết của Hội đồng quản trị**

*(Căn cứ Điều 30 Điều lệ công ty)*

Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị được thông qua nếu được đa số (quá  $\frac{1}{2}$ ) thành viên dự họp tán thành; trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Lưu ý, Thành viên Hội đồng quản trị không được biểu quyết đối với giao dịch mang lại lợi ích cho thành viên đó hoặc người có liên quan của thành viên đó theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều 43 Điều lệ công ty.

**Điều 57. Việc ủy quyền cho người khác dự họp của thành viên Hội đồng quản trị**

*(Căn cứ Điều 30 Điều lệ công ty)*

Thành viên phải tham dự đầy đủ các cuộc họp Hội đồng quản trị. **Thành viên được ủy quyền cho thành viên Hội đồng quản trị khác hoặc cho người khác dự họp và biểu quyết nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận.**

**Điều 58. Lập biên bản họp Hội đồng quản trị**

*(Căn cứ quy định tại Điều 158 Luật doanh nghiệp)*

Các cuộc họp Hội đồng quản trị phải được ghi biên bản và có thể ghi âm, ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt và có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài, bao gồm các nội dung chủ yếu sau đây:



- a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
- b. Thời gian, địa điểm họp;
- c. Mục đích, chương trình và nội dung họp;
- d. Họ, tên từng thành viên dự họp hoặc người được ủy quyền dự họp và cách thức dự họp; họ, tên các thành viên không dự họp và lý do;
- e. Vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp;
- f. Tóm tắt phát biểu ý kiến của từng thành viên dự họp theo trình tự diễn biến của cuộc họp;
- g. Kết quả biểu quyết trong đó ghi rõ những thành viên tán thành, không tán thành và không có ý kiến;
- h. Vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;
- i. Họ, tên, chữ ký chủ tọa và người ghi biên bản, trừ trường hợp quy định tại Điều 59 Quy chế này.

Biên bản họp Hội đồng quản trị và tài liệu sử dụng trong cuộc họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của công ty.

Biên bản lập bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung giữa biên bản bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản bằng tiếng Việt được áp dụng.

Chủ tọa, người ghi biên bản và những người ký tên trong biên bản phải chịu trách nhiệm về tính trung thực và chính xác của nội dung biên bản họp Hội đồng quản trị.

Biên bản họp Hội đồng quản trị và tài liệu sử dụng trong cuộc họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của công ty.

**Điều 59. Trường hợp chủ tọa và/hoặc thư ký từ chối ký Biên bản họp Hội đồng quản trị**

*(Căn cứ quy định tại Điều 158 Luật doanh nghiệp)*

Trường hợp chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp nhưng nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại các điểm a, b, c, d, đ, e, g và h Điều 58 Quy chế này thì biên bản này có hiệu lực.

**Điều 60. Thông báo nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị**

Sau khi ban hành Nghị quyết/Quyết định HĐQT, Công ty có trách nhiệm công bố thông tin trong nội bộ Công ty và cho các cơ quan hữu quan, trên các phương tiện thông tin đại chúng, trên trang website của Công ty theo trình tự và quy định của hiện hành.

**MỤC 5: CÁC TIỂU BAN THUỘC HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

**Điều 61. Các tiểu ban trực thuộc HĐQT**

*(Căn cứ Điều 31 Điều lệ công ty)*

1. Khi xét thấy cần thiết, Hội đồng quản trị có thể thành lập tiểu ban trực thuộc để phụ trách về chính sách phát triển, nhân sự, lương thưởng, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro. Số lượng thành viên của tiểu ban do Hội đồng quản trị quyết định có tối thiểu là 02 người bao gồm thành viên của Hội đồng quản trị và thành viên bên ngoài. Thành viên Hội đồng quản trị không điều hành nên chiếm đa số trong tiểu ban và một trong số các thành viên này được bổ nhiệm làm Trưởng tiểu ban theo quyết định của Hội đồng quản trị. Hoạt động của tiểu ban phải tuân thủ theo quy định của Hội đồng quản trị. Nghị quyết của tiểu ban chỉ có hiệu lực khi có đa số thành viên tham dự và biểu quyết thông qua tại cuộc họp của tiểu ban.

2. Việc thực thi quyết định của Hội đồng quản trị, hoặc của tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị phải phù hợp với các quy định pháp luật hiện hành và quy định tại Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty.

## **MỤC 6: LỰA CHỌN, BỔ NHIỆM, BÃI NHIỆM, MIỄN NHIỆM NGƯỜI PHỤ TRÁCH QUẢN TRỊ CÔNG TY**

### **Điều 62. Tiêu chuẩn của Người phụ trách quản trị công ty**

*(Căn cứ Điều 281 Nghị định 155/2020/NĐ-CP, Khoản 2 Điều 32 Điều lệ công ty)*

Người phụ trách quản trị công ty không được đồng thời làm việc cho tổ chức kiểm toán được chấp thuận đang thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty.

### **Điều 63. Việc bổ nhiệm Người phụ trách quản trị công ty**

*(Căn cứ Điều 281 Nghị định 155/2020/NĐ-CP, Khoản 1 Điều 32 Điều lệ công ty)*

Hội đồng quản trị của Công ty phải bổ nhiệm ít nhất 01 người phụ trách quản trị công ty để hỗ trợ công tác quản trị công ty tại doanh nghiệp. Người phụ trách quản trị công ty có thể kiêm nhiệm làm Thư ký công ty theo quy định tại khoản 5 Điều 156 Luật Doanh nghiệp.

### **Điều 64. Các trường hợp bãi nhiệm, miễn nhiệm Người phụ trách quản trị công ty**

1. HĐQT có thể bãi nhiệm, miễn nhiệm Người phụ trách quản trị công ty khi cần nhưng không trái với các quy định pháp luật hiện hành về lao động.

2. Người phụ trách quản trị công ty có thể bị bãi nhiệm theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

### **Điều 65. Thông báo bổ nhiệm, bãi nhiệm, miễn nhiệm Người phụ trách quản trị công ty**

Sau khi có quyết định bổ nhiệm, bãi nhiệm, miễn nhiệm Người phụ trách quản trị Công ty, Công ty có trách nhiệm công bố thông tin trong nội bộ Công ty và cho các cơ quan hữu quan, trên các phương tiện thông tin đại chúng, trên trang website của Công ty theo trình tự và quy định của Luật hiện hành.



**Điều 66. Quyền và Nghĩa vụ của Người phụ trách quản trị Công ty**

*(Căn cứ Khoản 3 Điều 32 Điều lệ công ty)*

Người phụ trách quản trị công ty có quyền và nghĩa vụ sau:

- a. Tư vấn Hội đồng quản trị trong việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định và các công việc liên quan giữa Công ty và cổ đông;
- b. Chuẩn bị các cuộc họp Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Đại hội đồng cổ đông theo yêu cầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát;
- c. Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp;
- d. Tham dự các cuộc họp;
- e. Tư vấn thủ tục lập các nghị quyết của Hội đồng quản trị phù hợp với quy định của pháp luật;
- f. Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp Hội đồng quản trị và các thông tin khác cho thành viên Hội đồng quản trị và thành viên Ban kiểm soát;
- g. Giám sát và báo cáo Hội đồng quản trị về hoạt động công bố thông tin của Công ty;
- h. Là đầu mối liên lạc với các bên có quyền lợi liên quan;
- i. Bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ công ty;
- j. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

**Chương IV: BAN KIỂM SOÁT**

**MỤC 1: QUY ĐỊNH CHUNG**

**Điều 67. Vai trò, quyền, nghĩa vụ của Ban kiểm soát, trách nhiệm của thành viên Ban kiểm soát**

*(Căn cứ Điều 287, Điều 288 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP)*

1. Thành viên Ban kiểm soát có các quyền theo quy định của Luật Doanh nghiệp, pháp luật liên quan và Điều lệ công ty, Quy chế hoạt động Ban kiểm soát trong đó có quyền tiếp cận các thông tin và tài liệu liên quan đến tình hình hoạt động của công ty. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và người điều hành khác của doanh nghiệp có trách nhiệm cung cấp các thông tin kịp thời và đầy đủ theo yêu cầu của thành viên Ban kiểm soát.

2. Thành viên Ban kiểm soát có trách nhiệm tuân thủ các quy định của pháp luật, Điều lệ công ty, Quy chế hoạt động Ban kiểm soát và đạo đức nghề nghiệp trong thực hiện các quyền và nghĩa vụ được giao.

3. Ban kiểm soát có các quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 170 Luật Doanh nghiệp, Điều lệ công ty và các quyền, nghĩa vụ sau:

a. Đề xuất, kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê duyệt danh sách tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của công ty; quyết định tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra hoạt động của công ty, bãi miễn kiểm toán viên được chấp

thuận khi xét thấy cần thiết.

- b. Chịu trách nhiệm trước cổ đông về hoạt động giám sát của mình.
- c. Giám sát tình hình tài chính của công ty, việc tuân thủ pháp luật trong hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, người quản lý khác.
- d. Đảm bảo phối hợp hoạt động với Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và cổ đông.
- e. Trường hợp phát hiện hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ công ty của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và người điều hành khác của doanh nghiệp, Ban kiểm soát phải thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị trong thời hạn bốn mươi tám (48) giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.
- f. Xây dựng Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát và trình Đại hội đồng cổ đông thông qua.
- g. Báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều 290 Nghị định 155/2020/NĐ-CP.

4. Ban kiểm soát có trách nhiệm tiếp nhận các yêu cầu tra cứu sổ sách và hồ sơ của cổ đông phổ thông quy định tại khoản 1, Điều 45 Điều lệ Công ty và thực hiện việc các đề nghị cung cấp thông tin theo yêu cầu này đối với Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc hoặc các người quản lý khác. Quy trình yêu cầu cung cấp thông tin quy định tại Phụ lục Quy chế này. Người được cung cấp thông tin có trách nhiệm bảo mật thông tin được cung cấp, sử dụng đúng mục đích cho công việc được giao.

## **MỤC 2: QUY ĐỊNH VỀ NHIỆM KỲ, SỐ LƯỢNG, THÀNH PHẦN, CƠ CẤU THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT**

### **Điều 68. Số lượng, nhiệm kỳ, thành phần và cơ cấu thành viên Ban kiểm soát**

*(Căn cứ quy định tại Điều 168 Luật doanh nghiệp, Khoản 1 Điều 38, Điều 39 Điều lệ công ty)*

- 1. Số lượng thành viên Ban kiểm soát của Công ty là ba (03) người.
- 2. Nhiệm kỳ của Kiểm soát viên không quá năm (05) năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.
- 3. Trưởng Ban kiểm soát do Ban kiểm soát bầu trong số các Kiểm soát viên; việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm theo nguyên tắc đa số. Quyền và nghĩa vụ của Trưởng Ban kiểm soát do Điều lệ công ty quy định. Ban kiểm soát phải có hơn một nửa số Kiểm soát viên thường trú tại Việt Nam. Trưởng Ban kiểm soát phải có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành có liên quan đến hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp, trừ trường hợp Điều lệ công ty có quy định tiêu chuẩn khác cao hơn.
- 4. Trường hợp Kiểm soát viên có cùng thời điểm kết thúc nhiệm kỳ mà Kiểm soát viên



nhiệm kỳ mới chưa được bầu thì Kiểm soát viên đã hết nhiệm kỳ vẫn tiếp tục thực hiện quyền và nghĩa vụ cho đến khi Kiểm soát viên nhiệm kỳ mới được bầu và nhận nhiệm vụ.

**Điều 69. Tiêu chuẩn và điều kiện của thành viên Ban Kiểm soát**

*(Căn cứ quy định tại Điều 169 Luật doanh nghiệp, Khoản 2 Điều 38 Điều lệ công ty)*

1. Kiểm soát viên phải có các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:
  - a. Không thuộc đối tượng theo quy định tại khoản 2 Điều 17 của Luật Doanh nghiệp;
  - b. Được đào tạo một trong các chuyên ngành về kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành phù hợp với hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp;
  - c. Không phải là người có quan hệ gia đình của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc hoặc Tổng Giám đốc và người quản lý khác;
  - d. Không phải là người quản lý công ty; không nhất thiết phải là cổ đông hoặc người lao động của công ty;
  - e. Không phải là người làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của Công ty;
  - f. Không phải là người là thành viên hay nhân viên của công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của công ty trong ba (03) năm liền trước đó.
  - g. Tiêu chuẩn và điều kiện khác theo quy định khác của pháp luật có liên quan.
2. Ngoài các tiêu chuẩn, điều kiện quy định tại khoản 1 Điều này, Kiểm soát viên công ty đảm bảo đủ các điều kiện theo quy định tại khoản 2 Điều 169 của Luật Doanh nghiệp.
3. Trưởng Ban kiểm soát phải có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành có liên quan đến hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.

**Điều 70. Đề cử, ứng cử thành viên Ban kiểm soát**

*(Căn cứ quy định tại Điều 285 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ; Điều 37 Điều lệ công ty)*


1. Việc ứng cử, đề cử thành viên Ban kiểm soát được thực hiện tương tự quy định tại khoản 1 Điều 25 Điều lệ Công ty và **khoản 1 Điều 44 Quy chế này**. **Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% đến dưới 30% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa một (01) ứng viên; từ 30% đến dưới 50% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 50% trở lên được đề cử tối đa ba (03) ứng viên.**
2. Trường hợp số lượng các ứng viên Ban kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử không đủ số lượng cần thiết theo quy định tại khoản 5 Điều 115 Luật Doanh nghiệp, Ban kiểm soát đương nhiệm phải đề cử thêm ứng viên đảm bảo đủ số lượng cần thiết theo quy định. Việc Ban kiểm soát đương nhiệm đề cử thêm ứng viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Ban kiểm soát theo quy định của pháp luật.

**Điều 71. Cách thức bầu thành viên Ban Kiểm soát**

*(Căn cứ quy định tại Khoản 3 Điều 148 Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14, Khoản 2*

**Điều 21 Điều lệ công ty)**


1. Việc biểu quyết bầu thành viên Ban Kiểm soát phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Ban Kiểm soát và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên Ban Kiểm soát được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Ban Kiểm soát thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy định tại quy chế bầu cử, Quy chế hoạt động Ban kiểm soát hoặc Điều lệ công ty.

2. 

**Điều 72. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban Kiểm soát**

*(Căn cứ quy định tại Điều 174 Luật doanh nghiệp)*

1. Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm thành viên Ban Kiểm soát trong trường hợp sau đây:
- Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Ban Kiểm soát theo quy định tại Điều 169 của Luật Doanh nghiệp;
  - Có đơn từ chức và được chấp thuận;
  - Trường hợp khác do Điều lệ công ty quy định.
2. Đại hội đồng cổ đông bãi nhiệm thành viên Ban Kiểm soát trong trường hợp sau đây:
- Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;
  - Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;
  - Vi phạm nhiều lần, vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của thành viên Ban Kiểm soát theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty;
  - Trường hợp khác theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.

**Điều 73. Thành viên Ban kiểm soát vẫn thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ cho đến khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua việc miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát,  Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban Kiểm soát**

Sau khi có quyết định bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Kiểm soát viên, Công ty có trách nhiệm công bố thông tin trong nội bộ Công ty và cho các cơ quan hữu quan, trên các phương tiện thông tin đại chúng, trên trang website của Công ty theo trình tự và quy định của luật hiện hành.

**Điều 74. Tiền lương và quyền lợi khác của thành viên Ban kiểm soát**

*(Căn cứ quy định tại Điều 172 Luật doanh nghiệp)*

1. Thành viên Ban kiểm soát được trả tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác theo quyết



định của Đại hội đồng cổ đông. Đại hội đồng cổ đông quyết định tổng mức tiền lương, thù lao, thưởng, lợi ích khác và ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát;

2. Thành viên Ban kiểm soát được thanh toán chi phí ăn, ở, đi lại, chi phí sử dụng dịch vụ tư vấn độc lập với mức hợp lý. Tổng mức thù lao và chi phí này không vượt quá tổng ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát đã được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác;

3. Tiền lương và chi phí hoạt động của Ban kiểm soát được tính vào chi phí kinh doanh của công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, quy định khác của pháp luật có liên quan và phải được lập thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của công ty.

## **Chương V: TỔNG GIÁM ĐỐC**

### **Điều 75. Vai trò, trách nhiệm, quyền và nghĩa vụ của Tổng Giám đốc**

*(Căn cứ Khoản 2, 4 Điều 35 Điều lệ công ty)*

1. Tổng Giám đốc là người điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty; chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị; chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và trước pháp luật về việc thực hiện quyền, nghĩa vụ được giao.

2. Tổng Giám đốc có các quyền và nghĩa vụ sau:

a. Quyết định các vấn đề liên quan đến công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty mà không thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị và Chủ tịch Hội đồng quản trị;

b. Tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị và Chủ tịch Hội đồng quản trị;

c. Tổ chức thực hiện các kế hoạch kinh doanh và phương án đầu tư của Công ty;

d. Kiến nghị phương án cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty;

e. Tuyển dụng, điều động, cho thôi việc, khen thưởng, kỷ luật người lao động, trừ các chức danh quản lý thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị và Chủ tịch Hội đồng quản trị;

f. Kiến nghị số lượng, chức danh và các vấn đề liên quan như mức lương, thù lao, các lợi ích và các điều khoản khác của hợp đồng lao động của người điều hành khác và trình Hội đồng quản trị phê chuẩn;

g. Chậm nhất vào ngày 31 tháng 01 hằng năm, Tổng giám đốc phải lập kế hoạch và trình Hội đồng quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến việc tuyển dụng, cho người lao động nghỉ việc, tiền lương, bảo hiểm xã hội, phúc lợi, khen thưởng và kỷ luật đối với người lao động và người điều hành khác của Công ty cho năm tài chính đó

h. Vào ngày 31 tháng 10 hàng năm, Tổng giám đốc phải trình Hội đồng quản trị phê chuẩn kế hoạch kinh doanh chi tiết cho năm tài chính đó trên cơ sở đáp ứng các yêu cầu của ngân sách phù hợp cũng như kế hoạch tài chính năm.

i. Kiến nghị phương án trả cổ tức hoặc xử lý lỗ trong kinh doanh;

j. Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông về việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được giao, và phải báo cáo các cấp này khi được yêu cầu.

k. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ, Quy chế nội bộ về quản trị công ty và theo Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng quản trị, Quyết định của Chủ tịch Hội đồng quản trị và Hợp đồng lao động ký với Công ty.

#### **Điều 76. Nhiệm kỳ, tiêu chuẩn và điều kiện của Tổng Giám đốc**

*(Căn cứ quy định tại Khoản 5 Điều 162 Luật doanh nghiệp; Khoản 3 Điều 35 Điều lệ công ty)*

Nhiệm kỳ của Tổng Giám đốc không quá năm (05) năm và có thể được bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Tổng Giám đốc phải đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện sau đây:

a. Không thuộc đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 17 của Luật Doanh nghiệp;

b. Không được là người có quan hệ gia đình của người quản lý doanh nghiệp, Kiểm soát viên của công ty và công ty mẹ; người đại diện phần vốn nhà nước, người đại diện phần vốn của doanh nghiệp tại công ty và công ty mẹ;

c. Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản trị kinh doanh của công ty;

d. Các tiêu chuẩn và điều kiện khác theo quy định pháp luật.

#### **Điều 77. Ứng cử, đề cử Tổng Giám đốc**

Các thành viên Ban Tổng Giám đốc, các thành viên HĐQT có quyền ứng cử, đề cử ứng viên Tổng Giám đốc theo đúng các tiêu chuẩn và điều kiện quy định tại Điều 76 Quy chế này và trình lên HĐQT xem xét khi Công ty có nhu cầu tìm kiếm Tổng Giám đốc.

#### **Điều 78. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng Giám đốc**

*(Căn cứ Khoản 1, Khoản 5 Điều 35 Điều lệ công ty)*

Hội đồng quản trị bổ nhiệm 01 thành viên Hội đồng quản trị hoặc thuê người khác làm Tổng Giám đốc.

Hội đồng quản trị có thể miễn nhiệm, bãi nhiệm Tổng Giám đốc khi đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết dự họp tán thành (không kể biểu quyết của Tổng Giám đốc trong trường hợp này) và bổ nhiệm một Tổng Giám đốc mới thay thế.

Hội đồng quản trị có thẩm quyền ký kết/ chấm dứt hợp đồng và quyết định các điều khoản của hợp đồng lao động được quy định tại Điểm i Khoản 2 Điều 27 và Điều 35 Điều lệ công ty.



**Điều 79. Thông báo bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng Giám đốc**

Sau khi có quyết định bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Tổng Giám đốc, Công ty có trách nhiệm công bố thông tin trong nội bộ Công ty và cho các cơ quan hữu quan, trên các phương tiện thông tin đại chúng, trên trang website của Công ty theo trình tự và quy định của Luật hiện hành.

**Điều 80. Tiền lương và lợi ích khác của Tổng Giám đốc**

*(Căn cứ Khoản 3, Khoản 4 Điều 34 Điều lệ công ty)*

1. Tổng Giám đốc được trả lương và thưởng. Tiền lương và thưởng của Tổng Giám đốc do Hội đồng quản trị quyết định.

2. Tiền lương của người điều hành công ty được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.

**Chương VI: CÁC HOẠT ĐỘNG KHÁC**

**MỤC 1: QUY ĐỊNH VỀ PHỐI HỢP HOẠT ĐỘNG GIỮA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ TỔNG GIÁM ĐỐC**

**Điều 81. Thủ tục, trình tự triệu tập, thông báo mời họp, ghi biên bản, thông báo kết quả họp giữa HĐQT, Ban kiểm soát và Tổng Giám đốc**

Thủ tục, trình tự triệu tập, thông báo mời họp, ghi biên bản, thông báo kết quả họp giữa HĐQT, Ban kiểm soát và Tổng Giám đốc được thực hiện theo thủ tục, trình tự triệu tập họp HĐQT được quy định tại Mục 4 Chương 3 Quy chế này.

**Điều 82. Thông báo Nghị quyết/ Quyết định của HĐQT cho Ban kiểm soát**

*(Căn cứ quy định tại Khoản 1 Điều 171 Luật Doanh nghiệp 2020)*

Nghị quyết/ Quyết định, biên bản họp HĐQT sau khi được ban hành phải được gửi đến cho các Kiểm soát viên cùng thời điểm và theo phương thức như đối với thành viên HĐQT.

**Điều 83. Thông báo Nghị quyết/ Quyết định của HĐQT cho Tổng Giám đốc**

Nghị quyết/ Quyết định HĐQT (với các nội dung liên quan đến trách nhiệm, quyền hạn và nghĩa vụ của Tổng Giám đốc) sau khi được ban hành phải được gửi đến cho Tổng Giám đốc cùng thời điểm và theo phương thức như đối với thành viên HĐQT.

**Điều 84. Các trường hợp Ban kiểm soát và Tổng Giám đốc đề nghị triệu tập họp HĐQT và những vấn đề cần xin ý kiến HĐQT**

*(Căn cứ quy định tại Điểm h Khoản 3 Điều 162 Luật doanh nghiệp, Điều 288 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP, Khoản 4 Điều 35, Điều 40 Điều lệ công ty)*

**1. Các trường hợp đề nghị triệu tập họp HĐQT**

**a. Ban kiểm soát có thể đề nghị triệu tập họp HĐQT trong các trường hợp sau:**

- Khi có yêu cầu của cổ đông/nhóm cổ đông theo quy định tại khoản 2 Điều 115 của Luật doanh nghiệp.

- Khi xét thấy quyền tiếp cận các thông tin và tài liệu liên quan đến tình hình hoạt động của công ty của Kiểm soát viên không được thực hiện đầy đủ theo pháp luật hiện hành và Điều lệ công ty;

- Khi phát hiện hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ công ty của thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc và người điều hành doanh nghiệp khác sau khi đã thực hiện thông báo bằng văn bản với HĐQT theo quy định tại Khoản 5 Điều 40 Điều lệ công ty nhưng người có hành vi vi phạm chưa chấm dứt vi phạm hoặc có giải pháp khắc phục hậu quả;

**b. Tổng Giám đốc có thể đề nghị triệu tập họp HĐQT trong các trường hợp sau:**

- Khi xét thấy các quyền của Tổng Giám đốc theo quy định tại Điều 35 Điều lệ công ty không được thực thi;

- Khi phát hiện hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ công ty của những người điều hành doanh nghiệp khác sau khi đã thực hiện thông báo bằng văn bản với HĐQT nhưng người có hành vi vi phạm chưa chấm dứt vi phạm hoặc có giải pháp khắc phục hậu quả;

**2. Những vấn đề Tổng Giám đốc cần xin ý kiến HĐQT:**

a. Kiến nghị với HĐQT về phương án cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty;

b. Đề xuất những biện pháp nâng cao hoạt động và quản lý của Công ty;

c. Tổng Giám đốc báo cáo hàng năm cho Hội đồng quản trị về các vấn đề liên quan đến người lao động và người điều hành doanh nghiệp;

d. Tổng Giám đốc báo cáo hàng năm với Hội đồng quản trị về các vấn đề liên quan đến quan hệ của Công ty với các tổ chức công đoàn theo các chuẩn mực, thông lệ và chính sách quản lý tốt nhất, những thông lệ và chính sách quy định tại Điều lệ này, các quy chế của Công ty và quy định pháp luật hiện hành;

e. Xin ý kiến HĐQT đối với Báo cáo tài chính kiểm toán (bao gồm cả bảng cân đối kế toán, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ dự kiến) cho từng năm tài chính phải được trình để HĐQT thông qua;

f. Kiến nghị phương án trả cổ tức hoặc xử lý lỗ trong kinh doanh;

g. Xin ý kiến HĐQT phê chuẩn kế hoạch kinh doanh chi tiết cho năm tài chính tiếp theo;

h. Các nội dung khác khi xét thấy lợi ích của Công ty.

**3. Những vấn đề Tổng Giám đốc cần xin ý kiến Chủ tịch HĐQT: Khi xử lý các vấn đề hoặc thực thi các quyết định thuộc thẩm quyền của Chủ tịch HĐQT.**

**Điều 85. Báo cáo của Tổng Giám đốc với HĐQT về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao**



*(Căn cứ quy định tại Phụ lục IV Thông tư số 96/2020/TT-BTC, Khoản 4 Điều 35 Điều lệ công ty)*

1. Báo cáo về tình hình thực hiện Nghị quyết của HĐQT và Đại hội đồng cổ đông, kế hoạch kinh doanh và kế hoạch đầu tư của Công ty đã được HĐQT và Đại hội đồng cổ đông thông qua;
2. Định kỳ hàng quý, hàng năm báo cáo đánh giá tình hình tài chính, tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty;
3. Báo cáo về những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý;
4. Báo cáo hàng năm về việc triển khai thực hiện các nghĩa vụ đối với môi trường, cộng đồng, người lao động;
5. Báo cáo về tình hình thực hiện các nội dung được HĐQT và Đại hội đồng cổ đông ủy quyền khác;
6. Thực hiện báo cáo các vấn đề khác theo yêu cầu của HĐQT.

**Điều 86. Kiểm điểm việc thực hiện nghị quyết và các vấn đề ủy quyền khác của HĐQT đối với Tổng Giám đốc**

Căn cứ vào báo cáo của Tổng Giám đốc về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao theo quy định tại Điều 75 Quy chế này, HĐQT sẽ tiến hành kiểm điểm kết quả thực hiện nghị quyết và các vấn đề ủy quyền khác của HĐQT với Tổng Giám đốc.

**Điều 87. Các vấn đề Tổng Giám đốc phải báo cáo, cung cấp thông tin và cách thức thông báo cho HĐQT, BKS**

*(Căn cứ quy định tại Khoản 3 Điều 291 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP, Điều 35, Khoản 3 Điều 43, Điều 45 Điều lệ công ty)*

1. Các vấn đề Tổng Giám đốc phải báo cáo, cung cấp thông tin và cách thức thông báo cho HĐQT:
  - a. Các nội dung theo Điều 84 Quy chế này;
  - b. Tổng Giám đốc có nghĩa vụ thông báo cho HĐQT các giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty khác do Công ty nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với chính đối tượng đó hoặc với những người có liên quan của đối tượng đó theo quy định của pháp luật.
  - c. Các nội dung khác cần xin ý kiến, báo cáo cho HĐQT phải được gửi trước ít nhất là bảy (07) ngày làm việc và HĐQT sẽ phản hồi trong vòng bảy (07) ngày làm việc.
  - d. Riêng trường hợp chấp thuận các hợp đồng, giao dịch theo quy định khoản 1 Điều 167 Luật Doanh nghiệp và có giá trị nhỏ hơn 35% tổng giá trị tài sản của doanh nghiệp ghi trong báo cáo tài chính gần nhất hoặc một tỷ lệ hoặc giá trị khác nhỏ hơn theo quy định tại Điều lệ công ty, người đại diện công ty ký hợp đồng, giao dịch phải thông báo cho thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên về các đối tượng có liên quan đối với hợp

đồng, giao dịch đó và gửi kèm theo dự thảo hợp đồng hoặc nội dung chủ yếu của giao dịch. Hội đồng quản trị quyết định việc chấp thuận hợp đồng, giao dịch trong thời hạn mười lăm (15) ngày kể từ ngày nhận được thông báo, trừ trường hợp Điều lệ công ty quy định một thời hạn khác; thành viên HĐQT có lợi ích liên quan đến các bên trong hợp đồng, giao dịch không có quyền biểu quyết.

2. Các vấn đề Tổng Giám đốc phải báo cáo, cung cấp thông tin và cách thức thông báo cho BKS:

- a. Báo cáo của Tổng Giám đốc trình HĐQT hoặc tài liệu khác do công ty phát hành được gửi đến các Kiểm soát viên cùng thời điểm và theo phương thức như đối với thành viên HĐQT.
- b. **Tổng Giám đốc, người điều hành doanh nghiệp khác phải cung cấp đầy đủ, chính xác và kịp thời thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của công ty theo yêu cầu của Kiểm soát viên hoặc Ban kiểm soát, trừ những thông tin liên quan đến bí mật kinh doanh của Công ty.**
- c. Cách thức thông báo cho BKS thực hiện như đối với Hội đồng quản trị.

**Điều 88. Phối hợp hoạt động kiểm soát, điều hành, giám sát giữa các thành viên HĐQT, các Kiểm soát viên và Tổng Giám đốc theo các nhiệm vụ cụ thể của các thành viên nêu trên**

1. Phối hợp hoạt động giữa BKS và HĐQT:

BKS có vai trò giám sát, phối hợp, tư vấn và thông tin đầy đủ, kịp thời, chính xác. Cụ thể như sau:

- a. Thường xuyên thông báo với HĐQT về kết quả hoạt động, tham khảo ý kiến của HĐQT trước khi trình báo cáo, kết luận và kiến nghị lên Đại hội đồng cổ đông;
- b. Trong các cuộc họp của Ban kiểm soát, Ban kiểm soát có quyền yêu cầu thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận tham dự và trả lời các vấn đề cần được làm rõ;
- c. Các cuộc kiểm tra định kỳ, đột xuất của BKS phải có kết luận bằng văn bản (không trễ hơn mười lăm (15) ngày kể từ ngày kết thúc) gửi cho HĐQT để có thêm cơ sở giúp HĐQT trong công tác quản lý Công ty. Tùy theo mức độ và kết quả của cuộc kiểm tra trên, BKS cần phải bàn bạc thống nhất với HĐQT, Tổng Giám đốc trước khi báo cáo trước Đại hội đồng cổ đông. Trường hợp không thống nhất quan điểm thì được ủy quyền bảo lưu ý kiến ghi vào biên bản và Trưởng BKS có trách nhiệm báo cáo với Đại hội đồng cổ đông gần nhất;
- d. Trường hợp Ban kiểm soát phát hiện những hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ công ty của các thành viên HĐQT, Ban kiểm soát thông báo bằng văn bản với HĐQT trong vòng bốn mươi tám (48) giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả;



e. Kiểm soát viên có nghĩa vụ thông báo cho HĐQT các giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty khác do Công ty nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với chính đối tượng đó hoặc với những người có liên quan của đối tượng đó theo quy định của pháp luật;

f. Đối với các kiến nghị liên quan đến tình hình hoạt động và tài chính của Công ty thì BKS phải gửi văn bản cùng tài liệu liên quan trước ít nhất mười lăm (15) ngày so với ngày dự định nhận được phản hồi;

g. Các nội dung kiến nghị đến HĐQT phải được gửi trước ít nhất là bảy (07) ngày làm việc và HĐQT sẽ phản hồi trong vòng bảy (07) ngày làm việc;

h. HĐQT tạo điều kiện thuận lợi để BKS thực hiện các quyền và nghĩa vụ của mình.

## **2. Phối hợp hoạt động giữa BKS và Tổng Giám đốc:**

BKS có chức năng kiểm tra và giám sát.

a. Trong các cuộc họp của BKS, BKS có quyền yêu cầu Tổng Giám đốc (cùng lúc yêu cầu thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận) tham dự và trả lời các vấn đề cần được làm rõ các vấn đề mà các Kiểm soát viên quan tâm;

b. Các cuộc kiểm tra định kỳ, đột xuất của BKS phải có kết luận bằng văn bản (không trễ hơn mười lăm (15) ngày kể từ ngày kết thúc) gửi cho Tổng Giám đốc để có thêm cơ sở giúp Tổng Giám đốc trong công tác quản lý Công ty. Tùy theo mức độ và kết quả của cuộc kiểm tra trên, BKS cần phải bàn bạc thống nhất với Tổng Giám đốc trước khi báo cáo trước Đại hội đồng cổ đông. Trường hợp không thống nhất quan điểm thì được ủy quyền bảo lưu ý kiến ghi vào biên bản và Trưởng BKS có trách nhiệm báo cáo với Đại hội đồng cổ đông gần nhất;

c. Kiểm soát viên có quyền yêu cầu Tổng Giám đốc tạo điều kiện tiếp cận hồ sơ, tài liệu liên quan đến hoạt động doanh của Công ty (không bao gồm các thông tin thuộc phạm vi bí mật kinh doanh của công ty) tại Trụ sở chính hoặc nơi lưu trữ hồ sơ, nhằm mục đích thực thi nhiệm vụ được phân công của thành viên Ban kiểm soát nếu được Ban kiểm soát thông qua. Quy trình yêu cầu cung cấp thông tin quy định tại Phụ lục Quy chế này. Người được cung cấp thông tin có trách nhiệm bảo mật thông tin được cung cấp, sử dụng đúng mục đích cho công việc được giao.

d. Đối với thông tin, tài liệu về quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh và báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính, văn bản yêu cầu cung cấp của BKS phải được gửi đến Công ty trước ít nhất bốn mươi tám (48) giờ làm việc so với thời gian dự định nhận được phản hồi. BKS không được sử dụng các thông tin chưa được phép công bố của công ty hoặc tiết lộ cho người khác để thực hiện các giao dịch có liên quan;

e. Các nội dung kiến nghị về các biện pháp sửa đổi, bổ sung, cải tiến cơ cấu tổ chức quản lý, giám sát và điều hành hoạt động kinh doanh công ty của BKS phải được gửi đến Tổng Giám đốc trước ít nhất bảy (07) ngày làm việc so với ngày dự định nhận được phản hồi;

f. Tổng Giám đốc tạo điều kiện thuận lợi để BKS thực hiện các quyền và nghĩa vụ của mình.

## **3. Phối hợp hoạt động giữa Tổng Giám đốc và HĐQT: Tổng Giám đốc là người thay mặt**

điều hành hoạt động của Công ty, đảm bảo Công ty hoạt động liên tục và hiệu quả.

a. Khi có kiến nghị phương án cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của công ty, Tổng Giám đốc gửi cho HĐQT sớm nhất có thể nhưng không ít hơn bảy (07) ngày trước ngày nội dung đó cần được quyết định;

b. Tổng Giám đốc báo cáo hàng năm cho Hội đồng quản trị về các vấn đề liên quan đến người lao động và người điều hành doanh nghiệp;

c. Tổng Giám đốc báo cáo hàng năm với Hội đồng quản trị về các vấn đề liên quan đến quan hệ của Công ty với các tổ chức công đoàn theo các chuẩn mực, thông lệ và chính sách quản lý tốt nhất, những thông lệ và chính sách quy định tại Điều lệ này, các quy chế của Công ty và quy định pháp luật hiện hành;

d. Tổng Giám đốc có nghĩa vụ thông báo cho HĐQT các giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty khác do Công ty nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với chính đối tượng đó hoặc với những người có liên quan của đối tượng đó theo quy định của pháp luật;

e. Các nội dung khác cần xin ý kiến theo quy định tại Khoản 2 Điều 84 Quy chế này HĐQT phải được gửi trước ít nhất là bảy (07) ngày làm việc so với ngày dự định nhận được phản hồi của HĐQT.

## **MỤC 2: QUY ĐỊNH VỀ ĐÁNH GIÁ HÀNG NĂM ĐỐI VỚI HOẠT ĐỘNG KHEN THƯỞNG VÀ KỶ LUẬT ĐỐI VỚI THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ CÁC NGƯỜI ĐIỀU HÀNH DOANH NGHIỆP KHÁC**

**Điều 89. Quy định về việc đánh giá hoạt động của Thành viên HĐQT, Kiểm soát viên, Tổng Giám đốc và người điều hành khác**

1. HĐQT có trách nhiệm xây dựng các tiêu chuẩn đánh giá hoạt động cho tất cả các đối tượng là thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc và người điều hành khác.

2. Các tiêu chuẩn đánh giá hoạt động phải hài hòa giữa lợi ích của người điều hành doanh nghiệp với lợi ích lâu dài của Công ty và cổ đông. Các chỉ số tài chính và phi tài chính được sử dụng trong đánh giá được HĐQT cân nhắc thận trọng và quyết định tại từng thời điểm. Trong đó, các chỉ tiêu phi tài chính có thể được đề cập như: quyền lợi của các bên liên quan, hiệu quả hoạt động, những tiến bộ và cải tiến đạt được, v.v....

3. Hàng năm, căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ được phân công và các tiêu chuẩn đánh giá đã được thiết lập/các kết quả đạt được, HĐQT tổ chức thực hiện đánh giá hoạt động thành viên HĐQT.

4. Việc đánh giá hoạt động của các Kiểm soát viên được tổ chức thực hiện theo phương thức được đề cập tại cơ cấu tổ chức và hoạt động của BKS.

5. Việc đánh giá hoạt động của người điều hành khác thực hiện theo các quy định nội bộ



hoặc có thể dựa vào bản tự đánh giá hoạt động của những người điều hành này.

#### **Điều 90. Khen thưởng**

1. HĐQT hoặc Tiểu ban Lương thưởng (nếu có) có trách nhiệm xây dựng chính sách khen thưởng. Việc khen thưởng được thực hiện dựa trên kết quả đánh giá hoạt động tại Điều 89 của Quy chế này.

2. Các hình thức khen thưởng: bằng tiền, bằng cổ phiếu (phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động trong công ty) hoặc các hình thức khác do HĐQT hoặc Tiểu ban Lương thưởng xây dựng. Các hình thức khen thưởng sẽ do Tổng Giám đốc phải lập kế hoạch trình HĐQT phê chuẩn, trường hợp vượt thẩm quyền sẽ trình Đại hội đồng cổ đông thông qua.

3. Chế độ khen thưởng đối với đối tượng là thành viên HĐQT, kiểm soát viên sẽ do Đại hội đồng cổ đông quyết định.

4. Đối với đối tượng là người điều hành doanh nghiệp: nguồn kinh phí thưởng được trích từ Quỹ khen thưởng phúc lợi của Công ty và nguồn hợp pháp khác. Mức khen thưởng được căn cứ vào kết quả kinh doanh thực tế hàng năm, Tổng Giám đốc sẽ đề xuất HĐQT phê chuẩn, trường hợp vượt thẩm quyền sẽ trình Đại hội đồng cổ đông thông qua.

#### **Điều 91. Kỷ luật**

1. HĐQT có trách nhiệm xây dựng hình thức kỷ luật dựa trên tính chất và mức độ của việc vi phạm. Việc kỷ luật phải có hình thức cao nhất là bãi nhiệm, cách chức.

2. Thành viên HĐQT, Kiểm soát viên, người điều hành doanh nghiệp không hoàn thành nhiệm vụ của mình so với yêu cầu với sự trung thực, siêng năng, cẩn trọng sẽ phải chịu trách nhiệm cá nhân về những thiệt hại do mình gây ra.

3. Thành viên HĐQT, Kiểm soát viên, người điều hành doanh nghiệp khi thực hiện nhiệm vụ mà có hành vi vi phạm quy định pháp luật hoặc quy định của Công ty thì tùy theo mức độ vi phạm mà bị xử lý kỷ luật, vi phạm hành chính hoặc truy cứu trách nhiệm hình sự theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty. Trường hợp gây thiệt hại đến lợi ích của Công ty, cổ đông hoặc người khác sẽ phải bồi thường theo quy định của pháp luật.

### **Chương VII: SỬA ĐỔI QUY ĐỊNH VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY**

#### **Điều 92. Bổ sung và sửa đổi Quy định về quản trị Công ty**

1. Việc bổ sung hoặc sửa đổi Quy chế này phải được Đại hội đồng cổ đông Công ty xem xét và quyết định.

2. Trong trường hợp có những quy định của pháp luật có liên quan đến hoạt động của công ty chưa được đề cập trong bản quy chế này hoặc trong trường hợp có những quy định mới của pháp luật khác với những điều khoản trong quy chế này thì những quy định của pháp luật đó đương nhiên được áp dụng và điều chỉnh hoạt động của công ty.

## **Chương VIII: NGÀY HIỆU LỰC**

### **Điều 93. Ngày hiệu lực**

1. Quy chế này gồm 08 Chương, 93 Điều được Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Thuốc sát trùng Cần Thơ nhất trí thông qua ngày 24..... tháng ...04... năm 2025 và cùng chấp thuận hiệu lực toàn văn của quy định này.
2. Quy chế này là duy nhất và chính thức của công ty.
3. Các bản sao hoặc trích lục Quy chế về quản trị công ty phải có chữ ký của Chủ tịch HĐQT.

*Cần Thơ, ngày ... tháng ... năm 2025*

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ  
CHỦ TỊCH**

*(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)*